ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN THỊ THU HƯƠNG

GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN THỊ THU HƯƠNG

GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Chuyên ngành: VĂN HỌC VIỆT NAM
Mã số: 60 22 01 21

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. DƯƠNG THU HẰNG

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS. TS Dương Thu Hằng, kết quả nêu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả

Trần Thị Thu Hương

LỜI CẢM ƠN

Luận văn đã được hoàn thành tại khoa Ngữ Văn, trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

Với tình cảm chân thành nhất của mình, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS.Dương Thu Hằng, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện cho em trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Ban Giám hiệu, khoa Sau Đại học, khoa Ngữ Văn trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ em trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Nhân đây, tôi cũng xin chân thành cảm ơn các bạn bè, đồng nghiệp, những người thân trong gia đình đã khuyến khích, động viên và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả

Trần Thị Thu Hương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC iii
MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Lịch sử vấn đề 2
3. Mục đích nghiên cứu 7
4. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 7
5. Phạm vi nghiên cứu 7
6. Phương pháp nghiên cứu 8
7. Dự kiến đóng góp 9
8. Cấu trúc của luận văn 9
NỘI DUNG 10
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI 10
1.1. Khái quát chung về giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc 10
1.1.1. Giá trị và giá trị đạo lý 10
1.1.2. Khái quát về cảm hứng đạo lý trong văn học Việt Nam 12
1.2. Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo đức trữ tình xuất sắc nhất trong lịch sử văn học dân tộc. 26
1.2.1. Con người và cuộc đời 26
1.2.2. Quan niệm sáng tác 27
* Tiểu kết chương 1: 31
Chương 2: CẢM HỨNG ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU 33
2.1. Khẳng định, đề cao giá trị đạo lý của dân tộc 33
2.1.1. Đạo đức nhân nghĩa 33
2.1.2. Tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài 39

2.1.3. Lòng vị tha, chung thủy, tiết hạnh 43
2.1.4. Tinh thần xả thân vì nước 46
2.2. Trân trọng, ngợi ca những tình cảm tốt đẹp 53
2.2.1. Nghĩa Vua - tôi 53
2.2.2. Đạo vợ chồng 55
2.2.3. Tình cha con 58
2.2.4. Tình chủ tớ 67
*Tiểu kết chương 2: 69
Chương 3: PHÁT HUY GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP 70
3.1. Đạo đức xã hội trong thời kì hội nhập - những vấn đề đặt ra 70
3.1.1. Thực trạng đạo đức trong thời kì hội nhập 70
3.1.2. Vai trò của đạo đức, đạo lý trong đời sống xã hội 72
3.2. Phát huy giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ 73
3.2.1. Góp phần giáo dục thế hệ trẻ sống yêu thương, nhân nghĩa 74
3.2.2. Góp phần giáo dục thế hệ trẻ sống trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm 85
* Tiểu kết chương 3: 92
KẾT LUẬN 94
TÀI LIỆU THAM KHẢO 98

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Được mệnh danh là "nhà thơ đạo đức trữ tình xuất sắc nhất trong lịch sử văn học dân tộc" [dẫn theo 40, tr.577], một trong những nội dung lớn bao trùm hầu hết các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là những giá trị đạo lý truyền thống quý báu của dân tộc. Các giá trị đạo lý ấy đã góp phần không nhỏ trong quá trình hình thành, xây dựng và phát triển đất nước. Đặc biệt trong xã hội ngày nay, với sự bùng nổ mạnh mẽ của khoa học và công nghệ thông tin, với nhịp sống hối hả, khẩn trương và biết bao câu chuyện đau lòng vẫn đang xảy ra xung quanh cuộc sống của chúng ta: những vụ án vợ giết chồng, anh giết em, con giết cha, những câu chuyện về bạo lực học đường, bạo lực gia đình đã gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh về sự mai một và xuống cấp của những giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc.

"Văn học là nhân học" (M.Gorki). Từ xưa đến nay, nhiều Nhà nước đã khẳng định vai trò giáo dục, hướng thiện của văn học. Việc dạy Văn không chỉ đơn thuần là việc cung cấp những tri thức khoa học văn học mà dạy Văn còn là dạy cách làm người. Vì vậy, môn Ngữ Văn luôn có một vị trí xứng đáng trong chương trình giáo dục phổ thông.

Không phải ngẫu nhiên mà chúng tôi chọn tác gia Nguyễn Đình Chiểu làm đối tượng để khảo sát. Trong chương trình Ngữ Văn THCS, THPT, Cao đẳng, Đại học thì Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác gia có nhiều tác phẩm được đưa vào giảng dạy như Truyện thơ *Lục Vân Tiên*, bài thơ *Chạy giặc*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*... Chúng tôi coi hệ thống tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là một chỉnh thể nghệ thuật. Đặc biệt khi mà luân lí đạo đức trong xã hội ngày càng có những biểu hiện suy thoái, biến tướng thì tiếng nói về đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu mang một ý nghĩa hết sức sâu sắc, góp phần thức tỉnh, giáo dục đạo đức con người trong thời đại mới.

Từ những lí do trên chúng tôi đã lựa chọn đề tài:***"Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc".*** Chúng tôi hi vọng có thể cung cấp một góc nhìn thực tiễn về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu,

góp phần nâng cao chất lượng dạy - học thơ văn của tác giả này trong nhà trường các cấp. Có thể xem đây như là một công cụ hỗ trợ trong việc giảng dạy những tri thức khoa học văn học cũng như cung cấp những bài học đạo đức sinh động từ tác phẩm và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó góp phần quan trọng vào việc giáo dục đạo đức, lẽ sống tiến bộ, tích cực cho học sinh - điều vô cùng cần thiết trong việc giảng dạy bộ môn Ngữ văn hiện nay.

2. Lịch sử vấn đề

Nguyễn Đình Chiểu là một tác gia lớn của văn học Việt Nam thời kì trung đại. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông luôn là một mạch ngầm không bao giờ vơi cạn cho các nhà nghiên cứu phê bình. Sau đây, chúng tôi xin điểm qua một số bài viết, công trình, ý kiến của các nhà nghiên cứu đề cập đến Nguyễn Đình Chiểu và liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài mà chúng tôi tìm hiểu.

Tác giả Nguyễn Ngọc Chỉ trong bài *"Một nhà thi sĩ trứ danh nước ta; cụ Nguyễn Đình Chiểu làm truyện Lục Vân Tiên"* đã đánh giá: "Quốc văn ta có hai quyển giá trị hơn hết là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Du đã có nhiều người nói đến nhưng Nguyễn Đình Chiểu thì ít người biết" [4, tr.23].

Mục đích đặt truyện *Lục Vân Tiên* là dạy người nhà và học trò chứ không phải làm văn, nên đó là một bộ "thi luân lí" lời lẽ bình dị. *Lục Vân Tiên* dần được cả nước biết đến và thích đọc. Ở đây, tác giả đã đặt vấn đề về giá trị của *Lục Vân Tiên* và việc nghiên cứu tác gia Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là chú ý tới tính chất "thi luân lí" của tác phẩm. Tuy vậy, đây mới chỉ là những khám phá sơ lược ban đầu.

Trong bài *"Giá trị đạo đức của truyện Lục Vân Tiên"*, tác giả An Cư chỉ ra rằng *"tuy nhằm chấn chỉnh, truyền bá những nguyên tắc đạo đức, đạo lý cổ truyền nhưng cố ý hay vô tình Nguyễn Đình chiểu đã cho thấy đạo lý của Khổng Tử bấy giờ không còn uy tín tinh thần đối với người dân nữa vì nó đã đến hồi phá sản trước sức mạnh của các loạt súng đồng của Pháp"* [3, tr.32-40].

Tác giả Bàng Bá Lân cũng đã chứng minh *"Nguyễn Đình Chiểu không lãng mạn cũng không trữ tình, không tượng trưng cũng không tả thực. Ông chỉ dùng*

những lời thơ thông thường giản dị, mộc mạc bình dân để phô bày những tư tưởng đạo lý, những xúc động chân thành trước tình nhà, nỗi nước" [19, tr.85-94].

Tiếp đó, Ni-cu-lin trong bài *"Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt Nam"* [dẫn theo 40, tr.640], đã giới thiệu Nguyễn Đình Chiểu là linh hồn của phong trào giải phóng và cho rằng truyện *Lục Vân Tiên* được dịch ra tiếng Pháp là bản dịch đầu tiên về một tác phẩm lớn của văn học Việt Nam ở châu Âu. Đặc điểm của thiên truyện là sức mạnh cao cả của sự trong sạch đạo đức. Sự kết hợp phức tạp giữa những cái bắt nguồn từ cuộc sống tới những thủ pháp truyền thống là đặc điểm của nhiều áng văn vần của Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 1973, tác giả Nguyễn Đình Chú viết bài *"Từ lí tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước"*. Bài viết nói đến con đường phát triển của văn chương Đồ Chiểu trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa tư tưởng và nghệ thuật từ truyện *Lục Vân Tiên* đến văn thơ yêu nước chống Pháp của ông. Giáo sư Nguyễn Đình Chú đã khẳng định: *"Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên nêu được sự tương xứng giữa phẩm chất người nông dân trong văn học với người nông dân ngoài đời thường. Từ con đường văn chương của Đồ Chiểu, chúng ta học được không biết bao nhiêu điều quý báu về đạo lý làm người, về trách nhiệm, về nghề nghiệp của người cầm bút, về bản chất và chức năng của văn học"* [dẫn theo 40, tr.212].

Tác giả Hoàng Thiệu Khang viết *bài "Quan điểm văn chương - nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu"* đã khẳng định quan niệm về chức năng văn nghệ của Nguyễn Đình Chiểu "Sứ mệnh lớn lao và chủ yếu của văn nghệ là giáo dục quần chúng, văn nghệ là một hình thức giáo dục có hiệu quả". Ông cũng cho rằng quan niệm văn nghệ của Nguyễn Đình Chiểu là một hệ thống nhất quán. "Nhà thơ quan niệm làm văn chương là để bộc lộ một thái độ chê, khen, đồng tình hay phản đối" [dẫn theo 40, tr.286].

Nhân kỉ niệm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, năm 1982 tác giả Nguyễn Đình Chú lại tiếp tục đưa ra những suy nghĩ sâu sắc *"Từ thực tế giảng dạy trong nhà trường nghĩ thêm về nghệ thuật văn chương Nguyễn Đình Chiểu"* [dẫn theo 40, tr.577]. Trong bài viết này, tác giả đã nhấn mạnh đến

phong cách đạo đức trữ tình của Nguyễn Đình Chiểu và xếp văn thơ Nguyễn Đình Chiểu vào vị trí xứng đáng trong nền văn học nước nhà.

Cùng thời gian đó, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản cuốn *"Nguyễn Đình Chiểu - ngôi sao càng nhìn càng sáng"* của tác giả Lê Trí Viễn. Người viết đã phê phán quan điểm nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trước đó là quan điểm văn học phong kiến và tư sản: *"xuất phát từ quan điểm đạo đức phong kiến, coi tác phẩm nghệ thuật như là một công trình đạo đức và khen chê nghệ thuật tách rời nội dung, đánh giá thấp trình độ thưởng thức của quần chúng. Ít quan tâm đến ảnh hưởng của tác phẩm trong nội dung, và có khi phân tích tác phẩm tách rời hoàn cảnh xã hội - lịch sử nó ra đời, nghiên cứu chỉ là nghiên cứu , không hề liên hệ gì đến nhiệm vụ chính trị đương thời, hoặc có thì nhằm phục vụ cho chính trị phản động của thực dân và tay sai..."* [41, tr.76].

Bởi vậy, không mắc lại những hạn chế của những nhà nghiên cứu trước đó, ở chương V của cuốn sách, tác giả Lê Trí Viễn còn đề cập đến khía cạnh trữ tình đạo lý trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: *"Một loại trữ tình đặc biệt độc đáo của ông là trữ tình mà nội dung cảm xúc là đạo lý, trữ tình đạo lý"* [41, tr.171].

Cùng thời gian này, tác giả Trần Văn Giàu đã viết bài *"Nguyễn Đình Chiểu - đạo làm người"*. Theo ông, *"Nguyễn Đình Chiểu không đặt đạo làm người thành một đề tài riêng biệt để sáng tác nhưng tác phẩm lớn nào của cụ cũng bàn về đạo làm người. Và từ các giai đoạn của cuộc đời cụ, chúng ta đều có thể rút ra những nguyên lí về đạo làm người"* [dẫn theo 40, tr.229].

Tác giả Phạm Văn Đồng trong bài *"Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc"* cho rằng *"Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tôi tớ của chúng"* và *"Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu quý trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng ấy"* [dẫn theo 40, tr.69].

Tác giả Hoài Thanh trong bài *"Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn, một tấm gương chói ngời tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam"* cũng đưa ra nhận định *"Ông ghét cay ghét đắng các thứ thơ văn giả dối mà ông gọi là thơ*

văn vóc dê da cọp. Trong văn thơ, theo ông, phải có một thái độ khen chê dứt khoát, phải ngụ tấm lòng xuân thu" [dẫn theo 40, tr.81].

Tác giả Trần Thanh Mại trong bài *"Nguyễn Đình Chiểu, lá cờ đầu của nền thơ văn yêu nước thời kì cận đại"* cho rằng *"Nguyễn Đình Chiểu đã vạch cho mình một con đường đúng đắn: dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh cho đạo đức con người, cho chính nghĩa và hạnh phúc nhân dân"* và *"Nguyễn Đình Chiểu sáng tác có mục đích hẳn hoi, có đối tượng cụ thể, ông là người có quan điểm gần nhất với quan điểm nhân dân thuở bấy giờ"* [dẫn theo 40, tr.99].

Tác giả Vũ Đình Liên viết bài *"Từ nhân sinh quan đến thẩm mĩ quan của Nguyễn Đình Chiểu"* lại nhận định rằng Nguyễn Đình Chiểu rất chú trọng tới cái hay cái đẹp trong thơ văn và cái hay cái đẹp ấy không phải là cái đẹp cái hay hình thức mà nó phải bắt nguồn từ nội dung đạo đức. Nội dung ấy bao gồm cả một nhân sinh quan, một triết lí về cuộc đời, về con người, về lẽ phải trái, về quá trình lịch sử...*"Đạo đức là thức ăn tinh thần, là môi trường sống, là không khí của Nguyễn Đình Chiểu hít thở. Đạo đức nhân nghĩa là máu huyết, là thịt da con người Nguyễn Đình Chiểu"* [dẫn theo 40, tr.139].

Trong bài viết *""Chở bao nhiêu đạo", "Đâm mấy thằng gian"...Nguyễn Đình Chiểu và văn học",* tác giả Nam Mộc đã khẳng định nội dung chủ yếu của văn chương Nguyễn Đình Chiểu *"Là vấn đề đấu tranh làm sáng tỏ đạo lý làm người, "bảo dưỡng" nhân tâm, luận bàn thế sự...Tác phẩm là một con thuyền lớn chuyên chở đạo đức, nhân nghĩa, làm món ăn tinh thần cho nhân dân"* [dẫn theo 40, tr.198]. Tuy nhiên tác giả mới chỉ dừng lại ở một vài nhận định khái quát.

Trong bài *"Suy nghĩ về yếu tố đạo lý trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu"* [dẫn theo 40, tr.279], tác giả Huỳnh Như Phương nhận định đạo lý trong truyện *Lục Vân Tiên* là đạo lý đã được tuyên dương qua thử thách, kiểm nghiệm ngay trong chính đời sống, trong sinh hoạt của quần chúng lao động. Những nhân vật chính diện không chỉ là hiện thân của đạo lý, chính nghĩa như quần chúng mơ ước, mà còn thể hiện đạo lý, chính nghĩa như đang tồn tại trong thực tế và đang được quần chúng đấu tranh bảo vệ. Đến với thơ văn yêu

nước chống Pháp, với Nguyễn Đình Chiểu lần đầu tiên người nông dân không chỉ xuất hiện trong văn thơ với một khuôn mặt tương đối hoàn chỉnh, mà còn xuất hiện như một tập thể, với một tập thể. Những con người được ông miêu tả, đã chiến đấu vì phong trào, vì đất nước, vì cuộc sống của nhân dân hơn là vì những khái niệm bó hẹp của Nho giáo. Thoát khỏi những ô chữ khô cứng của thánh hiền, đạo trở thành một cái gì gắn bó máu thịt với chuyện đời, chuyện nước, chuyện dân. Nguyễn Đình Chiểu đã nỗ lực đưa đạo cọ xát với đời, cải biến đạo phù hợp với đời, phục vụ cho đời. Tuy nhiên, đó cũng mới chỉ dừng lại ở những nhận định khái quát.

Trong bài *"Tìm hiểu quan điểm văn học của Nguyễn Đình Chiểu và sự vận dụng quan điểm đó vào thực tiễn sáng tác của ông"*, tác giả Mai Cao Chương nhận định *"Quan điểm văn học của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với trách nhiệm của người cầm bút. Nhà văn phải xác định rõ mục đích cầm bút và phải có dũng khí khi thực hiện thiên chức của mình"* [dẫn theo 40, tr.290].

Tác giả Phương Lựu trong cuốn *"Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam"* cho rằng đạo của Nguyễn Đình Chiểu "không phải là "thiên lý" của Tống Nho mà là "cứu nước thương nòi của người chiến sĩ - nghệ sĩ Việt Nam trong buổi đầu giặc Pháp xâm lược" [25, tr.122].

Tác giả Trần Đình Hượu trong bài *"Bàn về Nguyễn Đình Chiểu - người nghệ sĩ từ và trong truyện Nôm"* đã nhận xét "Nguyễn Đình Chiểu chia người ra hai loại thiện ác, phân thành hai tuyến rõ rệt: chính và tà... Đó là cách nhìn theo đạo đức, theo nhân tình" và "Cách xử phạt cách chức về làm dân và đuổi đi không thèm giết cũng là cách xử phạt theo đạo đức, nhân tình dân dã chứ không theo tội danh mà vua phán xử" [16, tr.188].

Như vậy, qua nghiên cứu lịch sử vấn đề, chúng tôi nhận thấy:

Một là, tất cả các nhà nghiên cứu đều khẳng định vai trò, vị trí vô cùng quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học Việt Nam, khẳng định sức sống mãnh liệt của các tác phẩm mang giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc.

Hai là, quan niệm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là một hệ thống chỉnh thể. Các nhà nghiên cứu đã có những nhận định từ khái quát đến cụ thể

về quan niệm sáng tác văn học của Nguyễn Đình Chiểu. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên biệt về giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong mối quan hệ với đời sống văn hóa dân tộc.

Ba là, những nhận định và đánh giá trên đây của các nhà nghiên cứu sẽ là những định hướng, những tư liệu quý báu giúp chúng tôi trong quá trình thực hiện đề tài này. Hi vọng có thể góp phần làm rõ hơn những đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu với nền văn học nước nhà.

3. Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài này, chúng tôi hi vọng sẽ làm rõ những giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu cũng như thấy được vai trò và giá trị của những đạo lý ấy trong đời sống văn hóa dân tộc Việt Nam từ xưa cho đến nay.

4. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của đề tài là những tác phẩm mang giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Phân tích rõ những biểu hiện của nội dung đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Thấy được những giá trị của đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu từ truyền thống đến hiện đại và vai trò của nó trong việc giáo dục đạo đức, lý tưởng sống và hình thành phẩm chất đối với thế hệ trẻ trong thời đại mới.

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những tác phẩm chứa đựng giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong mối quan hệ với đời sống văn hóa dân tộc.

Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu rất phong phú và gồm nhiều thể loại. Chúng tôi khảo sát và chọn những truyện Nôm đặc sắc, những bài văn tế, những bài thơ điếu nổi tiếng để nghiên cứu. Cụ thể như: *Truyện thơ Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp; Văn tế nghĩa sĩ Cần*

Giuộc, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh, Văn tế Trương Định; Thơ điếu Phan Tòng, Thơ điếu Trương Định...

Tư liệu chủ yếu được chúng tôi sử dụng nghiên cứu là: Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn) (1998), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục và cuốn Tuấn Thành, Anh Vũ (tuyển chọn) (2007), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học, Hà Nội.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã kết hợp sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

6.1. Phương pháp xã hội học

Văn học không chỉ hướng con người tới những giá trị chân - thiện - mĩ mà còn cho ta thấy rõ từng bước đi, nhịp đập, hơi thở của lịch sử qua các chặng đường với những nấc thăng trầm khác nhau. Vì vậy việc khai thác các hiện tượng văn học trong mối quan hệ gắn bó với lịch sử, thời đại, xã hội là một vấn đề mang ý nghĩa phương pháp luận quan trọng. Cho nên, trong luận văn này chúng tôi đã sử dụng phương pháp xã hội học để nối kết những tri thức văn học trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử, xã hội, thời đại khi xem xét, đánh giá về vị trí, về vai trò của Nguyễn Đình Chiểu trong dòng văn học dân tộc.

6.2. Phương pháp liên ngành

Để làm rõ được giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu chúng tôi đã sử dụng phương pháp liên ngành. Kết hợp khai thác các tri thức văn học với các tri thức thuộc nhiều lĩnh vực khác như: văn hóa, xã hội, Nho giáo, các kiến thức thuộc bộ môn Giáo dục công dân trong nhà trường để thấy được tính chất thời sự cũng như giá trị giáo dục trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

6.3. Phương pháp phân tích

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích khi coi hệ thống tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là một chỉnh thể thống nhất mang nhiều giá trị cao cả trong đó có giá trị đạo lý. Chia nhỏ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thành nhiều bình diện để xem xét một cách kĩ càng, thấu đáo. Từ đó thấy được mối liên hệ giữa những sáng tác ấy, thấy được sợi dây kết nối những tác phẩm ấy chính là giá trị đạo lý - một trong những giá trị truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

6.4. Phương pháp tổng hợp, khái quát

Phương pháp này được vận dụng song song với phương pháp phân tích. Sau khi phân tích để thấy được những biểu hiện của giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi rút ra những vấn đề, những kết luận cần thiết cho việc nghiên cứu các tác phẩm văn chương của ông được đầy đủ, chính xác và toàn diện hơn.

7. Dự kiến đóng góp

Luận văn lần đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống về những giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong mối quan hệ với đời sống văn hóa dân tộc. Khai thác nội dung đạo lý như một chất liệu đặc biệt trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu giúp cho việc nghiên cứu và phân tích nội dung các tác phẩm văn chương của ông được đầy đủ, chân xác và toàn diện hơn. Qua đó, nhằm tiếp tục góp phần bồi dưỡng lý tưởng, giáo dục đạo đức, nhân cách và hình thành phẩm chất cho những thế hệ học sinh qua những bài giảng được rút ra từ chính cuộc đời và tác phẩm của nhà thơ mù vĩ đại Nguyễn Đình Chiểu.

8. Cấu trúc của luận văn

Luận văn của chúng tôi ngoài phần *Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo,* phần *Nội dung* được triển khai thành ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung liên quan đến đề tài

Chương 2: Cảm hứng đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Chương 3: Phát huy giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong thời kì hội nhập.

NỘI DUNG

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Khái quát chung về giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc

1.1.1. Giá trị và giá trị đạo lý

Giá trị là khái niệm chỉ ý nghĩa của những hiện tượng vật chất hay tinh thần có khả năng thoả mãn nhu cầu tích cực của con người, là những thành tựu góp phần vào sự phát triển xã hội. Giá trị có tính lịch sử khách quan, nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người mà do yêu cầu của từng thời đại lịch sử, trong đó con người sống và hoạt động.

Giá trị đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người. Nó là cơ sở con người dựa vào để xác định mục đích, phương hướng cho hoạt động của mình, là cái mà con người mong muốn được theo đuổi. Giá trị là cơ sở của các chuẩn mực, quy tắc xác định cách thức hành động của con người. Nói cách khác, cách thức và hành động của con người trong xã hội được chỉ đạo bởi các giá trị - người ta dựa vào giá trị được xã hội chấp nhận để lựa chọn cách thức suy nghĩ và hành động phù hợp nhất. Giá trị là động cơ thúc đẩy hoạt động của con người vì các nguyện vọng và mục đích của cá nhân đều được đối chiếu với các giá trị nằm trong cấu trúc của nhân cách.

Nhìn chung, nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và nỗ lực vươn tới. Giá trị được chia thành giá trị vật chất (thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người) và giá trị tinh thần (thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người). Trong đó, giá trị tinh thần được chia thành các loại giá trị cơ bản như: giá trị khoa học (cái chân lý), giá trị đạo đức (cái tốt, cái thiện), giá trị thẩm mỹ (cái đẹp), giá trị chính trị (cái chính nghĩa, cách mạng), giá trị pháp luật (cái hợp pháp)... Giá trị khoa học gắn với quá trình con người vươn

lên nắm bắt bản chất, quy luật của hiện thực khách quan để ngày càng làm chủ những điều kiện sinh hoạt tự nhiên và xã hội của mình. Giá trị thẩm mỹ gắn với nhu cầu thưởng thức, đánh giá, hưởng thụ và sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Giá trị đạo đức gắn với nhu cầu điều chỉnh quan hệ giữa cá nhân và xã hội theo hướng tạo nên sự thống nhất hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội...

Giá trị đạo lý

Để hiểu giá trị đạo lý là gì? Trước hết cần đi cắt nghĩa từ khái niệm "đạo đức". Trong tiếng Việt, nghĩa của từ "đạo đức" và "luân lý" gần giống nhau. Theo *Từ điển Hán Việt* của Đào Duy Anh, đạo đức bao gồm "Nguyên lý tự nhiên là đạo, được vào trong lòng người là đức - Cái lý pháp người ta nên noi theo" [1, tr.120]. Theo *Từ điển tiếng Việt* thì "đạo đức" là "những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội. Theo nghĩa hẹp, đạo đức là phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có. Còn từ "luân lý" có nghĩa là "những quy tắc về quan hệ đạo đức giữa người với người trong xã hội" [30, tr.280].

Chúng ta thường hay nói tới đạo đức của cá nhân cụ thể, đó là những phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có. Trên thế giới đạo đức là một điểm chung nhưng biểu hiện đạo đức ở mỗi nơi cũng có nhiều khác biệt. Ngay trong một đất nước, có những hành vi đạo đức chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định, khi không còn phù hợp nữa thì nó sẽ bị xã hội đào thải. Nhưng ngược lại, cũng có những hành vi đạo đức ngày càng phát huy được vai trò, vị trí của nó trong xã hội. Khi đó nó trở thành đạo lý. Cho nên, đạo lý là tài sản tinh thần vô giá đã được xã hội thừa nhận và nó góp phần tạo nên sức mạnh to lớn, vững bền của một quốc gia.

Như vậy, giá trị đạo lý là những cái được con người lựa chọn và đánh giá như việc làm có ý nghĩa tích cực, tiến bộ, nhân văn đối với đời sống xã hội và con người, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương. Các giá trị đạo lý là kết quả của các mối quan hệ giữa người và người trong những hoàn cảnh xã hội nhất định, là sản phẩm của những điều kiện lịch sử cụ thể. Các giá trị đạo lý

thể hiện rõ rệt trong các chuẩn mực đạo đức có vai trò to lớn trong việc hình thành nhân cách của con người, thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xã hội.

1.1.2. Khái quát về cảm hứng đạo lý trong văn học Việt Nam

1.1.2.1. Đạo lý trong văn học dân gian

Với 12 thể loại khác nhau, văn học dân gian là bộ phận văn học của người dân, sáng tác và lưu truyền bằng hình thức truyền miệng, nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người bình dân và chứa đựng những bài học quý về đạo lý làm người. Điểm nổi bật trong đạo lý làm người theo tư tưởng của người bình dân là sống có đạo đức, trọng đạo lý, trọng nghĩa tình.

Đạo lý trong văn học dân gian trước hết được thể hiện ở chữ Nhân. Nhân là lòng yêu thương con người. Từ xa xưa, cha ông ta lấy tình yêu thương làm cơ sở cho cách xử thế. Cho nên mới có câu "Một bồ cái lí không bằng một tí cái tình", tình nghĩa trước sau, tình sâu nghĩa nặng.

Trước hết, đối với những người thân trong gia đình thì thương yêu là một tình cảm hết sức tự nhiên: con cái hiếu thảo, kính trọng, nuôi nấng bố mẹ khi về già:

Đói lòng ăn hột chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng

Và ngược lại, cha mẹ cũng luôn hết lòng vì con cái:

Sinh con ai nỡ sinh lòng,
Sinh con ai chẳng vun trồng cho con.

Tình cảm vợ chồng cũng vậy, vợ chồng ăn ở với nhau như bát nước đầy:

Thương chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây.

Tình cảm anh em cũng luôn được coi trọng:

Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Sau nữa, đối với các mối quan hệ xã hội bên ngoài, con người Việt Nam cũng luôn có truyền thống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Đặc biệt, con người Việt Nam rất coi trọng tình nghĩa thủy chung, trước sau như một, trọn nghĩa vẹn tình:

- Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn.

- Nói lời phải giữ lấy lời.

Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

Tinh thần đoàn kết cũng luôn được cha ông ta từ xưa hết sức coi trọng:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Đạo lý trong văn học dân gian còn được thể hiện ở chữ Nghĩa. Chữ Nghĩa trong văn học dân gian là truyền thống trọng nghĩa, trọng tình trong văn hóa của người Việt Nam:

Rủ nhau xuống bể mò cua

Đem về nấu quả mơ chua trên rừng

Em ơi chua ngọt đã từng

Non xanh nước biếc ta đừng quên nhau

Văn học dân gian cũng nói về đức Trung:

- Ong kiến còn có vua tôi,

Huống chi loài người chẳng có nghĩa ư?

- Làm tôi thì ở cho trung,

Chớ ở hai lòng mà hóa dở dang.

Cảm hứng đạo lý trong văn học dân gian được thể hiện ở sự ngợi ca tình nghĩa, đạo lý con người. Dân tộc Việt Nam xưa kia được sinh ra trong bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ. Vì thế mà từ ngàn đời nay, con người Việt Nam luôn sống với nhau trọn vẹn nghĩa tình, luôn nhắc nhau phải luôn giữ trọn đạo lý làm người. Nét đẹp nghĩa tình ấy được dân gian gửi gắm qua các tác phẩm dân gian: *Sử thi Đăm Săn,* truyện cổ tích *Chử Đồng Tử*...

Ở Sử thi *Đăm Săn* có thể thấy, việc Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây là bắt nguồn từ danh dự của một người anh hùng khi bị kẻ thù lăng nhục, nhưng sự quyết chiến ấy còn được tạo nên từ nghĩa tình chung thủy với vợ là Hơ Nhị,

bằng nghĩa tình sâu nặng với buôn làng. Chàng đã làm tròn đạo lý của một người chồng, làm vẹn nghĩa với một người tù trưởng khi sự bình yên của buôn làng mình bị uy hiếp. Lời ngợi ca người anh hùng còn được cất lên khi chàng có nghĩa cử vô cùng cao đẹp với dân làng của Mtao Mxây, chàng đã kêu gọi họ đi theo mình. Hành động ấy không chỉ thể hiện tấm lòng bao dung của Đăm Săn mà còn làm sáng lên đạo lý "thương người như thể thương thân" trong con người lừng lẫy ấy. Và rồi Đăm Săn được thưởng công xứng đáng, buôn làng ngày càng thịnh vượng, giàu có mà chàng còn trở thành một tù trưởng tiếng tăm lừng lẫy, được mọi người kính nể.

Đến với thế giới cổ tích, truyện cổ tích *Chử Đồng Tử* xúc động lòng người ở vẻ đẹp đạo làm con, ở tấm lòng hiếu thảo trong lòng chàng trai nghèo. Trao đi cái nghĩa tình cho cha ấy để rồi cuối cùng Chử Đồng Tử lại nhận được về đủ đầy những tình nghĩa mặn nồng - ấy là tình yêu của nàng công chúa Tiên Dung sinh ra từ trong nhung lụa, lớn lên trong bạc vàng châu báu nhưng lại quyết gửi gắm cuộc đời của mình cho chàng trai nghèo nơi bến sông. Họ sống với nhau dù cuộc sống lao động đầy khổ cực nhưng luôn ngập tràn tình yêu thương, nghĩa tình sâu nặng. Nghĩa tình đẹp đẽ mà họ trao cho nhau đã cảm thấu cả trời xanh, để thần tiên ban phước lành giàu sang, phú quý và giúp họ tránh xa tất cả thị phi chốn nhân gian mà giữ gìn mối nhân duyên tốt đẹp nơi tiên cảnh. Nghĩa tình chân thành và cảm động của họ người đời sau mãi khắc ghi và lưu truyền.

Văn học dân gian còn nhằm truyền tải những khát vọng công lí. Đó là niềm mơ ước cái thiện thắng cái ác và mơ ước về hạnh phúc của nhân dân lao động. Truyện cổ tích *Tấm Cám* đã nói lên khát vọng ấy thật thấm thía và sâu sắc hơn bao giờ hết. Thân phận con côi, những giọt nước mắt tủi hờn sau những lần bị đày đọa, ức hiếp là minh chứng cho sự đau khổ tưởng chừng không bao giờ chấm dứt cả cuộc đời của Tấm. Nhưng với cái nhìn công bằng, nhân ái nhân dân đã đứng về phía những con người bất hạnh. Nhân dân đã để cho ông Bụt đến bên cô gái nghèo, xuất hiện mỗi lần Tấm khóc, an ủi nâng đỡ mỗi khi Tấm gặp khó khăn. Cùng với Bụt là con gà, con chim sẻ những con vật thần kì đã trợ giúp cho Tấm trên đường đi đến hạnh phúc. Khát vọng công lí

còn được thể hiện cao hơn khi nhân dân đã thổi một sức sống mãnh liệt để Tấm tự giành và giữ lấy hạnh phúc của mình và thực hiện "oán thì trả oán, ân thì trả ân". Cuộc chiến đấu giữa Tấm và mẹ con dì ghẻ gian nan, quyết liệt nhưng cuối cùng Tấm đã chiến thắng. Đó là chiến thắng tất yếu của cái thiện. Kết thúc có hậu của truyện là một bức tranh tuyệt đẹp về một xã hội lí tưởng mà con người ngàn đời mong ước, khát khao.

Như vậy, có thể nói rằng tác phẩm văn học dân gian có giá trị giáo dục đạo lý con người một cách sâu sắc, đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống, hình thành trong người đọc một tư tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Nhưng điều đặc biệt là tác dụng giáo dục của văn học không phải ngay lập tức mà dần dần thấm sâu nhưng rất lâu bền, nó gợi những cảm nghĩ sâu xa về con người và cuộc đời, nó gián tiếp đưa ra những bài học, những đề nghị về cách sống. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng họ tới những hành động cụ thể, thiết thực vì một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

1.1.2.2. Đạo lý trong văn học trung đại

Như đã nói trên, đạo làm người là một trong những vấn đề cốt lõi trong nội dung nhân đạo của văn học Việt Nam, trong đó có thời kì văn học trung đại. Người Việt Nam từ xưa đến nay có truyền thống trọng đạo, trọng văn. Thấu hiểu điều đó, các nhà văn thời kì trung đại đã biến truyền thống thành thế mạnh, đưa vấn đề đạo làm người vào trong các áng thơ văn của mình như một điểm sáng trong sáng tác.

Văn học trung đại chịu ảnh hưởng của cả giáo lí Nho - Phật - Đạo, tuy nhiên Nho giáo là yếu tố ảnh hưởng nhiều hơn và kéo dài suốt tiến trình văn học trung đại. Chức năng cơ bản của văn học thời kì này là "văn dĩ tải đạo". Đạo ở đây chủ yếu là các vấn đề cơ bản của Nho giáo, là những lời răn dạy của đức Khổng - Mạnh. Tuy nhiên, trong các sáng tác của mình, các nhà văn trung đại không chỉ phản ánh một cách cứng nhắc mà còn lên tiếng khuyến thiện trừ gian. Nguyễn Trãi từng viết:

Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược
Có nhân, có chí có anh hùng

Câu thơ trên, có người cho là nói về chức năng của văn chương. Nhưng ẩn sâu trong đó, điểm sáng của nó chính là nói về đạo làm người của người quân tử. Ở đây, Nguyễn Trãi vừa cổ vũ cho quan niệm đạo đức phong kiến, nhưng đồng thời ông còn thể hiện tư tưởng người quân tử phải luôn hành đạo giúp đời, phải diệt trừ cái xấu, cái ác.

Nhưng càng về cuối thời kì văn học trung đại, quan niệm về đạo làm người ngày càng xa dần các tiêu chí của kinh điển Nho gia và đạo lý phong kiến. Thay vào đó, trong tư tưởng của các nhà văn, tư tưởng Nho giáo dần được mài giũa, thẩm thấu qua lớp lọc văn học dân gian. Bởi vậy, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng từng viết:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà

Với Nguyễn Đình Chiểu, sáng tác thơ văn không chỉ để chở đạo đức, đạo lý mà còn là thứ vũ khí để chiến đấu với kẻ thù. Đó chính là đạo trong văn chương.

Đạo lý con người được thể hiện ở chữ Nhân. Khi bàn đến đạo làm người, Nho giáo nhấn mạnh đến "Đạo nhân". Nhân là người, gồm hai phần thể xác và tâm hồn. Nó bao hàm nhiều ý nghĩa: Nhân là nhân tính, nhân nghĩa, nhân đạo và nhân ái. Khổng Tử nói: "Ái nhân như kỷ" - Người có lòng nhân luôn sống lương thiện và thương yêu mọi người. Đức Nhân với ý nghĩa đơn thuần như trên cũng là một trong những tư tưởng đạo đức cốt lõi của nhân dân Việt Nam.

Trong thời kì văn học trung đại, nhiều tác phẩm lên tiếng ca ngợi vẻ đẹp của con người, sẻ chia với nỗi thống khổ của những con người bất hạnh, lên tiếng tố cáo các thế lực chà đạp lên giá trị của con người và bênh vực quyền sống của con người. Các tác phẩm tiêu biểu là: *Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ, Sở kiến hành, Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh, Long Thành cầm giả ca của Nguyễn Du, Văn tế Trương Quỳnh Như của Phạm Thái....*

Mỗi tác phẩm là một hồi chuông kêu cứu thống thiết cất lên tự đáy lòng của nhà văn trước những mảnh đời bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Lòng nhân thể hiện đầy đủ, hàm súc qua hai câu mở đầu *Truyện Kiều*:

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Tương tự chữ Nhân, Nghĩa cũng là một trong năm điều quan trọng mà đức Khổng Tử cho là hết sức cần thiết đối với mỗi người quân tử. Nghĩa là ân nghĩa, ân tình, nghĩa khí, tri ân (trả ơn), thi ân (làm ơn, phước) có tình nghĩa và cư xử tử tế với mọi người. Trong *"Lệnh dụ các tướng hiệu quân nhân ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa" (Quân trung từ mệnh tập),* Nguyễn Trãi cũng nói đến chữ Nghĩa *"Ta khởi nghĩa ở đất các ngươi, nay muốn thành công mong các ngươi giữ chung thủy một lòng, đá vàng một tiết để toàn cái nghĩa quân thân, phụ tử".*

Ngay như một nhà thơ "ngất ngưởng" như Nguyễn Công Trứ vẫn không quên *"Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung".*

Hay như trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu cũng từng nhấn mạnh đến chữ nghĩa:

Vân Tiên nghe nói liền cười,
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

Ở những câu thơ trên, nghĩa là nghĩa khí của con người, là tình nghĩa giữa người với người. Đó là những hành động hướng về người khác một cách vô tư, đối xử tình cảm, tử tế, có trước có sau, không tính toán thiệt hơn, không mưu cầu tư lợi.

Đạo lý trong văn học trung đại còn được biểu hiện ở chữ Trung. Chữ Trung cùng với Hiếu và Tiết thuộc Thập nghĩa, nằm trong những mối quan hệ hai chiều như: Quân nhân, thần trung (Vua hiền, tôi trung); Phụ từ, tử hiếu (Cha hiền, con hiếu thảo); Phu nghĩa, phụ chính (Chồng có nghĩa, vợ vâng phục); Huynh lương, đệ đễ (Anh hiền lương, các em thương kính); Bằng - hữu (bạn bè).

Văn học trung đại nói nhiều đến chữ Trung, coi đây là phẩm chất quan trọng bậc nhất của người quân tử, nhà Nho, văn nhân....họ lĩnh hội quan niệm chữ Trung của Khổng Mạnh và tuyệt đối hóa nó thành tư tưởng chính trị "trung quân ái quốc" - trung với vua là yêu nước và ngược lại yêu nước cũng là yêu vua.

Nguyễn Trãi cũng nói về đạo trung:

Bui một tấc lòng trung với hiếu
Mài chăng khuyết, nhuộm chẳng đen

Chữ Trung cũng được nhắc đến trong thơ Nguyễn Khuyến:

Ơn vua chưa chút báo đền
Cúi xuống thẹn đất ngẩng lên thẹn trời

Đạo lý trong văn học trung đại còn được thể hiện ở chữ Hiếu. Hiếu thảo với ông bà cha mẹ là một truyền thống đạo đức đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam. Biểu hiện của lòng hiếu trong văn học hết sức phong phú, đa dạng.

Nguyễn Trãi trong tác phẩm *"Gia huấn ca"*, ông đã đề cao đạo đức, luân lý trong mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội. Chữ Hiếu được nhấn mạnh rất rõ:

Dù nội ngoại bên nào cũng vậy,
Đừng tranh dành bên ấy, bên này,
Cù lao đội đức cao dày,
Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.

Còn nữa, phận làm con đối với cha mẹ:

Khi ấm lạnh ta hầu săn sóc
Xem cháo cơm thay thế mọi bề
Ra vào thăm hỏi từng khi
Người đà vô sự ta thì an tâm.

Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Thúy Kiều bán mình cứu cha cho vẹn chữ hiếu. Mười lăm năm lưu lạc, Thúy Kiều vẫn không nguôi thương nhớ song thân:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Hay như tấm lòng hiếu thảo của Vân Tiên trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu. Đang trên đường đi thi, nghe tin mẹ mất mà đau đớn,

xót xa, nghĩ đến tình mẫu tử thiêng liêng, muốn báo đền công ơn mà nay *"trời nam đất bắc":*

Hai hàng lụy ngọc ròng ròng
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu
Cánh buồm bao quản gió xiêu
Ngàn trùng biển rộng chín chìu ruột đau

Đạo lý trong văn học trung đại còn được biểu hiện ở chữ Tiết. Tiết là tiết hạnh của người phụ nữ đối với chồng. Theo quan niệm phong kiến, người vợ phải nhất nhất phục tùng ý chồng "Xuất giá tòng phu", là người "nâng khăn sửa túi" cho chồng. Người đàn ông được phép cưới năm thê bảy thiếp nhưng người phụ nữ buộc phải chính chuyên một chồng. Chồng qua đời thì phải ở vậy nuôi con để được danh tiết hạnh.

Trong truyện *"Người con gái Nam Xương"* của Nguyễn Dữ, chỉ vì chuyện hiểu lầm mà Trương Sinh đã ép vợ vào cái chết oan nghiệt để giữ trọn chữ Tiết. Hay trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, lúc gặp lại Kim Trọng, Thúy Kiều nghĩ mình không đủ tiết hạnh, không xứng đáng với Kim Trọng nên đã *"Đem tình cầm sắt đổi ra cầm kì"*.

Như vậy, có thể thấy giá trị đạo lý trong văn học trung đại chính là sự kế thừa, tiếp nối, phát triển những giá trị đạo lý trong mạch nguồn văn học dân tộc. Đạo lý ấy về cơ bản được kết tụ trong các khái niệm Nhân - Nghĩa - Trung - Hiếu - Tiết. Dọc chiều dài lịch sử văn học, có thể thấy ở mỗi bộ phận văn học, việc thể hiện giá trị đạo lý trong văn học vừa có những nét tương đồng, vừa có sự độc đáo, riêng biệt; vừa có sự ảnh hưởng, kế thừa, vừa có yếu tố tiếp biến, đổi mới...

1.1.2.3. Đạo lý trong văn học hiện đại

Như trên đã nói, đạo lý là những nguyên lý, những luân thường đạo đức, là đạo làm người, là những điều hợp với khuôn phép, hợp đạo đức ở đời. Biểu hiện của đạo lý trong văn học hiện đại rất đa dạng: đó là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm quý trọng, ngợi ca các giá trị, các phẩm chất tốt đẹp của con người và những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

Trước hết phải kể đến những tác phẩm tập trung thể hiện lòng yêu thương con người - đề cao tình người. Đó là tình cha con trong tiểu thuyết *"Cha con nghĩa nặng"* của Hồ Biểu Chánh, trong *"Lão Hạc"* của Nam Cao.

Trong tiểu thuyết *"Cha con nghĩa nặng"* của Hồ Biểu Chánh, nhà văn đã khắc họa một tình cha con vô cùng cảm động. Do vô tình gây ra cái chết của vợ, Trần Văn Sửu đã phải sống chui lủi trên mười năm trời nhưng không khi nào nguôi nhớ các con. Một lần, anh quyết định quay về làng thăm con, nhưng chưa kịp gặp con thì được biết bọn chúng bây giờ có cuộc sống yên ổn, vì không muốn sự có mặt của mình làm ảnh hưởng đến các con nên anh lại quyết định ra đi. Rõ ràng Trần Văn Sửu có cõi tâm cao thượng chỉ muốn riêng mình nhận lấy nỗi khổ đau cùng với người vợ bất hạnh, không muốn những đứa con ngây thơ trong trắng của mình phải chịu vạ lây, không muốn cho tâm hồn chúng vẩn lên những nỗi đau u uất. Thì ra những năm tháng sống đau khổ về thể xác, về tâm hồn, anh đã không chết vì thương con, vì ý muốn tốt đẹp cho con.

Hay trong tác phẩm *Lão Hạc*, nhà văn Nam Cao cũng đã tái hiện rất sâu sắc một tình cha con vô cùng cảm động. Hằng ngày, Lão Hạc ăn uống tằn tiện, cóp dành tiền cho con để nó về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão chịu đói khổ chứ không tiêu vào số tiền dành dụm, quyết định để lại mảnh vườn cho con chứ nhất định không chịu bán. Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo 30 đồng bạc để lo ma chay cho mình, gửi lại mảnh vườn nhờ ông giáo trông nom cho con khi nó trở về.

Cùng với tình cảm cha con, ta còn bắt gặp tình yêu thương, tình chị em vô cùng sâu sắc và cảm động qua tác phẩm *"Những đứa con trong gia đình"* của Nguyễn Thi. Tác phẩm xoay quanh hai chị em Chiến và Việt. Cả hai cùng được sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng.

Hơn em một tuổi nhưng Chiến luôn tỏ ra là một người chị khôn lớn, đảm đang, việc gì cũng nhận lãnh về mình. Ba má đã khuất, Chiến sớm ý thức được vai trò của người chủ gia đình. Chiến đã phải lớn vượt lên so với lửa tuổi để thay ba má lo liệu việc nhà, bảo ban các em. Việt là em nên ỷ lại mọi việc cho chị, thường bắt chị phải chiều theo ý mình. Chiến nhường nhịn em trong mọi việc nhưng có một việc Chiến kiên quyết không nhường, ấy là ghi tên tòng quân. Nhưng tính cách của người chị thương em hết lòng cũng thể hiện ở chính điều đó. Thực ra, đây là một đức hi sinh lớn, một sự nhường nhịn lớn. Bởi Chiến muốn giành về mình phần nguy hiểm để em được bình yên.

Thật cảm động biết bao khi nhớ lại cảnh hai chị em Chiến, Việt trước lúc ra trận khiêng bàn thờ má sang gửi bên nhà chú Năm: Chị Chiến khiêng một đầu, Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nào nước nhà độc lập chúng con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt thấy lòng mình rõ như thế. Còn mối thù thằng Mĩ thì có thể rờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.

Câu chuyện về hai chị em đã bộc lộ phẩm chất đáng quý của tuổi trẻ miền Nam thời đánh Mĩ: đã ra đi là quyết tâm chiến đấu và chiến thắng. Điều đáng quý của hai chị em là rất thương yêu, lo lắng cho nhau và cả hai đều nhớ đến má, nhớ tới truyền thống gia đình, biết gắn kết giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc.

Bên cạnh những tác phẩm đề cao tình nghĩa, đạo lý con người còn phải kể đến những tác phẩm tập trung vào ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người như lòng nhân hậu, bao dung, lối sống có tình có nghĩa, sự đồng cảm, tình yêu thương giữa những con người cùng cảnh ngộ ... điển hình ở những tác phẩm như "*Lão Hạc*" của Nam Cao, "*Vợ nhặt*" của Kim Lân...

Đọc truyện ngắn *"Lão Hạc"* của nhà văn Nam Cao, người đọc không chỉ nhận ra một tình cha con sâu sắc mà còn nhận thấy ở Lão Hạc một con người sống có tình có nghĩa ngay cả trong cách lão đối xử với vật nuôi là con chó Vàng. Lão yêu quý nó và gọi một cách trìu mến là "cậu Vàng". Đối với lão, con chó là kỉ niệm của con. Cho nên việc quyết định bán con chó Vàng trở thành nỗi ân hận day dứt của lão Hạc cho đến lúc chết. Lão đau khổ thực sự bởi *"già bằng ngần này tuổi đầu rồi mà còn đi lừa một con chó*". Lão che giấu cảm xúc bằng cách*"cố làm ra vui vẻ*" nhưng lão cười *"như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước*", *"Lão hu hu khóc*"... nỗi đau của lão Hạc là nỗi đau về nhân cách, bởi việc phải bán con chó, đối với lão Hạc, đồng nghĩa với việc bán nghĩa bán tình mà đối với người Việt Nam thì phải bán nghĩa bán tình là một nỗi đau lớn. Lão Hạc hiện ra với vẻ đẹp của con người tình nghĩa thủy chung, có tấm lòng nhân hậu, luôn sống và biết sống cho người khác.

Hay tác phẩm *"Vợ nhặt"* của Kim Lân cũng thể hiện rõ sức mạnh của tình thương yêu mà anh cu Tràng dành cho người vợ nhặt. Tràng sẵn sàng đãi thị bốn bát bánh đúc và đưa thị về dù Tràng cũng đang trong cảnh đói khát. Hành động đó chứa đựng cả một tình thương yêu con người. Đây cũng là vẻ đẹp trong tâm hồn người lao động: sẵn sàng cưu mang, đùm bọc lẫn nhau trong cảnh cơ hàn mà không tính toán, so đo. Đặc biệt, buổi sáng đầu tiên khi có vợ, thấy nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ, Tràng thấy yêu thương và gắn bó, có trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này...

Đó còn là cả tình yêu thương của bà cụ Tứ - người mẹ chồng dành cho nàng dâu mới. Khi biết tin con trai mình có được vợ vào cái thời điểm mà không ai ngờ tới, tâm trạng bà cụ Tứ mừng, tủi, buồn, vui lẫn lộn. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã: *"Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không"*... Sẵn sàng dang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình: *"Ừ, thôi thì các con cũng phải duyên phải số với nhau, u cũng mừng lòng"*. Sự xuất hiện nàng dâu mới khiến bà *"nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo, u ám của bà rạng rỡ hẳn lên"*. Trong bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ đã nhen nhóm cho các con niềm tin, niềm hy vọng: *"Tao tính khi nào có tiền mua lấy con gà về nuôi, chả mấy mà có đàn gà cho xem"*.

Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn giàu lòng bao dung, vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hy vọng ở tương lai.

Đạo lý trong văn học hiện đại còn được thể hiện ở những tác phẩm hướng đến ngợi ca tình đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu dũng cảm của con người. Bài thơ *"Đồng chí"* của Chính Hữu tái hiện hình ảnh người lính nông dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp giản dị mà vô cùng cao quý.

Những người lính xuất thân từ nông dân, ở những miền quê nghèo khó *"nước mặn đồng chua", "đất cày lên sỏi đá"*. Họ đến với cuộc kháng chiến với tinh thần yêu nước thật giản dị: nghe theo tiếng gọi cứu nước mà tự nguyện lên

đường. Phía sau họ là bao cảnh ngộ: xa nhà, xa quê hương, phó mặc nhà cửa, ruộng vườn cho vợ con để sống cuộc đời người lính. Đói, rét, gian khổ khắc nghiệt đã khiến người lính phải chịu đựng những cơn sốt rét: *"miệng cười buốt giá", "sốt run người", "vừng trán ướt mồ hôi"*. Trong hoàn cảnh đầy thử thách đó, sống được đã là kì tích. Chính Hữu còn ghi được hình ảnh người lính can trường vượt lên vững vàng trên vị trí của mình:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới.

Họ có một đời sống tình cảm đẹp đẽ, sâu sắc, họ vun đắp được tình đồng chí keo sơn, gắn bó. Không phải vô cớ Chính Hữu đặt tên bài thơ là *"Đồng chí"* và nhiều lần trong bài thơ, hai tiếng ấy đã vang lên. Tình đồng chí, đồng đội như là sự hội tụ, tập trung tất cả những tình cảm, những phẩm chất của người lính: lòng yêu thương giữa những con người cùng cảnh ngộ, tinh thần đồng cam cộng khổ, tinh thần kề vai sát cánh trong chiến đấu, sự gắn kết giữa những người cùng chung lí tưởng, chung mục đích và ước mơ. Gian lao thử thách khiến tình đồng chí, đồng đội thêm keo sơn, sâu sắc. Ngược lại, tình đồng chí ấy lại giúp người lính có sức mạnh để vượt qua gian lao thử thách.

Giá trị đạo lý trong văn học hiện đại còn được thể hiện ở những tác phẩm hướng đến ngợi ca tinh thần ung dung, lạc quan của con người và truyền thống đánh giặc giữ nước ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

Người đọc thấy rõ được điều này qua tập thơ *"Nhật kí trong tù"* của Hồ Chí Minh. Trên đường hoạt động cách mạng, vừa mới đặt chân lên biên giới Trung Quốc, Người đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ suốt từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943. Trong suốt thời gian ở tù Bác phải chịu biết bao đày đọa, bao "tê tái gông cùm":

Lại thương nỗi đọa đầy thân Bác
Mười bốn trăng tê tái gông cùm

Chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch thật vô cùng bất nhân, tàn bạo. Người tù phải chịu biết bao cảnh cực khổ đọa đầy: ăn đói, mặc rét, phải ngủ với rận, rệp, hàng ba bốn tháng không được tắm giặt:

Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ
Bốn tháng áo không thay
Bốn tháng không giặt giũ

(Bốn tháng rồi)

Thế nhưng, nhà tù Tưởng Giới Thạch chỉ có thể trói buộc được thể xác của Người, chứ không thể giam cầm nổi tinh thần yêu thiên nhiên, niềm lạc quan, tâm hồn bay lượn trong bầu trời tự do của Bác. Dù ở hoàn cảnh nào, Bác cũng hiện lên với phong thái ung dung, tự do, tự tại:

Hôm nay xiềng xích thay dây trói
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung
Tuy bị tình nghi là gián điệp
Mà như khanh tướng vẻ ung dung

(Đi Nam Ninh)

Chính ý chí, nghị lực phi thường cùng tinh thần ung dung, tự do tự tại trước mọi khó khăn gian khổ đã làm nên vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp nhân cách sáng ngời của người tù cộng sản Hồ Chí Minh.

Hay như truyền thống đánh giữ nước từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam còn được tái hiện rõ trong tác phẩm *"Rừng xà nu"* của Nguyễn Trung Thành và *"Những đứa con trong gia đình"* của Nguyễn Thi.

Truyền thống đó trước tiên thể hiện ở những nhân vật mang phẩm chất anh hùng, bất khuất, từ đau thương trỗi dậy để chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược. Họ đều là những người con được sinh ra từ truyền thống bất khuất của gia đình, của quê hương, của dân tộc. Tnú là người con của làng Xô Man, nơi từng người dân đều hướng về cách mạng, bảo vệ cán bộ. Trong khi đó Chiến và Việt sinh ra trong gia đình có truyền thống yêu nước, căm thù giặc. Cha là cán bộ cách mạng, má là người phụ nữ Nam Bộ kiên cường trong đấu tranh, hai con tiếp nối lí tưởng của cha mẹ.

Cùng với đó, những đau thương, mất mát do kẻ thù gây ra cho họ đều tiêu biểu cho đau thương mất mát của cả dân tộc. Tnú thì chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn đến chết, bản thân bị giặc đốt mười đầu ngón tay. Chiến và

Việt lại chứng kiến cái chết của ba má: ba bị chặt đầu, má chết vì đạn giặc. Những đau thương đó hun đúc tinh thần chiến đấu, lòng căm thù giặc sâu sắc của con người Việt Nam. Tnú lên đường đi lực lượng dù mỗi ngón tay mất đi một đốt; Chiến và Việt cùng vào bộ đội, coi việc đánh giặc trả nợ nước, thù nhà là lẽ sống cao nhất. Họ chiến đấu bởi sức mạnh của lòng căm thù giặc, cũng là bởi sức mạnh của tình yêu thương, vì với họ, chỉ có cầm vũ khí đứng lên, mới có thể bảo vệ được những gì thiêng liêng nhất, bảo vệ tình yêu và sự sống.

Tuy đi lên từ những đau thương, mất mát nhưng họ đều mang phẩm chất anh hùng, bất khuất, là những con người Việt Nam dũng cảm trong cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Tnú từ nhỏ đã gan dạ, đi liên lạc bị giặc bắt được, tra tấn dã man mà vẫn một mực không khai nửa lời. Anh vượt ngục trở về, lại là người lãnh đạo thanh niên làng Xô Man chống giặc, bị đốt mười đầu ngón tay vẫn không kêu rên trước mặt kẻ thù. Việt thì bị thương trong trận đánh lại lạc mất đơn vị nhưng vẫn chắc tay súng quyết tâm tiêu diệt kẻ thù.

Truyền thống đánh giặc còn thể hiện ở sức sống bất diệt của con người Việt Nam trong cuộc chiến đấu ác liệt. Dân làng Xô Man như rừng cây xà nu, mặc dù trong rừng hàng vạn cây, không cây nào không bị thương nhưng một cây ngã xuống thì bốn năm cây con mọc lên. Mai hi sinh thì Dít vươn lên thay thế, bé Heng như cây xà nu non hứa hẹn trở thành cây xà nu cường tráng tiếp nối thế hệ cha anh.

Về phần Việt và Chiến cũng vậy, ông nội bị giặc giết, cha trở thành cán bộ Việt Minh rồi bị giết hại dã man, má tiếp tục nuôi con và chiến đấu, đến khi má ngã xuống thì chị em Chiến và Việt lại tiếp nối con đường chiến đấu, thực hiện lí tưởng của gia đình. Sự tiếp nối và kế thừa truyền thống yêu nước đó đã làm nên sức mạnh để cả dân tộc vùng lên chiến đấu và chiến thắng.

Như vậy, có thể thấy cảm hứng đạo lý trong văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học trung đại và văn học hiện đại mang những biểu hiện vô cùng phong phú và gắn bó mật thiết với bối cảnh lịch sử - xã hội. Tuy nhiên qua những tác phẩm cụ thể ở mỗi thời kì văn học như trên đã phân tích, có thể thấy cảm hứng đạo lý trong văn học đều nhằm thể hiện những giá trị tinh thần, những truyền thống đạo đức: lối sống có trước có sau, tinh thần tương thân

tương ái, thủy chung nghĩa tình, tiết hạnh... và đặc biệt là việc khám phá, phát hiện và khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của con người: lòng yêu thương con người; ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người; ca ngợi lòng dũng cảm, tình đồng chí đồng đội; ca ngợi truyền thống đánh giặc giữ nước... tất cả đã làm nên những giá trị đạo lý hết sức quý báu và đặc trưng của dân tộc Việt Nam.

1.2. Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo đức trữ tình xuất sắc nhất trong lịch sử văn học dân tộc

1.2.1. Con người và cuộc đời

Nguyễn Đình Chiểu, tục gọi Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, sau khi bị mù lại có hiệu Hối Trai, ông sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ, tức ngày 1 tháng 7 năm 1822 tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định. Ông mất ngày 21 tháng 5 năm Mậu Tý, tức ngày 3 tháng 7 năm 1888 ở làng An Đức, quận Ba Tri , tỉnh Bến Tre. Quê quán ông vốn ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Cha ông là Nguyễn Đình Huy làm thư lại trong dinh Tổng trấn Lê Văn Duyệt, mẹ ông là bà Trương Thị Thiệt.

Nguyễn Đình Chiểu được sống và học tập có nề nếp bên người mẹ. Từ nhỏ ông đã được nghe những câu chuyện cổ dân gian, được đi xem hát và được mẹ dạy dỗ lẽ thiện ác ở đời. Năm 6, 7 tuổi, ông được theo học ông đồ là môn sinh của Võ Trường Toản. Việc giáo dục của người mẹ hiền và người thầy đã có tác động lớn tới sự hình thành tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 1833, Lê Văn Duyệt chết, Lê Văn Khôi nổi lên chống lại triều đình. Chuyện quốc biến đã làm thay đổi cuộc sống của Nguyễn Đình Chiểu và khiến cho cuộc đời ông trải qua nhiều thăng trầm và sóng gió. Khi ấy, Nguyễn Đình Huy đem Nguyễn Đình Chiểu chạy ra Huế và gửi vào gia đình một quan Thái phó để theo học tập. Nguyễn Đình Chiểu trở về Gia Định năm 1840 và đỗ tú tài vào khoa thi Quý Mão 1843. Ông cũng được một gia đình nhà họ Võ hứa gả con gái cho. Năm 1847, ông lại trở ra Huế để chuẩn bị dự thi năm Kỷ Dậu (1849). Trong thời gian dùi mài kinh sử thì nghe tin mẹ mất, ông bỏ thi về chịu tang mẹ, Nguyễn Đình Chiểu bị ốm nặng và mù đôi mắt trên đường trở về, từ đó ông lấy hiệu là Hối Trai (ngôi nhà tăm tối). Sống trong cảnh tối tăm mù mịt,

hoàn cảnh gia đình sa sút, vị hôn thê bội ước, sau khi mãn tang mẹ Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học và làm thuốc để cống hiến cho đời.

Năm 1854, Nguyễn Đình Chiểu lấy vợ là bà Lê Thị Điền, vào những năm sau đó, hoàn cảnh chính trị xã hội có nhiều đổi thay, cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Năm 1888, Nguyễn Đình Chiểu qua đời. Cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang khóc thương Đồ Chiểu. Cuộc đời ông là một tấm gương sáng ngời về nghị lực và đạo đức, đặc biệt là về thái độ suốt đời gắn bó và chiến đấu không mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi của nhân dân, đất nước.

Người xưa nói "trông văn thấy người", bởi tác phẩm văn học luôn là đứa con tinh thần của nhà văn. Con người tác giả như thế nào sẽ biểu hiện ra bằng một ngòi bút tương ứng. Con người Nguyễn Đình Chiểu đạo đức sáng trong, giàu cảm xúc đã sáng tác và để lại cả một dòng văn học đạo lý chảy mãi trong mạch nguồn văn học dân tộc.

1.2.2. Quan niệm sáng tác

Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được chia làm hai chặng đường rõ rệt. Giai đoạn đầu là những năm 50 của thế kỉ XIX - giai đoạn tiếp tục hình thành và khẳng định tư tưởng yêu nước, lí tưởng nhân nghĩa ảnh hưởng của đạo đức phong kiến truyền thống với những tác phẩm như: *Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu*. Giai đoạn sau là những năm 60, 70 của thế kỉ. Đây là giai đoạn phát triển rực rỡ của văn chương Đồ Chiểu. Sáng tác của ông trong giai đoạn này là những bài thơ, hịch, văn tế cổ vũ chống Pháp như: *Chạy Tây, Ngựa Tiêu Sương, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Ngư tiều y thuật vấn đáp*... Lí tưởng nhân nghĩa được cụ thể hóa ở tinh thần chống ngoại xâm. Nguyễn Đình Chiểu cũng nhận thấy và đề cao sức mạnh to lớn của những người dân lao động bình dị nhất. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn này tất cả đều hướng về chủ nghĩa yêu nước, là vũ khí đấu tranh chống Pháp của nhà thơ đất Đồng Nai. Vậy, quan niệm sáng tác văn chương của Nguyễn Đình Chiểu có những điểm gì nổi bật?

Trước hết, Nguyễn Đình Chiểu quan niệm về mục đích sáng tác, điều đó được thể hiện tập trung trong hai câu thơ:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

(Dương Từ - Hà Mậu)

Ông cho rằng văn chương phải có sức chiến đấu và có tác dụng cao là "chở đạo", "đâm gian" điều ấy đã trở thành "cương lĩnh" sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Quan điểm sáng tác ấy "thật giản dị mà cũng thật vĩ đại" (Trần Thanh Mại). Trái tim nhà thơ đập theo những nhịp thăng trầm của đất nước. Thơ văn ông đã kết tinh phần hồn ông: một tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết.

Người xưa nói "văn dĩ tải đạo" (văn chương để chở đạo). Nguyễn Đình Chiểu ví văn chương như con thuyền chở bao nhiêu đạo lý vẫn không "khẳm" (đầy). Đạo ở đây là đạo lý, là cái tâm, cái đức, đạo làm người. Văn chương phải chở đạo ấy đến cho người đọc, mà chở bao nhiêu cũng chưa đủ, chưa đầy. Câu thơ "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" cũng là một câu thơ có nghĩa sâu xa. "Thằng gian" ở đây là ai? Đó chính là những kẻ bán nước hại dân, những kẻ ngoại bang xâm lược. Nguyễn Đình Chiểu luôn chĩa ngòi bút về chúng, sẵn sàng vạch mặt tố cáo chúng mà ngòi bút không hề *tà,* thậm chí còn thêm phần sắc nhọn.

Với Nguyễn Đình Chiểu, "viết là một hình thức hành đạo, viết để trình bày, để lên tiếng cho một thái độ, một lí tưởng, một cách thể hiện đạo đức. Bởi vậy, viết là một hình thức chiến đấu" [dẫn theo 40, tr.286]. Quan điểm văn học của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với trách nhiệm của người cầm bút. Văn học phải là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh cho lí tưởng chính nghĩa. Từ việc xác định rõ mục đích của văn nghệ cũng cho thấy lập trường nghệ thuật vị nhân sinh của tác giả. Nguyễn Đình Chiểu khẳng định bản chất xã hội của nghệ thuật, chủ trương nghệ thuật phải gắn với đời sống xã hội và chính trị, gắn với quá trình đấu tranh. Hơn nữa, nhà văn phải có đủ dũng khí để thực hiện thiên chức của một người cầm bút, phải "đem ngòi bút lột trần cái xã hội hiện tại để cho dân chúng trông rõ nguồn gốc của mọi sự đau thương và để tìm lấy đường sống" [dẫn theo 40, tr.202].

Nguyễn Đình Chiểu xác định rõ mục đích của văn nghệ là vũ khí đấu tranh cho chính nghĩa, nghệ thuật phải vì chính nghĩa. Từ một quan niệm nghệ

thuật, Nguyễn Đình Chiểu đã chuyển hóa thành cảm hứng nghệ thuật, và tất cả sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đều tập trung thể hiện cho lí tưởng nghệ thuật ấy. Xuất phát từ mục đích như vậy, Nguyễn Đình Chiểu khẳng định "sứ mệnh lớn lao và chủ yếu của văn nghệ là giáo dục quần chúng, văn nghệ là một hình thức giáo dục có hiệu quả" [dẫn theo 40, tr.287]. Vào thời đại đạo lý Khổng - Mạnh đã bất lực thì Nguyễn Đình Chiểu đã chủ trương dùng văn chương để giáo dục đạo lý cho con người. Vì vậy, đạo đức là nội dung rất quan trọng trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Trong những tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã xác lập những biểu tượng đạo đức như tấm gương treo trên đầu thời đại. Từ những hình tượng nhân vật như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hớn Minh... đến những nhân vật như Trương Định, Phan Tòng đều là những tấm gương đạo đức chói ngời.

Văn chương Đồ Chiểu không chỉ giáo dục đạo lý làm người mà còn là lời kêu gọi, cổ vũ tinh thần đấu tranh. Trước hoàn cảnh của đất nước, của thời đại, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng văn chương để cổ vũ tinh thần chống xâm lược. Trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên những người nông dân, những người "dân ấp, dân lân" trở về đúng với vai trò lịch sử của mình, trở thành những người quyết định vận mệnh của dân tộc.

Nguyễn Đình Chiểu là người có quan niệm nghệ thuật khá rõ ràng và toàn diện. Tất cả các tác phẩm của ông đều đề cao nội dung đạo đức. Đó là sự kết hợp của quan niệm Nho giáo và đạo đức của nhân dân. Ngọn cờ của đạo lý Khổng - Mạnh dưới ảnh hưởng của tư tưởng nhân dân đã tước bỏ được nhiều yếu tố hạn chế của đạo đức phong kiến. Với Nguyễn Đình Chiểu, văn chương không phải thứ mua vui mà có sức mạnh to lớn, là vũ khí đấu tranh xã hội, là con thuyền *"chở đạo"*, là ngòi bút *"đâm gian*".

Nguyễn Đình Chiểu rất chú trọng nội dung đạo đức trong sáng tác của mình. Bên cạnh đó, tác giả cũng rất chú trọng đến vẻ đẹp của văn chương, coi văn chương thuộc phạm trù cái đẹp. Văn chương là phương tiện để trái tim đến với trái tim, bởi vậy cần phải viết bằng cả tấm lòng và tài năng thì mới có thể tìm được sự đồng điệu. Chính vì thế, Đồ Chiểu ý thức sâu sắc được rằng:

Văn chương ai chẳng muốn nghe,
Phun châu nhả ngọc báu khoe tinh thần.
(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức sẽ tạo ra một chỉnh thể nghệ thuật hoàn thiện. Văn chương phải là những sáng tạo nghệ thuật có tính thẩm mĩ cao, có tác động mạnh mẽ đến người đọc. Đặc biệt cái hay, cái đẹp, cái hoàn hảo của tác phẩm văn học theo quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu phải bắt nguồn từ đạo đức truyền thống. Toàn bộ thơ văn của Đồ Chiểu được sáng tác theo quan điểm nghệ thuật nói trên, đã đảm bảo được giá trị phổ biến và lâu dài của văn chương chân chính. Tuy nhiên, để đạt được điều đó ông cũng nhấn mạnh rằng: nếu văn chương thực sự là sản phẩm sáng tạo thì nhà văn cũng phải tự mình vượt khỏi giới hạn của những khuôn sáo ràng buộc lâu nay, văn chương phải là sự bứt phá ra khỏi những gò bó, ràng buộc để thể hiện ý chí, tầm vóc của con người.

Dẫn rằng: "Nào phải trường thi,
Ra đề vận hạn nhiều khi buộc ràng.
Trượng phu có chí ngang tàng,
Rộng cho phóng tứ làm bàn thi tiên"
(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Theo Nguyễn Đình Chiểu, sáng tác văn chương nào phải là công việc duy ở chốn trường thi với những quy phạm gò bó. Khi những quy định, những chuẩn mực cũ đã không còn phù hợp, đã trở nên bất lực thì cũng phải bước qua nó để đem đến cho văn chương một sức sống mới với niềm cảm hứng mãnh liệt, cao cả.

Với Nguyễn Đình Chiểu, văn chương phải thể hiện rõ ràng thái độ khen chê, đồng tình hay phản đối, phải phẫn nộ với cái xấu xa, phải tha thiết với cái đẹp, cái cao cả, yêu ghét cần phải phân minh:

Học theo ngòi bút chí công,
Trong thơ cho ngụ tấm lòng Xuân Thu.
(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Có thể nhận thấy, quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu từ mục đích, chức năng, đến tính sáng tạo và phẩm chất thẩm mĩ của văn chương nghệ thuật là một hệ thống quan điểm nhất quán, xuyên suốt các sáng tác của ông từ truyện thơ *Lục Vân Tiên* đến thơ văn yêu nước chống Pháp. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân là tư tưởng nhất quán, là linh hồn kết nối các giá trị trong hệ thống sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

*** Tiểu kết chương 1:**

Giá trị đạo lý là những tiêu chuẩn được con người lựa chọn và đánh giá như việc làm có ý nghĩa tích cực, tiến bộ, nhân văn đối với đời sống xã hội và con người, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương. Các giá trị đạo lý thể hiện rõ rệt trong các chuẩn mực đạo đức có vai trò to lớn trong việc hình thành nhân cách của con người, thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xã hội. Người Việt Nam có một đời sống tinh thần phong phú và ở khía cạnh nào cũng kết tinh được thành những giá trị đạo lý mang tính truyền thống. Trong mọi hoàn cảnh, cha ông ta lấy tình yêu thương làm cơ sở cho cách xử thế. Đạo lý con người được thể hiện ngay trong các mối quan hệ: tình cha con, tình mẫu tử, tình vợ chồng, tình anh em, tình hàng xóm láng giềng, tình thầy trò, tình bè bạn, tình đồng bào, đồng chí...

Trong văn học, giá trị đạo lý được thể hiện theo suốt tiến trình của văn học Việt Nam, từ văn học dân gian đến văn học trung đại và văn học hiện đại. Nếu giá trị đạo lý của văn học dân gian được biểu hiện ở khả năng đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống để họ tự rèn luyện bản thân mình, hình thành trong người đọc một tư tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống, giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn thì ở văn học trung đại giá trị đạo lý được thể hiện ở chữ "Nhân", chữ "Nghĩa", chữ "Trung", chữ "Hiếu", chữ "Tiết". Đó là đạo lý thủy chung, trọn nghĩa vẹn tình, là ước mơ, khát vọng, là niềm lạc quan tin tưởng của con người. Tiếp tục nguồn mạch đó, biểu hiện của đạo lý trong văn học hiện đại rất đa dạng, đó là toàn bộ

những tư tưởng, quan điểm quý trọng các giá trị của con người: lòng yêu thương con người; ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người; ca ngợi tài năng, lòng dũng cảm, tình đồng chí đồng đội; ca ngợi truyền thống đánh giặc giữ nước...

Hầu hết những truyền thống đạo lý đó đã được thể hiện một cách chân thực, cảm động qua ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu - người có quan niệm nghệ thuật rõ ràng, toàn diện. Văn chương luôn chứa đựng nội dung đạo đức, văn chương là một vũ khí chiến đấu lợi hại để chống lại kẻ thù.

Trên cơ sở tìm hiểu những biểu hiện của giá trị đạo lý trong văn học, chúng tôi bắt đầu khái quát những biểu hiện đối với từng giai đoạn văn học. Những tiền đề trên là cơ sở cho việc tìm hiểu giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc mà chúng tôi sẽ trình bày ở những chương tiếp theo.

Chương 2
CẢM HỨNG ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

2.1. Khẳng định, đề cao giá trị đạo lý của dân tộc

2.1.1. Đạo đức nhân nghĩa

Theo quan điểm của Nho giáo đã là người quân tử thì phải hội tụ cả năm yếu tố: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín* trong đó *Nhân* là yếu tố hàng đầu. Cốt lõi của *Nhân* là lòng yêu thương đối với vạn vật, con người, là sự đối xử giữa con người với con người trên cơ sở tình yêu thương. *Nghĩa* cũng là một phạm trù đạo đức của người quân tử. *Nghĩa* bao gồm những cái cao thượng, chính trực, tốt đẹp phù hợp với Nhân.

Có thể nói tác phẩm nổi tiếng đầu tiên của Nguyễn Đình Chiểu là truyện thơ *Lục Vân Tiên* dài 2080 câu thơ lục bát. Tác phẩm là một luận đề đạo đức và cái đích cuối cùng là lí tưởng nhân nghĩa của nhà văn. Ở đây, đạo đức phong kiến chính thống đã thấm nhuần, hòa hợp với mong muốn của người dân chuộng hạnh phúc và khát khao công lí. Cho nên, mở đầu tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu đã viết:

Ai ơi lắng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình...

Những nhân vật như: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Hớn Minh, Vương Tử Trực, ông Quán, ông Ngư, ông Tiều, Tiểu đồng...Họ là những tầng lớp làm việc nhân nghĩa đông đảo nhất, vô tư nhất.

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ông Quán là nhân vật mà mọi cách hành xử của ông đều bắt nguồn từ lòng Nhân. Mặc dù cũng là một trí thức thông hiểu Nho gia nhưng ông không chọn con đường ra làm quan mà lui về ẩn dật, làm nghề bán hàng cơm. Chính cuộc sống gắn bó với nhân dân đã giúp ông phân định rõ lẽ *yêu* và *ghét* ở trên đời. Hãy nhìn lại những điều khiến ông Quán *"ghét cay, ghét đắng":*

Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sảy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần
Ghét đời Ngũ Bá phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời Thúc Quý phân băng,
Sớm đầu, tối đánh, lằng nhằng dối dân.

Vậy, những đối tượng mà ông Quán *ghét* ở đây là những ai? Đó là các vua chúa tàn ác đã làm cho dân *"sa hầm sảy hang",* khiến dân *"lầm than muôn phần", "làm dân nhọc nhằn",* những kẻ *"lằng nhằng dối dân".* Họ là những ông vua say mê nữ sắc, không quan tâm đến triều chính, không chăm lo cho dân mà chỉ lo ăn chơi hưởng lạc khiến triều đại đi đến bại vong.

Còn người ông Quán *thương* là những ai:

Thương là thương đức thánh nhân,
Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông.
Thương thầy Nhan Tử dở dang,
Ba mươi mốt tuổi, tách đàng công danh.
Thương ông Gia Cát tài lành,
Gặp cơn Hán mạt đã đành phôi pha...

Ông Quán thương những nhà nho có tài, có đức, có chí muốn hành đạo giúp đời, giúp dân nhưng đều không đạt sở nguyện.

Như vậy, có thể thấy ông Quán *ghét* các vua chúa tàn ác ở đây cũng là một phương diện thể hiện sự *thương* đối với những người dân phải sống trong cảnh lầm than, nhọc nhằn. Tất cả mọi lẽ *thương ghét* đều xuất phát từ tấm lòng thương dân, từ sự yêu thương con người, từ đạo Nhân.

Cùng với nhân vật ông Quán thì ông Ngư, ông Tiều cũng mang những cách hành xử của đạo Nhân. Hành động cứu người của ông Ngư là một minh chứng:

Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn?

Thấy người gặp nạn là phải cứu, vì việc nghĩa mà làm, mà đã làm là không bao giờ tính toán hay mong cầu được trả ơn.

Ông Tiều cũng vậy, khi cứu giúp Vân Tiên ra khỏi hang Thương Tòng cũng không hề trông chờ báo đáp:

Lão Tiều mới nói: Thôi thôi,

Làm ơn mà lại trông người hay sao?

Suy cho cùng những cách hành xử trên cũng đều xuất phát từ lòng Nhân, từ sự đối xử giữa con người với con người trên cơ sở tình yêu thương.

Xuôi theo toàn bộ tác phẩm, người đọc tìm ra 23 lần chữ *Nghĩa* được nhắc đến qua ngôn ngữ của 7 nhân vật với cả những biến âm của nó. Chữ *Nghĩa* được đặt vào lời ăn tiếng nói của nhiều nhân vật: Lục Vân Tiên - 3 lần, Kiều Nguyệt Nga - 2 lần; Tiểu đồng, Tử Trực cũng nhắc đến chữ *Nghĩa*. Có lúc ta thấy chữ *Nghĩa* được hiển hiện ở ngay chính trong lời bình của tác giả:

Làm người cho biết nghĩa sâu

Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn

Theo tác giả, *Nghĩa* là hành động giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn mà không màng tới lợi lộc, vật chất hay cũng không mong được người khác trả ơn... Điều đó hoàn toàn phù hợp với quan niệm đạo đức của nhân dân.

Hành động vì *Nghĩa* trong tác phẩm trước hết được thể hiện ở nhân vật Lục Vân Tiên. Chàng nho sinh bao năm miệt mài đèn sách, vậy mà trên đường lai kinh ứng thí gặp chuyện bất bình, chàng đã nán lại mà không hề do dự làm một việc nghĩa lớn lao. Thấy bọn cướp Phong Lai làm càn, thấy người hoạn nạn bị ức hiếp làm sao người quân tử có thể cam lòng? Lục Vân Tiên thấy việc nghĩa mà làm, chàng không kịp nghĩ đến thiệt hơn, tai họa cho bản thân, cho dù bọn Phong Lai hung dữ có cả bầy đàn, trong khi đó chàng chỉ một thân cây làm gậy, chàng đã "*Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô"*. Vân Tiên giúp người như một nhu cầu, làm ơn mà không chờ trả ơn. Lục Vân Tiên làm việc nghĩa như một hành động đạo đức tự thân của mình với quan niệm:

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

Giúp người xong rồi, chàng chẳng màng được đền ơn, chẳng nhận lấy một chút quà mọn làm kỷ vật. Đó cũng là suy nghĩ theo lẽ phải:

Nhớ câu trọng ngãi khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì

Cùng với Vân Tiên, Nguyệt Nga cũng là một con người luôn hành động vì nghĩa. Khi kẻ gian đẩy nàng làm cống phẩm cho giặc Ô Qua, dù là phận nữ nhi nhưng suy nghĩ và lựa chọn của nàng thật đáng cho những đấng nam nhi cũng phải khâm phục:

Tình phu phụ nghĩa quân thần
Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên

Lúc ấy, nàng đã đặt nghĩa vua tôi lên trên hết. Nàng nghĩ đến nghĩa vua tôi mà cho cái bất hạnh của mình là một cách đền ơn vua, ơn nước. Nàng nghĩ đến nghĩa vua tôi mà muốn trọn vẹn cả tình nghĩa vợ chồng. Nhưng rồi cuối cùng, không còn sự lựa chọn nào khác để có thể vẹn cả đôi đường, nàng cũng đã phải chọn cách hi sinh mạng sống của mình vì nghĩa vợ chồng:

Ngõ cho ơn ngãi vẹn tuyền
Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau

Vương Tử Trực cũng là nhân vật tiêu biểu cho hình tượng người nam nhi luôn hành động vì nghĩa. Cũng giống như Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực chọn con đường học hành, thi cử để lập thân. Tử Trực cũng là con người có tài năng *"văn chương tót đời"*. Về đạo đức thì Tử Trực cũng là con người vẹn đường nhân nghĩa. Khi gia đình họ Võ gạ gẫm gả Võ Thể Loan cho chàng, Tử Trực không những không đồng ý mà trái lại còn mắng nhiếc Võ Công bởi lẽ "*Vợ Tiên là Trực chị dâu"*:

Chẳng hay người học sách chi
Nói sao những tiếng dị kì khó nghe?
.....
Nói sao chẳng biết hổ thầm,
Người ta há phải loài cầm thú sao?

Đạo đức nhân nghĩa đó một lần nữa lại cũng được nói đến trong *Dương Từ - Hà Mậu*. Tác phẩm được coi là tuyên ngôn nghệ thuật của tác giả về vấn

đề tôn sùng đạo Nho như một chính đạo và bài xích các tôn giáo khác như những "tà đạo". Dương Từ là người theo đạo Phật, Hà Mậu là người theo công giáo, nhưng cả hai đều hoài nghi lẽ đạo cho nên quyết tâm đi tìm chính đạo. Hai người được Lão Nhan Tứ Thất nói rõ về lẽ chính tà của đạo nên quyết định bỏ tà đạo theo chính đạo là đạo Nho. Nhờ vậy mà cả gia đình yên ổn, thuận hòa, con cái khỏe mạnh. Không những thế Dương Từ và Hà Mậu còn khuyên con cái, người nhà, các tín đồ Phật giáo và Công giáo khác từ bỏ tà đạo, đi theo chính đạo là Nho giáo. Tác phẩm dài 3456 câu lục bát và xen lẫn nhiều bài thơ trữ tình, trực tiếp bày tỏ quan điểm, tư tưởng của tác giả. Nó không còn là một tác phẩm luận đề mà đã trở thành một tác phẩm mang cảm hứng sáng tạo mãnh liệt từ chính đối tượng cần khẳng định và ca ngợi là lí tưởng nhân nghĩa mà trong đó Nho giáo đóng vai trò quyết định.

Có lẽ nhiều bài thơ trữ tình xuất hiện trong tác phẩm lại là những bài chứa đựng nhiều cảm xúc thành thực nhất trong việc tôn Nho như một chính đạo, đạo đức Nho giáo như là một yếu tố truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Bởi Nho giáo hướng con người theo con đường tu thân, luôn sống có chí hướng, có mục tiêu và lý tưởng, thôi thúc con người hành động theo nhân nghĩa, theo lẽ phải:

Biết ơn phụ tử nghĩa quân thần,
Nhờ có trời xanh đức thánh nhân.
Nét mực tu kinh ngăn đứa loạn,
Dấu xe hành đạo rạch trong trần.

(Bài số 4)

Tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* dài 3642 câu lục bát và 21 bài thơ luật Đường bộc lộ trực tiếp tâm sự của tác giả. Tác phẩm kể rằng: vào khoảng năm 936, ở đất U Yên - Trung Quốc, Thạch Kính Đường thông mưu với quân Khiết Đan nước Liêu, cắt đất nhượng cho Khiết Đan, để được Khiết Đan phong cho làm vua xứ này. Dân U, Yên rơi vào tình cảnh lầm than, những người có tâm huyết không khuất phục chế độ ấy, một số phiêu bạt đi nơi khác để sinh sống và tìm cách cứu nước, cứu dân.

Mộng Thê Triền cùng Bào Tử Phược cũng đi lánh nạn. Chẳng may vợ con bị ốm đau và chết chóc nhiều nên cả hai người đều muốn đi tìm thầy học nghề thuốc. Họ đều có ý định đi tìm Nhân Sư là một thầy thuốc rất giỏi và cũng là người U Yên đi ẩn cư. Dọc đường họ gặp thêm hai bạn cũ có cùng mục đích là Đạo Dẫn và Nhập Môn. Cả mấy người cùng dắt nhau đi tìm Nhân Sư. Vì họ đã đều biết thuốc, nên trên đường đi, Ngư, Tiều hỏi chuyện về y học rất nhiều. Đạo Dẫn và Nhập Môn đã lần lượt trả lời những câu hỏi của Ngư, Tiều, và giải thích một cách rõ ràng nhiều điểm về lý luận y học cơ bản, kèm theo ca, phú mà phần chính lấy ở y học nhập môn ra.

Giữa đường, Đạo Dẫn tìm đường đi luyện đan (tu tiên), còn Ngư, Tiều thì theo Nhập Môn tiếp tục đi đến Đan Kỳ để tìm Nhân Sư. Nhưng khi đến nơi thì Nhân Sư đang bị bệnh và lánh ở Thiên Thai; song họ được gặp lại Đạo Dẫn ở đấy. Hỏi ra mới biết là Nhân Sư không phải là bị bệnh thật mà là vì vua Liêu nghe tiếng cho sứ đến mời Nhân Sư vào làm ngự y, nhưng Nhân Sư không muốn làm tôi kẻ thù nên đã xông hai mắt cho mù, rồi lánh về ở Thiên Thai. Nhân Sư đã để lại hai bài dạy phép dùng thuốc (một bài luận về tiêu bản, một bài nói về phép chữa tạp bệnh). Ngư, Tiều lãnh hai bài đó rồi trở về. Sau khi từ biệt Đạo Dẫn và Nhập Môn, Ngư, Tiều dự định sẽ bỏ nghề cũ để đi làm nghề y. Đêm đi lạc đường trong rừng, vào ngủ ở một cái miếu trong hang, nằm mê thấy mộng xử án các thầy thuốc, thầy châm cứu chữa xằng, và thầy phép, thầy chùa gieo mê tín dị đoan. Tỉnh ra, Ngư, Tiều mới biết đó là những lời răn, nên khi về nhà, cả hai người đều ra công học thuốc cho thật giỏi rồi chuyên mỗi người một khoa. Ngư chữa bệnh nhi khoa, Tiều chữa bệnh phụ khoa.

Có thể thấy, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là tác phẩm luôn đề cao đạo đức nhân nghĩa, đề cao những đạo lý tốt đẹp, đề cao những hành động cao thượng, chính trực. Mộng Thê Triền vốn xuất thân làm nghề đốn củi, Bào Tử Phược vốn xuất thân làm nghề chài lưới. Nhưng chẳng may vợ con lại bị ốm đau và chết chóc nhiều nên cả hai đã không quản ngại gian khổ cùng muốn tìm thầy học thuốc. Hành động đó xuất phát từ chính tình yêu thương với vợ, với con, với chính gia đình và nó cũng chính là biểu hiện của lòng Nhân.

Đạo đức Nhân nghĩa còn được thể hiện ở nhân vật Kỳ Nhân Sư. Sống trong một đất nước lại bị đặt dưới sự đô hộ của nước ngoài cho nên khi vua Liêu cho sứ đến mời Nhân Sư vào làm ngự y, vì không muốn làm tôi tớ cho kẻ thù nên Nhân Sư đã xông hai mắt cho mù để không phải hợp tác với kẻ thù. Cho nên tràn ngập trong tác phẩm là tuyên ngôn đạo lý của con người dám hủy thân hành đạo. Ông còn giảng cho học trò:

Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà nhìn thấy kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.

Nhân nghĩa còn thể hiện ở việc Nhân Sư truyền lại hai bài dạy phép làm thuốc mà sau này Mộng Thê Triền và Bào Tử Phược đã học được. Họ đã bỏ nghề cũ đi làm nghề y và chuyên mỗi người một khoa. Ngư chữa bệnh nhi khoa, Tiều chữa bệnh phụ khoa. Họ đều trở thành thầy thuốc lành nghề, chân chính.

Có thể thấy, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu luôn ăm ắp và chứa đựng nội dung đạo đức nhân nghĩa. Đó là tình cảm yêu thương con người, là những cách hành xử hợp lẽ phải giữa con người với con người, là việc đề cao những hành động cao thượng, chính trực, đề cao những đạo lý tốt đẹp của dân tộc.

2.1.2. Tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài

Có thể thấy, điều cốt lõi nhất trong quan niệm về con người của Nguyễn Đình Chiểu là vấn đề đạo đức, đạo lý. Chính vì vậy, các hình tượng văn học mà ông xây dựng gần như được đồng nhất với các biểu tượng về đạo đức, đạo lý phục vụ cho mục đích truyền bá đạo lý.

Tác phẩm tập trung nhiều hình tượng con người nghĩa khí nhất là truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Trong đó những nhân vật tiêu biểu cho phẩm chất này có thể kể đến như: Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực, Hớn Minh...

Trước hết, nhân vật Lục Vân Tiên là nhân vật lí tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu dày công xây dựng, khắc họa nhằm thể hiện bản chất đạo đức nhân dân truyền thống. Vân Tiên sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống đạo đức:

Có người ở quận Đông Thành,
Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền

Vân Tiên lại chăm chỉ học tập nên đã sớm bộc lộ tài năng là một người văn võ toàn tài:

Đặt tên là Lục Vân Tiên,
Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.
...
Văn đà khởi phụng đẳng giao,
Võ thêm ba lược sáu thao ai bì.

Vân Tiên còn luôn hiểu được bổn phận của người làm trai:

Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo hổ sau là hiển vang.

Khi nghe tin triều đình mở khoa thi, trên đường đi thi, gặp việc bất bình, thấy người gặp nguy nan chàng xông vào giải cứu mà không hề băn khoăn, do dự. Không màng đến thân mình, Lục Vân Tiên đã ra tay đánh cướp cứu người. Đó chính là hành động thể hiện tinh thần hào hiệp:

Vân Tiên ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.
Kêu rằng: bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.

Sự việc xảy ra trước mắt Vân Tiên quá bất ngờ, nhưng chàng không chần chừ, do dự mà đã *"Bẻ cây làm gậy"* xông vào bọn cướp. Người nho sinh đang trên đường ứng thí ấy đã coi việc nghĩa trên cả bản thân mình. Nếu Vân Tiên chỉ dừng lại một chút thôi để tính toán thiệt hơn thì có lẽ sẽ khó có thể lay động biết bao thế hệ người đọc bấy lâu nay.Vân Tiên đã ngay lập tức xông vào đánh lũ cướp bằng cả lòng dũng cảm, hào hiệp, bằng cả võ nghệ hết sức điêu luyện. Thật nhân nghĩa và can trường biết mấy:

Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

Sau hành động cứu người đầy bản năng và không hề toan tính ấy, Vân Tiên đã thể hiện sự quan tâm của mình với người gặp nạn*"Hỏi ai than khóc ở trong xe này"*.

Nhưng khi Kiều Nguyệt Nga muốn xuống xe tạ ơn thì Vân Tiên ngăn lại:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai

Nguyệt Nga tặng trâm, Vân Tiên cũng không nhận:

Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài,
Nào ai chịu lấy của ai làm gì.

Nguyệt Nga đề nghị Vân Tiên theo nàng về Hà Khê - nơi cha nàng đang làm quan ở đó để nàng có thể trả ơn cứu giúp của Vân Tiên. Nhưng đáp lại Vân Tiên liền cười:

Vân Tiên nghe nói liền cười:
Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Chỉ một cái cười nhưng cũng đủ để nói lên phẩm chất đáng quý của Vân Tiên - một con người luôn hành động vì nghĩa, vì việc thiện, vì đạo lý ở đời. Không giống như Từ Hải trong *Truyện Kiều"Vai năm tấc rộng thân mười thước cao"* hay *"Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa"* như Kim Trọng, Vân Tiên chỉ là một thư sinh nhưng đã để lại những ấn tượng khó phai: dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, là một lẽ tự nhiên. Con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi đó là công trạng. Đó là cách ứng xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các anh hùng hảo hán.

Bên cạnh Lục Vân Tiên, Hớn Minh cũng là một người nghĩa khí, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài. Hớn Minh được miêu tả là một nho sinh, quê ở Ô Mi. Chàng được giới thiệu với những nét ngoại hình:

Xa xem mặt mũi đen sì,
Mình cao đồ sộ dị kì rất hung.

Nếu như trước đó, Vân Tiên giữa đường gặp chuyện bất bình đã giải cứu cho Nguyệt Nga khỏi toán cướp Phong Lai thì trong trường hợp này cũng tương tự, Hớn Minh gặp Đặng Sinh - con quan huyện ỷ thế làm càn, Hớn Minh đã:

Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.

Cũng giống như Vân Tiên, giữa đường gặp người bị nạn chàng đã ra tay cứu giúp. Thêm vào đó, trừng trị xong tên cậy thế, Hớn Minh tự đến quan phủ thú tội. Chàng tự nhận lấy hậu quả, không để ảnh hưởng đến người khác:

Mình làm nỡ để ai lo,

Bó tay chịu trói nộp cho huyện đàng.

Sau đó quan huyện đày Hớn Minh ra quận Sóc Phang nhưng chàng đã vượt ngục và mai danh ẩn tích ở chùa.

Ngoài Lục Vân Tiên, Hớn Minh thì Vương Tử Trực cũng là một con người hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài. Trước hết, Tử Trực cũng là một con người tài năng:

Gần đây có một họ Vương,

Tên là Tử Trực văn chương tót đời.

Chính cái tên Tử Trực đã thể hiện bản chất con người của chàng - trực tính, không màng danh lợi. Chàng sống có tình có nghĩa. Sau khi đỗ đạt, Võ Công muốn gả con gái cho, Tử Trực liền mắng nhiếc không thương xót:

Chẳng hay người đọc sách chi,

Nói sao những tiếng dị kì khó nghe

.....

Nói sao chẳng biết hổ thầm,

Người ta há phải loài cầm thú sao ?

Tử Trực rất chính trực, với chàng những điều trái với luân thường đạo lý chàng sẽ không bao giờ làm.

Trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, hình tượng những con người mang tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài vừa có những đặc điểm chung như: tuân thủ phép tắc, khuôn khổ của Nho giáo; nhưng cũng vừa có những nét riêng như: luôn hành động theo thực tế cuộc sống. Bởi vậy, những hình tượng nhân vật mà Nguyễn Đình Chiểu khắc họa trong tác phẩm của mình là những người tương thân, tương ái, giàu tình cảm nghĩa hiệp, bộc trực, thẳng thắn, trọng nghĩa khinh tài.

Như vậy, bộ ba nhân vật hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài Vân Tiên - Hớn Minh - Tử Trực đã bổ sung, tương trợ cho nhau làm nổi bật hình tượng những con người hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài. *Lục Vân Tiên* là bản trường ca, ca ngợi những con người chính nghĩa. Xuất hiện trong tác phẩm là một Hớn Minh khảng khái, chí tình; một Vương Tử Trực ân tình, ân nghĩa; một Lục Vân Tiên

văn võ song toàn, trọng nghĩa khinh tài, phò đời giúp nước, đối nhân xử thế theo quan điểm của nhân dân.

2.1.3. Lòng vị tha, chung thủy, tiết hạnh

Bên cạnh việc tiếp thu Nho giáo một cách có chọn lọc, Nguyễn Đình Chiểu còn ảnh hưởng đậm nét của tư tưởng nhân dân. Cách tiếp cận Nho giáo của Nguyễn Đình Chiểu cuối cùng đã đưa tác giả về với nhân dân, ngụp lặn trong bầu không khí của tình người, tình đồng loại. Yếu tố Nho giáo và yếu tố nhân dân đã đan xen, kết hợp, bổ sung cho nhau góp phần xây dựng những hình tượng nhân vật điển hình cho tư tưởng Nho giáo, vừa tiêu biểu cho tính cách và tâm hồn nhân dân.

Tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* cũng là một minh chứng điển hình cho những tấm gương về lòng vị tha, chung thủy, tiết hạnh của đạo đức con người.

Cuộc đời Lục Vân Tiên trước khi đi thi với bao hứa hẹn và bao ước mơ tốt đẹp về con đường công danh cũng như nhân duyên thì từ khi lên kinh dự thi biết bao tai họa lại dồn dập đổ xuống đầu chàng. Bao công sức dùi mài kinh sử, bao vất vả trên đường đi thi, nhưng chưa có cơ hội để so tài cao thấp, để thực hiện ước mơ thì Vân Tiên nghe tin mẹ mất, chàng đành bỏ thi về quê chịu tang mẹ. Nhưng oái oăm thay, trên đường về quê Vân Tiên nhuốm bệnh mù cả hai mắt. Giữa lúc đôi mắt không còn nhìn thấy nữa, chàng lại còn bị người bạn xấu Trịnh Hâm hãm hại đẩy xuống sông sâu giữa đêm khuya mờ mịt:

Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vời.

Được Giao Long và ông Ngư cứu giúp, Vân Tiên đã vượt được qua cơn hoạn nạn và tìm về nhà Võ Công với hi vọng được *"tìm phương gởi mình"*. Nhưng chàng có đâu ngờ lại bị cha con Võ Công dứt tình, bội ước và đem chàng bỏ vào hang sâu:

Nghe rằng trong núi Thương Tòng,
Có hang thăm thẳm bịt bùng khôn ra.
Đông Thành ngàn dặm còn xa,
Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu.

Đến cả Võ Thể Loan, vị hôn thê của chàng, giờ đây trước tình cảnh Vân Tiên mù lòa, đã không ngần ngại thốt ra những lời lật lọng, tráo trở:

Loan rằng: gót đỏ như son,
Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn?
.....
Dốc lòng chờ đợi danh nhu,
Rể đâu có rể đui mù thể ni?

Vượt qua bao khó khăn thử thách, chiến thắng bao mưu mô hiểm ác, Vân Tiên cuối cùng cũng thực hiện được lí tưởng của đời mình. Khi được thuốc tiên chữa cho mắt sáng, Vân Tiên thi đỗ trạng nguyên và cầm quân đi đánh giặc. Khi công thành, danh toại Vân Tiên không quên ơn những ân nhân của mình:

Bạc vàng châu báu áo quần,
Trạng nguyên đem tạ đáp ân Ngư Tiều.

Đối với ân nhân, Vân Tiên hết lòng báo đáp. Còn đối với những kẻ đã hại mình Vân Tiên cũng không hề tính toán mà ngược lại còn rất vị tha, không hề bắt tội họ mặc dù chàng hoàn toàn có thể làm như vậy:

Trạng rằng: "Hễ đấng anh hùng,
Nào ai có giết đứa cùng làm chi.
Thôi thôi ta cũng rộng suy,
Truyền quân mở trói đuổi đi cho rồi"

Với mẹ con Võ Thể Loan, Vân Tiên cũng chỉ nhắc lại chuyện xưa như để nói về đạo lý ở đời mà không hề trách phạt họ.

Nhưng cuối cùng những con người gian ác ấy cũng phải đền tội như chính cách mà chúng đã hại người. Trịnh Hâm đẩy Vân Tiên xuống sông thì bị sóng thần nhấn chìm, cá dữ nuốt. Gia đình Võ Thể Loan đem chàng bỏ vào hang sâu thì bị cọp bắt bỏ lại hang Thương Tòng.

Nếu như Lục Vân Tiên là một nhân vật điển hình cho tấm lòng hào hiệp, vị tha thì nhân vật Kiều Nguyệt Nga trong tác phẩm lại là một minh chứng cho người phụ nữ chung thủy, tiết hạnh.

Trên đường từ Tây Xuyên sang Hà Khê để định bề gia thất, Kiều Nguyệt Nga đã gặp phải bọn cướp Phong Lai nhưng may thay được Vân Tiên cứu giúp.

Nguyệt Nga là cô gái có học thức, có giáo dục. Cách nói năng của nàng rất mực thước, chân thành. Điều này được biểu hiện qua những lời giãy bày của nàng với ân nhân:

Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi liễu yếu đào tơ,
Giữa đường gặp phải bụi dơ đã phần.
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.

Trước hành động cứu giúp của Vân Tiên, Nguyệt Nga nhớ ơn và mong muốn đền ơn người đã cứu giúp mình giữ được tiết sạch, giá trong:

Lâm nguy chẳng kịp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

Nguyệt Nga biết ơn người giải cứu cho mình. Nàng muốn đền ơn Lục Vân Tiên nhưng chàng lại nhất quyết từ chối. Cảm tạ trước công ơn ấy, Kiều Nguyệt Nga đã tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với cuộc đời của chàng trai nghĩa khí ấy. Nguyệt Nga đã vượt lễ giáo phong kiến mà tự đính ước với Vân Tiên. Nàng thề sẽ thủy chung, son sắt với Vân Tiên:

Vái trời cho đặng vuông tròn,
Trăm năm cho trọn lòng son với chàng.

Thời gian sau, Nguyệt Nga hay tin Vân Tiên trên đường trở về chịu tang mẹ đã không thể về đến nhà. Nàng đã quyết giữ tiết với Vân Tiên:

Thân con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi.

"Bức tượng" ở đây đã vật thể hóa tình cảm của Nguyệt Nga với Vân Tiên. Trong tác phẩm, nó xuất hiện 23 lần như một tín hiệu thẩm mĩ cho lòng chung thủy của Nguyệt Nga với chàng. Để rồi sau này cũng nhờ nó mà họ đã nhận ra nhau sau bao năm lưu lạc.

Đặc biệt, khi đất nước gặp cảnh ngoại xâm, được lệnh Vua, Nguyệt Nga nguyện làm vật hi sinh. Tâm trạng nàng buồn rầu và đau khổ biết mấy:

Nguyệt Nga trong dạ như bào,

Canh chầy chẳng ngủ những thao thức hoài.

Và cuối cùng Nguyệt Nga sẵn sàng liều chết để giữ trọn ân tình thủy chung với người yêu:

Nghĩa tình nặng cả hai bên,

Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.

Sao sao một thác thời xong,

Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự phu.

Như vậy, nếu Vân Tiên là điển hình cho tấm lòng hào hiệp, vị tha thì Nguyệt Nga là nhân vật nữ điển hình cho tiết hạnh, lòng thủy chung, kiên trinh. Tình yêu giữa Nguyệt Nga và Vân Tiên là tình cảm trước hết xuất phát từ ơn nghĩa. Bởi, về phía Vân Tiên chàng đâu có hứa hẹn gì nhưng vì ơn nghĩa cứu mạng cũng là cứu cả đời trong trắng của người con gái mà Nguyệt Nga coi Vân Tiên như người chồng và nguyện thủ tiết suốt đời với chàng. Tuy nhiên, nàng cũng không phải là một người con gái chỉ biết trung hậu một cách thụ động mà nàng đã biết đấu tranh chống lại sự áp bức, chống lại số phận và cuối cùng đã chiến thắng và được hưởng hạnh phúc chính đáng.

2.1.4. Tinh thần xả thân vì nước

Năm 1858 thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên xâm lược nước ta ở bán đảo Sơn Trà của tỉnh Đà Nẵng. Không đầy năm sau, năm 1859 chúng mở rộng xâm lược đánh chiếm Gia Định, mở đầu cuộc xâm lược Lục tỉnh. Tiếng súng xâm lược của giặc đã phá tan cuộc sống bình yên của nhân dân và gây ra biết bao nhiêu đau thương, tang tóc. Lúc này, Nguyễn Đình Chiểu dồn hết tâm trí vào ca ngợi những người sĩ phu đã dũng cảm đứng lên kháng Pháp trong lúc triều đình phong kiến lại bạc nhược đã đầu hàng giặc. Đặc biệt, ông rất đề cao tinh thần yêu nước của họ. Trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, "yêu nước" đôi khi không còn gắn liền với tư tưởng "trung quân":

Viên đạn nghịch thần treo trước mắt

Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay

(Thơ điếu Phan Tòng, II)

Người đọc thật xúc động biết bao trước hình ảnh người anh hùng Phan Tòng trên đầu còn mang khăn tang mẹ, vẫn sẵn sàng cầm quân giết giặc để làm tròn phận sự với nước, với vua:

Cơm áo đền bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.

(Thơ điếu Phan Tòng, X)

Trương Định cũng không quản gian lao, ra sức chiến đấu cho trọn đạo vua tôi:

Quân thần còn gánh nặng hai vai

(Thơ điếu Trương Định, IV)

Tuy nhiên, điều đáng nói ở chỗ các sĩ phu đương thời đã không tuân thủ nghĩa quân thần, đạo vua tôi một cách mù quáng. Nhân dân cương quyết chống giặc, chống đầu hàng đã chỉ cho họ thấy thế nào là trung quân ái quốc, thế nào là đạo làm tôi:

Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.

(Thơ điếu Trương Định, II)

Hay Trương Định cũng đã không nghe theo lệnh của Tự Đức về đầu hàng giặc, mà ông đã theo ý muốn của nhân dân ở lại đánh Pháp cứu nước. Hành động của Trương Định như vậy mới thật là yêu nước và trung với vua:

Một sớ lãnh binh lờ mắt giặc,
Bằng son ứng nghĩa thắm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.

(Thơ điếu Trương Định, II)

Cùng với Trương Định thì người anh hùng Phan Tòng cũng được tác giả tập trung, ca ngợi. Phan Tòng nêu cao khí phách của người trung nghĩa, chiến đấu đến cùng, thà chết cũng không hàng giặc:

Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa trường phận cũng may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.

(Thơ điếu Phan Tòng, II)

Hình ảnh của họ cũng là hình ảnh của những lãnh tụ nghĩa quân nói chung. Họ được nhân dân yêu mến, tin tưởng và không ngừng ủng hộ:

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền;
Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khổn ngoại.
Gồm ba tỉnh dựng bờ phấn nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo;
Tóm muôn dân gây sổ mộ binh, luật lệ nào ai dám trái.

(Văn tế Trương Định)

Nguyễn Đình Chiểu hết sức ca ngợi Trương Định ở chỗ ông đã dám vượt lên mọi điều tiếng:

...nhọc nhằn vì nước, nào hờn tiếng thị, tiếng phi.

(Văn tế Trương Định)

Quản bao sâu mọt chịu lời nhăng

(Thơ điếu Trương Định, IX)

Ý chí sắt son bất khuất, vượt lên mọi khó khăn, kiên trì với sự nghiệp cứu nước:

Một gò cô lũy chống hôm mai

(Thơ điếu Trương Định, IV)

...đắp lũy đồn binh giữ một góc bày lòng địch khái

(Văn tế Trương Định)

Cám lỗi nhà nghiêng lăm chống cột

(Thơ điếu Trương Định, IX)

Như vậy, qua những nguyên mẫu ngoài đời thực như Trương Định, Phan Tòng, tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã dựng lên hình tượng người sĩ phu tiêu biểu cho cả một tầng lớp những sĩ phu chống Pháp ưu tú nhất trong thời đại lịch sử lúc bấy giờ. Họ lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược, nhân dân khổ đau nhưng anh dũng tuyệt vời, điều đó đã cho họ thấy thế nào là trung quân ái quốc. Họ vượt lên mọi điều tiếng để tiếp tục kiên trì với sự nghiệp cứu nước. Họ không ngừng được nhân dân yêu mến, tin tưởng và ủng hộ.

Song song với hình ảnh người sĩ phu kháng Pháp là hình ảnh người trí thức bất hợp tác với kẻ thù. Điều này được thể hiện trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, đặc biệt là qua cách hành xử của nhân vật Kỳ Nhân Sư. Khi

chúa Liêu sai sứ đến rước Nhân Sư về làm ngự y, Nhân Sư liền xông mù hai mắt để không phải hợp tác với kẻ thù, không phải làm tôi kẻ thù. Cho nên tràn ngập trong tác phẩm là tuyên ngôn đạo lý của con người dám hủy thân hành đạo. Ông còn giảng cho học trò rằng ở đời này chẳng thà đui mù còn hơn thấy kẻ thù quân thân, chứng kiến *"sinh dân nghiêng nghèo":*

Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà nhìn thấy kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.

Sau khi quyết không hợp tác với kẻ thù, Kỳ Nhân Sư lên thiên thai tạm lánh. Vì thế Ngư, Tiều dù trải qua nhiều chặng đường gay go vẫn không gặp được. Sau cùng họ gặp được Chu Đạo Mẫn và Đường Nhập Môn - hai đệ tử của Kỳ Nhân Sư và được truyền dạy cho nghề làm thuốc và đạo đức làm người.

Như vậy, dù đã mù nhưng Kỳ Nhân Sư không hề bỏ rơi trách nhiệm của mình, luôn làm điều thiện để được thực hiện thiên chức cao cả: Dạy học làm thuốc chữa bệnh cho nhân dân, tập hợp và giác ngộ những người dân yêu nước đợi thời cơ ra cứu nước:

Hỡi bạn y lâm có ai hỏi,
Đò xưa bến cũ có ta đây.

Có thể thấy, qua nhân vật Kỳ Nhân Sư đặc biệt là hành động xông mù hai mắt để không phải hợp tác với kẻ thù, người đọc có thể thấy được thái độ kiên quyết không khuất phục trước sức mạnh quân thù của Nguyễn Đình Chiểu. Trong cơn bão táp của quê hương, ông vẫn ra sức hành động theo khả năng của mình và hi vọng vào một ngày mai tươi sáng hơn:

Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sông trong bể lặng mắt thầy sáng ra.

Cuối cùng Kỳ Nhân Sư sáng mắt, đất nước không còn giặc ngoại xâm. Đó là mong ước và niềm tin tưởng của Kỳ Nhân Sư và đó cũng chẳng phải là nỗi lòng, là mong ước của chính Nguyễn Đình Chiểu hay sao?

Đặc biệt, người đọc còn hết sức xúc động trước tinh thần xả thân vì nước của những nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Có thể nói trong

những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thì hình tượng người nông dân nghĩa sĩ có lẽ là hình tượng văn học thành công, độc đáo nhất của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là những người anh hùng vô danh tiêu biểu cho lòng dũng cảm tuyệt vời và đức hi sinh cao cả, xứng đáng đại diện cho toàn bộ những giá trị tinh thần dân tộc lúc bấy giờ.

Thuở xưa, các tráng sĩ ra đi chinh chiến thường mang theo khát vọng lập được công danh:

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bệ rồng...

Họ cũng không phải là người nông dân bị bắt buộc đi chiến tranh phi nghĩa, không hẹn ngày trở về:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Chân bước xuống thuyền nước mắt như mưa...

Ngược lại, người nông dân nghĩa binh trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là những người nông dân anh hùng. Nếu như trước kia, những người anh hùng đánh giặc trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là những bậc kinh luân gồm đủ văn võ toàn tài như Lục Vân Tiên hay võ nghệ hơn người như Hớn Minh. Thì bây giờ, đó là những người nông dân suốt đời làm lụng, chân lấm tay bùn, quanh năm vất vả, nghèo khó:

Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó.

Họ xuất thân là những người nông dân lao động nghèo khổ, quanh năm gắn bó với con trâu, đường cày, suốt đời làm lụng mà vẫn vất vả, nghèo khó, lam lũ. Họ hoàn toàn xa lạ với những công việc binh đao, với vũ khí chiến tranh và những việc của quân đội:

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Mặc dù xuất thân là những người nông dân, quanh năm "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" không biết chút gì về binh đao, trận mạc. Nhưng khi

thực dân Pháp đến xâm lược, trước cảnh "*bòng bong che trắng lốp", "ống khói chạy đen sì", "đạn nhỏ đạn to", "tàu thiếc tàu đồng súng nổ",* người nông dân cũng mang những nỗi lo chung.

Ban đầu họ hướng về triều đình "*Tiếng phong hạc phập phồng hơn mươi tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa"*. Họ cháy lòng chờ đợi quân lính chính quy cùng những kế sách của triều đình để chống giặc nhưng càng mong lại càng biệt vô âm tín. Nếp sống ưa an lành, cần cù, chịu thương chịu khó của họ đã bị giặc làm đảo lộn, nên họ đã căm thù bọn chúng và lũ tay sai hết mức. Cái ghét của họ mang đậm tính cách, đặc điểm, bản chất của người nông dân:

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan, ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Triều đình nhà Nguyễn khi ấy yếu hèn không đáp ứng được nguyện vọng thiết tha và chính đáng của họ. Bởi vậy, những con người quanh năm "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời ấy" đã nhận thức được trách nhiệm của mình, đã tự nguyện họp thành đội nghĩa binh, chung sức chung lòng, quyết tâm tiêu diệt giặc:

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Họ đã tham gia đánh giặc với một tinh thần tự giác, họ chiến đấu không những *vì "ngọn rau tấc đất", "bát cơm manh áo ở đời"* mà còn vì *"bát nước vùa hương", vì "một mối xa thư đồ sộ"*. Tinh thần chiến đấu xả thân vì nghĩa được người nghĩa sĩ dùng làm phương châm, mục đích để chiến đấu chống kẻ thù. Thời cuộc và hoàn cảnh sống cụ thể, nỗi tủi nhục mất nước, ý thức về dân tộc và đất nước đã biến những người nông dân hiền lành thành những con người chiến đấu vì đại nghĩa. Họ đã trở thành người nghĩa binh tự nguyện gánh vác việc đánh giặc cứu nước.

Tuy nhiên, họ đã chiến đấu trong điều kiện hoàn cảnh rất thiếu thốn:

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ.

Quân phục họ mang trên mình chỉ là *một manh áo vải,* quân trang cũng hết sức thô sơ chỉ là *một ngọn tầm vông* nhưng với lòng yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc họ cũng đã lập được chiến công:

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chiến công của họ là đốt được nhà dạy đạo và chém rớt được tên quan hai Pháp. Họ quyết không đội trời chung với giặc:

Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn.

Sống làm chi ở lĩnh mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ;

Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh;

Hơn còn mà chịu chữ đầu tây, ở với man di rất khổ.

Có được những chiến tích như vậy là do họ đã chiến đấu vô cùng anh dũng:

Chi nhọc quan quản gióng trống kì trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tầu sắt tàu đồng súng nổ.

Một cuộc chiến đấu không cân sức nhưng vẫn làm nổi bật tư thế của người nghĩa sĩ trên mặt trận: tư thế hiên ngang, chủ động, tung hoành ngang dọc. Mỗi lời văn tế đồng thời biểu hiện khí thế xung trận sục sôi của người nghĩa sĩ. Khi *"đánh","đốt","chém",* khi *"đạp rào lướt tới", lúc "đâm ngang, chém ngược"*... lòng quả cảm, sự nung nấu ý chí quyết tâm chiến đấu, chiến thắng như giục giã, như thôi thúc. Các hành động liên tiếp, quyết liệt của những người nghĩa sĩ được tác giả miêu tả bằng một loạt các động từ mạnh, tạo ấn tượng hùng tráng. Sự đối lập giữa *"ngọn tầm vông", "rơm con cúi", "lưỡi dao phay"* với *"tàu sắt", "tàu đồng", "súng nổ"* nhằm tô đậm khí phách của người nghĩa sĩ. Điều đáng trân trọng nhất ở họ chính là sự đồng tâm, hiệp lực, sức mạnh đoàn kết của những tâm hồn quả cảm, anh hùng.

Cái độc đáo ở Nguyễn Đình Chiểu là nhìn thấy được những con người anh hùng ngay bên cạnh mình, đó không phải là các bậc hào kiệt anh tài mà chỉ

là những người nông dân sống hiền lành, chăm chỉ làm ăn. Hàng ngày, họ vẫn luôn luôn gần gũi với chúng ta. Xuất phát từ cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu - về người anh hùng nông dân, làm cho người đọc nhận ra rằng những anh hùng, những con người cao cả không phải ở đâu xa mà họ luôn ngay cạnh bên mình. Có thể nói, quan niệm tiến bộ về hình ảnh người nông dân làm cách mạng không phải ai cũng có được mà ta thấy rằng Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đi đầu về quan niệm này.

Tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ tạc bằng thơ hình tượng người nghĩa sĩ - nông dân anh hùng, bất khuất mà còn là tiếng khóc thương bi thiết của cả dân tộc trước sự hi sinh vĩ đại, cao cả của họ. Cuộc chiến của những người nghĩa sĩ nông dân thất bại song đó là thất bại kiêu hãnh. Hình ảnh người anh hùng thất thế trong văn tế trở nên đẹp đẽ, hiên ngang, kì vĩ lạ thường "*Danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ"*. Với *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc,* người nông dân lần đầu tiên được đi vào văn học và được tạc một bức tượng đài nghệ thuật bất tử.

Có thể nói, cụ Đồ Chiểu mù đôi mắt mà sáng tấm lòng. Ông đã viết về những người anh hùng xả thân vì nước bằng tất cả nỗi niềm mến thương và cảm phục chân thành. Họ là những con người tiêu biểu của thời đại, mang trong mình một tấm lòng yêu nước thiết tha. Họ còn là những người anh hùng tiêu biểu cho lòng dũng cảm tuyệt vời và đức hi sinh cao cả, xứng đáng là đại diện cho toàn bộ những giá trị của tinh thần dân tộc lúc bấy giờ.

2.2. Trân trọng, ngợi ca những tình cảm tốt đẹp

2.2.1. Nghĩa Vua - tôi

Quan niệm đạo đức về chữ "Trung", về nghĩa vua tôi được chuyển tải khá rõ nét trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Có thể nói, Lục Vân Tiên là nhân vật tiêu biểu cho quan niệm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu, nhân vật lí tưởng ấy cũng mang đầy đủ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp mà nhà thơ mơ ước. Trước hết có thể khẳng định Lục Vân Tiên là người sống trung thành với đất nước, trung với vua.

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên,* sau khi được thuốc tiên sáng mắt và thi đỗ trạng nguyên Lục Vân Tiên nhận lệnh vua đi đánh giặc Ô Qua, hành động này

chính là một biểu hiện của chữ Trung. Chính tài năng của Vân Tiên đã giúp chàng lập được công lớn với triều đình, với nhân dân, đất nước:

Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.
Một mình lướt trận xông vô,
Thấy người Cốt Đột biến hô yêu tà.

Một vị trạng nguyên cầm quân đi đánh giặc bảo vệ non sông xã tắc rõ ràng theo đạo đức phong kiến đây là một hành động trung quân mẫu mực. Đây là một hành động hoàn toàn trung quân, ái quốc. Bởi Lục Vân Tiên cầm quân đi đánh giặc với tâm lí hoàn toàn tự nguyện, xông pha chiến trường quyết chiến đấu với kẻ thù vì triều đình và hơn cả là vì nhân dân chứ không giống như tâm lí của chàng Trương Sinh trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ đi tòng quân mà chỉ cầu ngày trở về mang theo hai chữ bình yên. Cho nên, Vân Tiên mang trong mình đầy đủ những phẩm chất mà Nho giáo mong muốn con người hướng tới, trong đó có phẩm chất hàng đầu là chữ Trung.

Nhân vật Kiều Nguyệt Nga cũng vậy: Kiều Nguyệt Nga đã thề trọn nghĩa cùng Vân Tiên suốt đời, nhưng ngờ đâu vì từ chối cùng gia đình quan thái sư *"Kết đàng sui gia"* mà Nguyệt Nga phải đi cống giặc Ô Qua. Nàng không thể từ chối vì đó là lệnh của vua ban xuống, là trách nhiệm không thể thoái thác.

Hay như hành động Hớn Minh cùng Vân Tiên đi dẹp giặc Ô Qua cũng chính là một biểu hiện của tư tưởng trung quân ái quốc, của nghĩa vua tôi. Dù trước đó, sau khi trừng trị xong tên con quan huyện ỷ thế làm càn Hớn Minh đã phải mai danh ẩn tích ở chùa. Nhưng trước tình thế loạn lạc của đất nước, sau khi được Vân Tiên xin vua xá tội, Hớn Minh vì trách nhiệm của một công dân khi đất nước cần đã không ngần ngại bằng tài năng và phẩm chất của mình xông trận giết giặc:

Hớn Minh chùy giáng đương lôi,
Hai chàng đều bị một hồi mạng vong

Nghĩa vua tôi còn được nói đến trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, đặc biệt là qua hành động Nhân Sư tự xông mù đôi mắt để không phải hợp tác với kẻ thù, không phải làm tôi kẻ thù, hành động đó chính là biểu hiện của tinh thần "trung quân, ái quốc".

Cả Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Nhân Sư đều là những tấm gương thực hành đạo nghĩa vua tôi. Nhất là khi đất nước có ngoại xâm, khi tổ quốc lâm nguy thì họ sẵn sàng gạt sang một bên những tư lợi cá nhân để xông trận đánh giặc, sẵn sàng làm vật thế thân khi tổ quốc cần, sẵn sàng tự xông mù đôi mắt để thể hiện thái độ bất hợp tác với giặc và đó cũng chính là tư tưởng *"trung quân ái quốc"* lúc bấy giờ - yêu nước là yêu vua, yêu vua cũng có nghĩa là yêu nước. Tuy nhiên, quan niệm này có những biến đổi nhất định trong hoàn cảnh lịch sử Pháp chính thức xâm lược nước ta, vua quan triều đình chủ trương hòa hoãn. Vào thời điểm ấy, đôi khi "ái quốc" thì không giữ được "trung quân": các nhân vật lịch sử như Trương Định, Phan Tòng vẫn tôn thờ nghĩa vua - tôi dù hành xử phi truyền thống. Điều này thể hiện rõ qua 12 bài điếu tế Trương Định, 10 bài điếu tế Phan Tòng.

2.2.2. Đạo vợ chồng

Trong những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, có thể khẳng định rằng truyện thơ *Lục Vân Tiên* là một tác phẩm tiêu biểu đề cập đến đạo vợ chồng vừa theo quan điểm Nho giáo, vừa theo quan điểm của nhân dân. Điều này được thể hiện đậm nét qua cặp nhân vật Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga.

Trước hết, với nhân vật Lục Vân Tiên. Sau khi trải qua bao khó khăn, hoạn nạn, cuối cùng được thuốc tiên chữa cho sáng mắt, lúc trở về biết Kiều Nguyệt Nga đã giúp đỡ Lục ông trong những ngày tháng khó khăn, biết Nguyệt Nga đã vì mình mà trọn nghĩa, trọn tình. Hiểu sâu sắc được điều đó, nên khi gặp lại Kiều Nguyệt Nga, chàng đã không ngần ngại mà quỳ xuống lạy Nguyệt Nga như sự cảm tạ với một ân nhân đối với cả gia đình:

Thưa rằng: may gặp nàng đây,
Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn.
Để lời thệ hải minh sơn,
Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.

Lục Vân Tiên đã không cần giữ lễ của một vị nguyên soái đã đỗ trạng nguyên mà quỳ xuống lạy một nữ nhi. Đó là điều xưa nay chưa từng thấy nhất là dưới thời phong kiến. Nhưng tại sao Vân Tiên lại hành động như vậy? Có lẽ Nguyễn Đình Chiểu không hoài công để nhân vật của mình phải giữ đúng lễ

giáo một cách cứng nhắc chỉ với mục đích tuyên truyền cho quan niệm khắc kỉ của Nho giáo mà đó là cách hành xử hợp đạo lý con người, phù hợp với quan điểm đạo đức của nhân dân.

Đặc biệt, ta còn thấy những biểu hiện của đạo vợ chồng được thể hiện rất rõ qua nhân vật Kiều Nguyệt Nga. Nguyệt Nga sau khi được Vân Tiên cứu thoát khỏi bọn cướp Phong Lai, vì lòng biết ơn sâu nặng nàng đã tặng trâm nhưng Lục Vân Tiên không nhận, nàng làm thơ để thể hiện tình cảm của mình. Cho dù đã có hôn ước theo sự sắp đặt của cha mẹ nhưng vì ơn cứu mạng mà nàng nguyện suốt đời chung thủy với Lục Vân Tiên:

Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.
.....
Nguyện cùng Nguyệt lão hỡi ông!
Trăm năm cho vẹn chữ tùng mới an.

Nếu Nguyễn Đình Chiểu để Lục Vân Tiên có thái độ phân minh của một người làm điều nghĩa "Làm ơn há dễ trông người trả ơn" thì ông cũng muốn để cho Kiều Nguyệt Nga có thái độ phân minh của một người chịu ơn. Nếu Lục Vân Tiên đã lấy cả mạng sống của mình ra thử thách trước hoàn cảnh hiểm nguy để cứu Kiều Nguyệt Nga thì Kiều Nguyệt Nga cũng nguyện xin đem cả cuộc đời mình trao cho chàng để đền đáp ân tình đó. Rõ ràng ở đây, Kiều Nguyệt Nga đã coi Vân Tiên như người chồng để suốt đời mình trọn nghĩa:

Thân con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi

Không chỉ vậy, Nguyệt Nga còn làm trọn đạo hiếu của một người con dâu với bố chồng. Nàng đã cứu giúp Lục ông, chăm sóc Lục ông thay cho Vân Tiên:

Ông rằng: có nàng Nguyệt Nga,
Bạc tiền đem giúp cửa nhà mới xuê
Nhờ nàng nên mới ra bề,
Chẳng thì khó đói bỏ quê đi rồi.

Kiều Nguyệt Nga đã trọn nghĩa với Vân Tiên suốt đời nhưng ngờ đâu do không đồng ý "kết tình sui gia" cùng gia đình Thái sư mà Nguyệt Nga phải đi

cống giặc. Trước khi đi cống giặc, nàng đã xin vua cho được sang lạy Lục ông, đem tiền bạc chăm sóc Lục ông và làm chay bảy bữa để giã biệt Vân Tiên. Hành động này một lần nữa khắc sâu đạo nghĩa vợ chồng giữa Nguyệt Nga và Vân Tiên. Nàng vẫn luôn tâm niệm *"nguyện cùng bức tượng trót đà chung thân"*. Tình huống này đặt Nguyệt Nga trước những sự lựa chọn giữa chữ Trung, chữ Hiếu và chữ Tình. Chữ Trung thì nàng không thể nào làm khác, vì đó là lệnh vua ban xuống nàng không thể thoái thác. Nghĩ đến chữ Hiếu nàng thấy mình chưa trọn đạo làm con, chưa trọn chữ Hiếu. Nhưng bên cạnh nỗi lo lắng ấy, nàng nghĩ đến mối tình dang dở với Lục Vân Tiên mà xiết bao đau đớn. Nàng băn khoăn vì giờ đây phải phụ nghĩa với ân nhân mà nàng đã thề cả đời chung thủy:

Tình phu phụ, nghĩa quân thần,
Tình xa cũng trọn, ơn gần cũng nên.
Nghĩa tình nặng cả hai bên,
Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.
Sao sao một thác thời xong,
Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự phu.

Bởi từ trước đến giờ, nàng coi Vân Tiên như là người chồng mà mình suốt đời trọn nghĩa, nàng trọn nghĩa với cả gia đình nhà chồng khi đối xử với Lục ông như chính người cha của mình. Khi người mẹ của Vân Tiên qua đời, nàng lại tưởng rằng Vân Tiên đã *"nhuốm bệnh giữa đường bỏ thây",* Nguyệt Nga trước khi theo lệnh vua đi cống giặc Ô Qua đã làm trọn đạo hiếu của một người con dâu với Lục ông:

Chẳng chi cũng gọi là dâu,
Muốn lo việc nước phải âu đạo nhà.
Một ngày một bước một xa,
Của này để lại cho cha dưỡng già.

Cách ứng xử của Nguyệt Nga đã chứng tỏ nàng là một hình mẫu lí tưởng cho người con hiếu thảo, ân nghĩa đồng thời là một người vợ chung thủy, trọn nghĩa với chồng. Mặc dù, mở đầu truyện *Lục Vân Tiên* tác giả viết *"Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình"* nhưng qua hình tượng Kiều Nguyệt Nga, hình

ảnh một người con có hiếu, một người vợ chung thủy, người phụ nữ Việt đảm đang, một con người tri ân sâu sắc được đậm tô. Điều đáng nói ở đây là Nguyệt Nga là người biết giữ gìn những truyền thống đạo đức của dân tộc, đặc biệt là lòng biết ơn với những người tốt, những người đã giúp đỡ mình. Qua nhân vật Nguyệt Nga, truyền thống tri ân của dân tộc được kế thừa và phát triển.

Hay như ta còn bắt gặp đạo nghĩa vợ chồng trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Nhân vật Tiều có tên là Mộng Thê Triền: 40 tuổi ở núi đốn củi, lấy vợ 5 lần thì 4 người chết, chỉ còn người thứ 5 lại đau yếu luôn. Ngư có tên là Bào Tử Phược: 30 tuổi làm nghề câu cá, sinh 10 người con thì chết 8. Như vậy, trước hoàn cảnh gia đình vợ ốm, con đau mà cả hai người đã không quản ngại khó khăn quyết đi tìm Nhân Sư - thầy dạy đạo nhân để học thuốc trước hết là để chữa bệnh cho vợ con, để gia đình yên ổn, mọi người khỏe mạnh - đó cũng là cái lẽ thường của đạo nghĩa vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, đạo nghĩa vợ chồng được thể hiện trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vừa theo quan điểm Nho giáo, vừa theo quan điểm nhân dân. Điểm sáng của nó chính là lòng chung thủy, sự biết ơn với những người đã giúp đỡ mình, là sự tự nguyện làm tròn bổn phận của đạo nghĩa vợ chồng. Qua đây, ta thấy truyền thống thủy chung và tri ân của dân tộc ngày càng được kế thừa và phát huy.

2.2.3. Tình cha con

Tình cảm cha con cũng được đề cập nhiều trong tác phẩm truyện *Lục Vân Tiên*. Đọc toàn bộ tác phẩm ta nhận thấy có những tình cảm cha con vô cùng cao đẹp được ca ngợi trong tác phẩm.

Trước hết là tình cảm cha con giữa Lục ông và Lục Vân Tiên. Mối quan hệ giữa Lục ông - Lục Vân Tiên là một mối quan hệ "phụ - tử" tiêu biểu của tác phẩm. Quan hệ này nhìn chung vẫn mang mô phạm của hình ảnh người cha hiền từ và người con hiếu nghĩa.

Biểu hiện trước hết của tình cảm cha con giữa Lục ông và Vân Tiên đó là tình cha con rất chân thành. Qua những lần xuất hiện trong tác phẩm (bốn lần), nhân vật Lục ông hiện lên là một người cha hiểu biết, chính trực và sống có

nghĩa tình, đạo lý. Mặc dù chỉ xuất thân từ tầng lớp bình dân nhưng Lục ông vẫn hiểu trách nhiệm to lớn của một đấng nam nhi cần phải thực hiện. Bởi vậy, Lục ông luôn tạo mọi điều kiện để Lục Vân Tiên theo học người thầy tài giỏi và đặt niềm hi vọng con trai mình có thể học giỏi thành tài, vinh quang đỗ đạt để thực hiện lí tưởng giúp nước, giúp dân:

Mừng rằng: Nay thấy con ta
Cha già những tưởng, mẹ già những trông
Bấy lâu đèn sách gia công
Con đà nên chữ tang bồng cùng chăng

Lục ông là người hết mực thương con. So với hình mẫu người cha trung đại trước đó thì quan hệ cha con giữa Lục ông và Vân Tiên đã gần gũi, thân thiết, hợp với lý tưởng của nhân dân hơn rất nhiều nhất là khi Vân Tiên gặp nạn thì tình cảm ấy càng trở nên sâu sắc:

Kiều Công hỏi chuyện Vân Tiên
Lục ông nhớ đến bỗng liền khóc than
Thưa rằng nghe tiếng đồn vang
Con tôi nhuốm bệnh giữa đàng bỏ thây

Lục ông cũng còn là người cha có tư tưởng rất tiến bộ. Điều đó được thể hiện rõ trong cách ứng xử trước chuyện Kiều Nguyệt Nga muốn trả ơn Vân Tiên và gia đình ông. Ông có suy nghĩ rất linh hoạt khi chấp nhận tấm lòng của người con gái ấy đối với con trai của mình mặc dù trước đó Vân Tiên đã có hôn ước với gia đình Võ Công. Hôn ước là một chuyện quan trọng trong nề nếp lễ giáo phong kiến, nhất là đối với các bậc cha mẹ vì nó thể hiện sự trọng tình và trọng chữ tín. Lục ông và Võ Công đã đính ước từ lâu cho việc chung thân đại sự của Lục Vân Tiên và Võ Thể Loan. Trong hoàn cảnh vẫn chưa biết sự thật về lòng tráo trở độc ác của cha con Võ Công mà Lục Ông đã chấp nhận Kiều Nguyệt Nga thì cũng đồng nghĩa với việc thất tín, bội ước. Nhưng điều này chỉ có thể lý giải bởi cách suy nghĩ và đối nhân xử thế linh hoạt, hiểu biết và thấu tình đạt lý của Lục ông khi nhận thấy rõ tình cảm sâu nặng của một người mang ơn, ở đây là Kiều Nguyệt Nga. Sự chấp nhận của Lục ông là bước tiến bộ

rõ rệt trong tư tưởng một người cha phong kiến luôn nặng tình yêu thương với con cái và linh hoạt trong cách ứng xử của mình.

Lục ông còn là người cha có nhân cách. Với cương vị là một người cha có con trai đã ra tay đánh cướp cứu người giữa đường gặp nạn, bây giờ người được cứu đó đến để mong đền trả ơn. Nhưng Lục ông không vì thấy lợi vật chất mà chấp nhận bạc vàng của Kiều Công, mặc dù Lục ông hoàn toàn có tư cách để nhận lấy sự đền ơn từ Kiều Công, nhận lấy bạc vàng thay ân tình. Trái lại, Lục ông đã từ chối của cải vật chất. Ông ghi nhận tấm lòng của Kiều Nguyệt Nga qua bức vẽ Vân Tiên và trân trọng thứ tình cảm cao đẹp mà người con gái đó đã giành cho con trai mình - điều còn quý giá hơn mọi thứ bạc vàng:

Lục ông cáo tạ xin lui
Tôi đâu dám chịu của người làm chi
Ngỡ là con trẻ mất đi
Hay đâu cốt cách còn ghi tượng này
Bây giờ con lại thấy đây
Tấm lòng thương nhớ dễ khuây đặng nào

Cách ứng xử biết trước biết sau và vô cùng thẳng thắn của Lục ông thể hiện rõ tư tưởng con người Nam Bộ thông qua nhân vật này "dứt khoát rõ ràng như rựa chém đất". Đối với ông, tình cảm sâu nặng thì không có gì bù đắp và thay thế được:

Thương con phận bạc lắm thay
Nguyền xưa còn đó, con rày đi đâu

Bên cạnh tình cảm thương yêu của cha giành cho con, còn là tình cảm kính trọng, hiếu thảo của con đối với cha. Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của tác phẩm và là người có phẩm chất cao đẹp.

Trước hết, Vân Tiên là một người con có hiếu. Trong tác phẩm, chữ "hiếu" của Vân Tiên thể hiện trước hết ở việc xác định được lý tưởng nam nhi cao cả, to lớn. Và để thực hiện được lý tưởng đó không còn con đường nào khác là học hành, thi cử, đỗ đạt làm quan, lập công danh, đem tài năng của mình ra để giúp đời:

Làm trai ơn nước nợ nhà

Thảo cha ngay chúa mới là tài danh

Vân Tiên là một đấng nam nhi anh tài. Việc ghi danh khoa cử, phấn đấu sự nghiệp, vinh quy đỗ đạt và luôn lấy chí lớn làm đầu trước hết là trung với vua, đem công sức của mình đền ơn đất nước, sau chính là hiếu thảo với cha mẹ, làm rạng danh gia tộc:

Vân Tiên quỳ lạy thưa rằng:

Chẳng hơn người cổ cũng bằng người kim

Dám xin cha mẹ an tâm

Đặng con trả nợ thanh khâm cho rồi

Lục Vân Tiên còn là người con luôn biết vâng lời cha mẹ, chàng nghe theo và chấp nhận hôn ước với Võ Thể Loan, làm tròn chữ hiếu đúng với đạo làm con. Tuy lòng hiếu thảo của Lục Vân Tiên đối với người cha được thể hiện không qua quá nhiều chi tiết hay lời nói nhưng mối quan hệ cha con này lại được khắc họa rõ nét thông qua lý tưởng thời đại giữa hai người nam nhi, thể hiện qua khát vọng cống hiến cho đời.

Qua đây, có thể thấy với cảm hứng đạo đức mãnh liệt, thông qua mối quan hệ cha con, nhân vật Lục Vân Tiên đã được khắc họa với những nét rất riêng so với các nhân vật nam nhi khác trong thơ văn trung đại. Nếu Kim Trọng thì quá nặng tình, Thúc Sinh thì quá nhu nhược, Từ Hải thì "hữu dũng vô mưu" thì có lẽ Lục Vân Tiên là sự hội tụ đủ mọi vẻ đẹp chân - thiện - mỹ, là hình tượng của con người lý tưởng trong ước mơ của Nguyễn Đình Chiểu.

Như vậy, mối quan hệ cha con Lục ông - Lục Vân Tiên là mối quan hệ mang đặc trưng và mẫu mực của Nho giáo, mối quan hệ này nằm trong vòng ảnh hưởng rõ nét nhất của đạo lý phong kiến Nho gia, đó là hình mẫu tiêu biểu của thời đại "phụ từ - tử hiếu" (cha hiền lành, con hiếu nghĩa).

Mối quan hệ cha con của Lục ông - Lục Vân Tiên hoàn toàn phù hợp với quan niệm đạo lý của dân tộc. Vì là quan hệ giữa người cha và người con trai nên mối quan hệ này ít đi một phần tình và nhiều hơn một phần lý. Bên cạnh việc đề cao vị trí của người cha trong gia đình, người cha là tấm gương đạo đức cho con cái noi theo thì Nguyễn Đình Chiểu cũng khắc họa rất thành công hình

ảnh người con của đạo lý, hiếu nghĩa. Mô hình nhân vật người cha thời bấy giờ đều có phương châm sống còn chịu nhiều tác động của nguyên tắc đạo lý truyền thống, đó là quan niệm muốn con cái tuyệt đối nghe và vâng lời mình. Xã hội đương thời với tư tưởng "trọng nam khinh nữ" đã đẩy hình ảnh của các bậc trượng phu lên tầm cao lớn và vĩ đại, nhất là hình ảnh của các bậc làm cha và vị trí quan trọng không thể thay đổi của họ trong gia đình. Nhưng nhân vật Lục ông ở đây đã có nhiều khác biệt. Ông có cái nhìn từ ái hơn với con rất nhiều so với cách nhìn nhận của nhiều người cha phong kiến. Mối quan hệ cha con của Lục ông - Lục Vân Tiên bề ngoài vẫn mang bóng dáng của một mối quan hệ cha con Nho giáo nhưng bên trong đã có sự đổi thay tích cực, trở thành mối quan hệ cha con đậm chất đạo lý dân tộc trong dòng văn học Việt Nam trung đại.

Ngoài tình cha con giữa Lục ông và Lục Vân Tiên, còn phải kể tới tình cảm cha con giữa Kiều Công và Kiều Nguyệt Nga. Mối quan hệ cha con Kiều Công - Kiều Nguyệt Nga là mối quan hệ không mang nặng ảnh hưởng của chữ "hiếu" Nho giáo, là mối quan hệ thấm đẫm tinh thần đạo lý, yêu thương tình nghĩa.

Với triều đình Kiều Công là một vị quan thanh liêm, trung thành tận tụy với triều đình. Với gia đình ông luôn là tấm gương tốt, biết tôn trọng và thương yêu con cái hết mực. Ông là điển hình cho bậc trượng phu có khí phách, có cái nhìn sâu rộng trước thời cuộc, có cách đối nhân xử thế khiến người nhìn vào đều nể phục.

Sau khi biết việc con gái - Nguyệt Nga gặp bất trắc và may mắn được Vân Tiên cứu giúp, Kiều Công ngay lập tức quyết trả ơn cho người đã cứu con gái mình khỏi vòng nguy khốn:

Sao sao chẳng kíp thì chầy
Cha nguyền trả đặng ơn này thì thôi

Cũng giống như Lục ông, Kiều Công còn là người cha có tư tưởng tiến bộ. Điều đó được thể hiện ở sự rộng lượng trong suy nghĩ và hành động. Kiều Công không dùng quyền người cha mà ép buộc hôn sự đã định cho con gái. Trong tình cảnh Kiều Nguyệt Nga gặp hiểm nguy, Lục Vân Tiên đã vì nghĩa quên thân ra tay cứu giúp. Bởi vậy, Nguyệt Nga đã đem cả tấm lòng mình trao cho người làm ơn. Trước sự việc đó, Kiều Công tỏ ra rất thấu hiểu và thông

cảm trước sự lựa chọn của con gái. Bởi ông xác định, đây là một ơn lớn không chỉ đối với Kiều Nguyệt Nga mà còn đối với cả gia đình ông.

Trên thực tế, Kiều Công với tư cách là một người cha đứng ra thay con trả ân tình là điều hoàn toàn hợp lý, phù hợp với đạo đức truyền thống. Kiều Công yêu thương con, thấu hiểu sâu sắc tình cảm của con và chấp nhận tình cảm ấy cốt mong con được hạnh phúc. Mọi hành động và suy nghĩ của ông là sự hiện thân của việc đề cao hạnh phúc cá nhân con người, vì hạnh phúc của con chứ không phải thứ bạc tiền danh vị nào khác. Hiểu được sự nóng lòng muốn đền ơn mà không ngại "lao đao" của người con gái còn trẻ người non dạ, Kiều Công đã kịp thời khuyên ngăn, một là vì thương con đường xa gặp phải bất trắc, hai là muốn bản thân là người đứng ra trả ơn, vừa thể hiện tấm lòng chân thành vừa phù hợp với lễ nghi Nho giáo:

Kiều Công nghe nói liền can
Dạy rằng: Con hãy nghỉ an mình vàng
Khi nào cha rảnh việc quan
Cho quân qua đó mời chàng sang đây

Kiều Công quả là con người tinh tường và linh hoạt trong mọi việc, cách ứng xử của ông thể hiện sự hiểu biết sâu sắc. Mọi việc làm của ông đều hướng tới điều thiện và lẽ phải, không câu nệ và dám vượt qua các lễ nghi cứng nhắc của đạo Nho. Kiều Công dùng những lời lẽ hết sức chân tình để khuyên con gái, lấy chữ "hiếu" để giảng giải một cách rất nhẹ nhàng, không hề mang chút nặng nề hay áp đặt đối với tâm trạng Nguyệt Nga lúc bấy giờ. Kiều Công muốn con gái *"Làm khuây dạ trẻ cho vui lòng già"* như một cử chỉ thể hiện sự thương yêu, ôn tồn nơi người cha... Khi biết việc Nguyệt Nga muốn thủ tiết trọn đời vì Vân Tiên, Kiều Công đã có thái độ không đồng ý:

Kiều Công trong dạ chẳng vui
Con đành giữ tiết trọn đời hay sao

Tuy vậy khi Thái sư hỏi cưới Nguyệt Nga cho con mình, tỏ ý muốn "kết đàng sui gia" thì Kiều Công đã từ chối tương đối thẳng thắn:

Kiều Công khôn ép Nguyệt Nga
Lễ nghi đưa lại về nhà Thái Sư

Kiều Công có cách ứng xử rõ ràng, minh bạch. Theo quan niệm của người xưa, gia đình của Kiều Công và Thái Sư cũng được coi là "môn đăng hộ đối", nếu con trẻ kết thành nhân duyên sẽ rất có lợi cho con đường làm quan của Kiều Công và Kiều Nguyệt Nga cũng được sống trong giàu sang phú quý. Nhưng Kiều Công đã không làm điều đó. Bởi ông có quan điểm rõ ràng và tiến bộ: tình cảm và đạo đức mới là điều đáng trân trọng còn quyền thế hay bạc tiền chỉ là vật ngoài thân, mục đích chỉ muốn Kiều Nguyệt Nga thanh thản tấm lòng và sống hạnh phúc. Trong hoàn cảnh ấy, Kiều Công tuy còn có phần trách cứ khi con muốn thủ tiết với Vân Tiên nhưng không dùng quyền uy của một người cha mà áp đặt con cái, suy nghĩ cho cùng vẫn là vì hạnh phúc con cái mà không nỡ lòng ép buộc. Đây là một hình mẫu người cha thời đại mới mà thời trung đại bấy giờ khó có được.

Tình cảm của Kiều Công còn được khắc họa rõ nét khi ông được lên chức Thái Khanh và lập tức đi tìm Vân Tiên để trả ơn. Điều này cho thấy sự trọng nghĩa khí trong cách đối nhân xử thế của ông. Dù không thể báo đáp trực tiếp ân tình với Vân Tiên, Kiều Công muốn dùng vật chất thay cho tấm lòng để bày tỏ với Lục ông. Vật chất không so bằng ân tình nhưng thể hiện thành ý của một người trượng phu có đạo đức và một người cha đáng kính:

Công rằng: Ơn trước ngãi xưa
Liền đem vàng bạc tạ đưa cho người

Nếu với Lục ông, Vân Tiên luôn là một người con hiếu nghĩa thì lòng hiếu nghĩa của Nguyệt Nga với Kiều Công cũng vậy. Kiều Nguyệt Nga là người con biết vâng lời. Dù chưa biết mặt người mà mình muốn lấy làm chồng nhưng theo ý cha nàng vẫn chấp nhận mối hôn sự này. Đó là sự kính trọng và thương yêu đối với người cha của mình. Hành động của Nguyệt Nga hiển nhiên cũng là phù hợp với đạo lý dân tộc:

Quê nhà ở quận Tây Xuyên
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê
Sai quân đem bức thư về
Rước tôi qua đó định bề nghi gia
Làm con đâu dám cãi cha
Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành

Kiều Nguyệt Nga tuy nghe lời nhưng luôn tỉnh táo trong mọi chuyện. Nàng sống vì nhu cầu hạnh phúc cho bản thân. Cách cư xử của Kiều Nguyệt Nga đều có lý lẽ và những lý lẽ ấy đều phù hợp với các quan niệm truyền thống của dân tộc. Nguyễn Đình Chiểu đã đặt Kiều Nguyệt Nga vào hoàn cảnh khá trớ trêu và nguy hiểm. Gặp bọn cướp Phong Lai, nàng đứng trước nguy cơ thất tiết không thể tránh khỏi. Đối với người con gái thời xưa, trinh tiết là chuyện vô cùng quan trọng, chết đói có thể là chuyện nhỏ nhưng thất tiết lại là chuyện lớn còn hơn cả tính mạng con người. Do vậy, hành động trượng nghĩa của Vân Tiên có ý nghĩa vô cùng lớn đối với Nguyệt Nga:

Lâm nguy chẳng kịp giải nguy
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi
.....
Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng

Như vậy có thể thấy, cuộc gặp gỡ trong lúc hoạn nạn của Vân Tiên và Nguyệt Nga là sự tri ân sâu sắc giữa người "làm ơn há dễ trông người trả ơn" và người mang ơn sâu nặng. Sự nảy sinh tình cảm ngưỡng mộ của Kiều Nguyệt Nga trước ân nhân của mình cũng là điều dễ hiểu. Chính vì thế, Nguyệt Nga giãi bày tấm lòng với cha, tin tưởng cha và thuyết phục cha bằng tình nghĩa, đạo lý con người để Kiều Công hiểu và chấp nhận việc mình muốn trọn chữ "tiết" cho Vân Tiên:

Lao đao phận trẻ chi sờn
No nao trả đặng công ơn cho chàng

Kiều Nguyệt Nga không chỉ là người con gái trọng tình trọng nghĩa mà còn vô cùng có hiếu. Lý giải ở phương diện đạo đức là điều đúng đắn bởi con người trung đại luôn sống và làm tròn bổn phận của mình. Nhưng xuất phát từ tấm lòng, ta có thể ca ngợi Kiều Nguyệt Nga bởi nhiều đức tính tốt, sống trọn tình với Vân Tiên, Nguyệt Nga còn kính trọng và trọn hiếu với cha mình hơn thế. Khi bị buộc làm cống phẩm cho giặc Ô Qua, Nguyệt Nga xác định việc "trung" đã trọn nhưng việc "hiếu" việc tình còn chưa xong. Trong thâm tâm mình, Nguyệt Nga không nguôi lo lắng cho người cha lúc tuổi cao mà mình lại không phụng dưỡng được cha lúc tuổi già:

Thương cha tuổi tác đã cao
E khi ấm lạnh buổi nào biết đâu
Tuổi già bóng xế nhành dâu
Sớm xem tối xét, ai hầu cho cha

Mối quan hệ cha con thân thiết, yêu thương giữa Kiều Công và Kiều Nguyệt Nga tiêu biểu cho nhiều nét đẹp truyền thống được con người ngợi ca và phát huy. Kế thừa một cách sáng tạo quan niệm về "tam cương, ngũ thường" của Nho giáo, Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình ảnh các nhân vật không còn theo hướng một chiều cứng nhắc mà thấm đẫm tình nghĩa. Quan hệ, tình cảm cha con lúc này có sự gần gũi hơn rất nhiều. Nếu lúc trước Kiều Công dùng đạo lý để giảng giải cho Nguyệt Nga là nhiều thì lúc này, đứng trước cảnh con gái phải tiến cống nơi xa xôi, cha con nghìn trùng xa cách, Kiều Công thể hiện rõ sự đau xót, bịn rịn một cách chân thật:

Công rằng: Dạ đã xót xa
Con đừng dùn thẳng cho cha thảm sầu

Rõ ràng, tư tưởng đề cao tuyệt đối quyền của người cha trong đạo Nho đã không còn có chỗ đứng trong mối quan hệ này. Nguyễn Đình Chiểu không dùng quan điểm "quyền huynh thế phụ" để "phán xét" cuộc đời các nhân vật của mình. Đây cũng là một nét rất mới, đột phá ra khỏi khuôn khổ Nho giáo trước đó. Ta có thể thấy điều này rất rõ, các nhân vật người con đều có chính kiến và cách nhìn nhận riêng về cuộc đời mình chứ không hề có ý nghĩ cam chịu số phận.

Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa một cách chọn lọc những đạo lý truyền thống của dân tộc và cũng đã bước đầu thể hiện những tư tưởng tiến bộ so với thời đại. Tình cha con giữa Lục ông - Lục Vân Tiên, giữa Kiều Công - Kiều Nguyệt Nga không chỉ đơn thuần là tình cha con theo đạo đức phong kiến, theo tư tưởng Nho giáo chính thống mà đã trở nên gần gũi, thân thiết, thấm đẫm tinh thần đạo lý, yêu thương tình nghĩa theo quan điểm và tư tưởng của nhân dân. Đây là các nhân vật hiện thân cho những con người miền Nam tốt bụng chân chất, luôn sống nghĩa tình và tôn trọng đạo lý truyền thống ngàn đời của dân tộc.

2.2.4. Tình chủ tớ

Như trên đã nói, truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình chiểu là một tác phẩm ăm ắp tình người. Bên cạnh nghĩa vua tôi, đạo vợ chồng, tình cha con thì tình chủ tớ cũng là một tình cảm rất đáng được trân trọng. Khi Lục Vân Tiên nghe tin mẹ mất rồi bị nhuốm bệnh mà bị mù cả hai mắt, Tiểu đồng không hề bỏ rơi chàng trong cơn hoạn nạn. Tiểu đồng đã cùng Vân Tiên đi khắp nơi để tìm thầy thuốc, thầy bói đến thầy số mong có thể chữa cho đôi mắt của Vân Tiên. Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, Tiểu đồng vẫn luôn giúp đỡ Vân Tiên *"Tôi đi khuyên giáo đỡ ngày gạo rau"*.

Dù có trải qua bao khó khăn:

Xiết bao ăn tuyết nằm sương
Màn trời chiếu đất dặm trường lao đao

Ngay cả lúc bị Trịnh Hâm gạt vào rừng kiếm thuốc, bị trói vào gốc cây cho hùm cọp ăn. Lúc bấy giờ, Tiểu đồng không hề nghĩ đến sự an nguy của bản thân mà ngược lại chỉ lo lắng cho Vân Tiên:

Tiểu đồng bị trói khôn về,
Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang.
Phận mình đã mắc tai nàn,
Cám thương họ Lục suối vàng bơ vơ.
Xiết bao những nỗi dật dờ,
Đò giang nào biết bụi bờ nào hay.
Vân Tiên hồn có linh dày,
Đem tôi theo với đỡ tay chơn cùng!

Cho đến khi tưởng Vân Tiên đã chết, Tiểu đồng than khóc và hành động cho trọn tình chủ tớ:

Tiểu đồng nằm giữa rừng hoang,
Che chòi giữ mả lòng toan trọn bề.
Một mình ở đất Đại Đề,
Sớm đi khuyên giáo, tối về quải đơm.
Dốc lòng trả nợ áo cơm,
Sống mà trọn nghĩa thác thơm danh hiền.

Không chỉ có Tiểu đồng sống trọn nghĩa với Vân Tiên, mà ngược lại Vân Tiên cũng vậy. Chàng đối xử với Tiểu đồng bằng cả lòng yêu thương và kính trọng một con người biết hi sinh và làm theo lẽ phải. Tưởng Tiểu đồng đã chết, chàng xót thương vô cùng và sai quân lính bày tiệc tế lễ, Vân Tiên nhìn bài vị mà khóc ròng ròng. Nhưng may thay, Tiểu đồng còn sống, chủ tớ gặp lại nhau vui mừng khôn xiết:

Trạng nguyên khi ấy mừng vui
Tớ thầy sum hiệp tại nơi Đại Đề
Đoạn thôi xe trở ra về...

Chàng xót thương cho một người đã vì mình mà trọn nghĩa. Lục Vân Tiên đối đãi với Tiểu đồng không phải trên phương diện của chủ nhân với người tôi tớ, không giống như người quân tử với kẻ tiểu nhân. Vân Tiên đối với Tiểu đồng trên cơ sở tình người, tình đồng loại thiêng liêng. Ở đây không có thứ tự người trên, kẻ dưới, chỉ có những con người sống hết lòng vì người khác.

Tình chủ tớ giữa Nguyệt Nga và Kim Liên cũng vô cùng đẹp. Họ đối xử với nhau như tình chị em:

Thôi thôi em hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.

Đặc biệt, khi Nguyệt Nga nhận lời đi cống giặc, trước sự lựa chọn giữa chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Trinh, Nguyệt Nga đã quyết định trầm mình xuống sông tự vẫn để giữ trọn đạo nghĩa vợ chồng với Vân Tiên. Thấy vậy, Kim Liên vô cùng đau xót và nàng đã nguyện thế thân cho Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua cho yên bề mọi chuyện. Kim Liên đã không màng đến cả tính mạng của mình để thế thân thay cho Nguyệt Nga, đó chính là một sự hi sinh cao đẹp, một biểu hiện của tình chủ tớ rất đáng trân trọng.

Như vậy, so với nghĩa vua tôi, tình cha con, đạo vợ chồng thì tình chủ tớ thoạt nhìn tưởng chừng như một mối quan hệ lỏng lẻo, không mấy quan trọng. Nhưng thông qua cách hành xử giữa Vân Tiên và Tiểu đồng, giữa Nguyệt Nga và Kim Liên, người đọc vẫn thấy sáng lên một đạo lý làm người. Họ đối xử với nhau không đơn thuần trên phương diện chủ nhân với người tôi tớ, mà họ đối xử với nhau trên cơ sở tình người, tình đồng loại thiêng liêng. Đó mãi luôn là những bài học về văn hóa ứng xử của con người chúng ta với đồng loại.

***Tiểu kết chương 2:**

Như vậy có thể thấy rằng, cảm hứng đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện trên hai phương diện cơ bản, đó là: khẳng định, đề cao giá trị đạo lý của dân tộc và trân trọng, ngợi ca những tình cảm tốt đẹp. Trong đó, ở phương diện thứ nhất, tác giả Nguyễn Đình Chiểu tập trung vào việc khẳng định, đề cao bốn giá trị đạo lý lớn của dân tộc, đó là: đạo đức nhân nghĩa; tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài; lòng vị tha, chung thủy, tiết hạnh; tinh thần xả thân vì nước. Ở phương diện thứ hai, tác giả tập trung trân trọng, ngợi ca những đạo lý - những tình cảm tốt đẹp: nghĩa vua tôi, đạo vợ chồng, tình cha con, tình chủ tớ. Đặc biệt, ở những tác phẩm trước khi thực dân Pháp xâm lược, Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh chữ "ân", chữ "tiết" đối với người con gái và chữ "nghĩa" đối với người con trai. Sau khi thực dân Pháp xâm lược, Nguyễn Đình Chiểu tập trung vào ca ngợi những anh hùng xả thân vì nước. Đó là những người sĩ phu kháng Pháp, những người trí thức bất hợp tác với kẻ thù hay những người nông dân nghĩa binh.

Xoay quanh những hình tượng nhân vật văn học ấy, chúng ta thấy được giá trị đạo lý trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cũng như những quan niệm của ông về con người, cuộc đời. Ông luôn lấy nguyên lí đạo đức làm chuẩn mực cho mọi hành vi của con người. Đặc biệt, ông phát hiện và đề cao hình tượng văn học mới, hình tượng con người nghĩa sĩ - nông dân. Đồng thời ông cho thấy rằng, đạo đức và đạo lý con người được thể hiện một cách gần gũi, giản dị ngay trong cuộc sống hằng ngày bởi chính những người dân lao động lam lũ, vất vả mà anh hùng.

Không chỉ vậy, những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu còn có giá trị kết nối đạo lý của dân tộc từ truyền thống đến hiện đại, góp phần giáo dục thế hệ trẻ hình thành những phẩm chất cần có như sống yêu thương, nhân nghĩa, sống trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm - đó cũng là những nội dung mà chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở chương 3 của đề tài.

Chương 3
PHÁT HUY GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP

3.1. Đạo đức xã hội trong thời kì hội nhập - những vấn đề đặt ra

3.1.1. Thực trạng đạo đức xã hội trong thời kì hội nhập

Việt Nam là một trong những nước ở khu vực Đông Nam Á có nền nông nghiệp lúa nước phát triển. Chính gốc văn hóa nông nghiệp này đã kéo theo việc tổ chức cộng đồng và chi phối nhiều mặt của đời sống xã hội. Trong đó, nó chi phối cả cách ứng xử của con người với thiên nhiên, với xã hội, với cộng đồng.

Có thể nói, văn hóa ứng xử của người Việt Nam đối với môi trường là sự hài hòa, nương nhờ vào thiên nhiên, thuận theo thiên nhiên. Đất đai là tài sản quý nhất của họ *"tấc đất,tấc vàng"*, có đất, có nước thì mới gieo trồng được *"nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"*. Song để có một cuộc sống ổn định, họ không chỉ gắn bó với đất, với nước, với nơi mình sinh sống, mà còn phải gắn bó với con người trên mảnh đất đó. Do vậy mà mối quan hệ cộng đồng đã ra đời và được xây dựng trên nguyên tắc trọng tình.

Bề dày đạo đức đó đã được khẳng định từ xa xưa. Con người Việt Nam luôn có nhu cầu*"chung lưng đấu cật"*, họ luôn ý thức được *" Đông tay hơn hay làm"*, chủ động tạo ra sức mạnh *"Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao"*. Tập quán của người Việt Nam rất trọng tình cảm, không sống xa quê hương bản quán, nếu ai đó phải rời xa quê hương thì khi về già họ cũng lại trở về *"Nơi chôn nhau cắt rốn"*. Trong giao tiếp trọng sự hòa thuận *"Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn"*, sự cảm thông, đùm bọc *"Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ"*. Họ khuyên nhủ nhau "*Bán anh em xa, mua láng giềng gần*", *"Lá lành đùm lá rách"*. Bởi con người không thể sống cô lập, chính mối quan hệ giữa con người và cộng đồng đã giúp người Việt ăn ở với nhau tình nghĩa thủy chung, sống ở đời phải *"Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười ở hẹp người chê"*. Xuất phát từ gốc văn hóa nông nghiệp, từ xa xưa ông cha ta đã có những lời khuyên trong ứng xử cộng đồng rất sâu sắc, đó là nền tảng cho những bài học đạo lý ở đời.

Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay, do tác động của nền kinh tế thị trường, của hội nhập mở cửa, việc giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải được giải quyết. Khó có thể phủ nhận một thực trạng là đạo đức xã hội ngày nay ngày càng có nhiều những biểu hiện của sự suy thoái. Ai cũng có thể dễ dàng đọc những tít bài giật gân trên các trang báo như chồng giết vợ, anh giết em, con giết cha, bác sĩ giết người rồi tìm cách đem xác đi phi tang, hay như vụ xe chở bia gặp nạn, hàng trăm người hôi bia của trước sự gào xin của tài xế.

Vậy, đứng trước những nguy cơ, những biểu hiện suy thoái về đạo đức phải có những giải pháp nào để khắc phục? Trong phạm vi nhà trường, việc giáo dục đạo đức qua môn học, qua các hoạt động ngoại khóa thiết nghĩ là một việc làm hiệu quả và cần thiết. Bởi để chuẩn bị hành trang vào đời, mỗi học sinh không chỉ mang theo vốn kiến thức đã được học mà còn phải là người có đạo đức tốt như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã từng nói *"có tài mà không có đức thì là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó"*. Trong nhà trường phổ thông, ngoài môn Giáo dục công dân thì Ngữ văn cũng là môn học rất quan trọng trong việc góp phần giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng hoàn thiện nhân cách học sinh.

M.Gorki đã từng nói*"Văn học là nhân học"*, học Văn là học cách làm người. Có thể nói trong tiến trình phát triển của thơ ca trung đại thì những sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu - một nhà văn có phong cách đạo đức trữ tình xuất sắc nhất Việt Nam - đã lưu giữ được hầu như toàn bộ giá trị đạo lý quý báu của dân tộc. Dễ nhận thấy, mỗi bài thơ, bài văn, mỗi tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu là một bài học đạo đức dành cho học sinh. Tìm hiểu giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, học sinh sẽ được vun đắp và hình thành những phẩm chất tốt đẹp như sống yêu thương, nhân nghĩa; sống có trách nhiệm, có lí tưởng, trung thực, dũng cảm, trọng nghĩa trọng tình - những biểu hiện phẩm chất của học sinh phổ thông (theo *Dự thảo Chương trình phổ thông tổng thể* - Bộ Giáo dục & Đào tạo, tháng 12/2016). Học sinh sẽ biết sống thế nào cho tốt như các nhân vật chính diện và cố gắng tránh xa các thói hư, tật xấu của các nhân vật phản diện được phản ánh trong các tác phẩm văn học. Cho

nên, việc giáo dục đạo đức và hình thành phẩm chất ở học sinh qua dạy - học tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ở nhà trường phổ thông là một việc làm thiết thực, hiệu quả và cần thiết hơn bao giờ hết.

3.1.2. Vai trò của đạo đức, đạo lý trong đời sống xã hội

Trước hết, "*Đạo đức là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội*" [2, tr.63]. Các quy tắc và các chuẩn mực đạo đức ở từng thời điểm lịch sử cũng có những sự biến đổi. Chẳng hạn, trong chế độ phong kiến, "trung" có nghĩa là trung thành với vua. Ngày nay, "trung" nghĩa là trung thành với lợi ích của đất nước, của nhân dân. Có thể nói, nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay là một nền đạo đức tiến bộ, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là sự kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và phát huy tinh hoa văn hóa của nhân loại. Vậy, đạo đức có những vai trò gì trong đời sống xã hội?

Trước hết, đạo đức có vai trò giáo dục. Bởi, trong cuộc sống hằng ngày, mỗi cá nhân luôn muốn được khẳng định mình, muốn được xã hội nhìn nhận những mặt tiến bộ, tích cực của mình. Do vậy, những chuẩn mực đạo đức xã hội sẽ trở thành mục tiêu phấn đấu cho cá nhân và tác động đến sự hình thành nhân cách của cá nhân. Dựa vào những chuẩn mực đó mà cá nhân đánh giá được tư cách, ý thức, hành vi của mình sao cho phù hợp với những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội.

Đạo đức còn có vai trò nhận thức. Tức là qua những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội, mỗi cá nhân phải có khả năng tiếp nhận và chuyển hóa nó trong nhận thức và trong hành vi của chính mình. Biết lựa chọn những tư tưởng, những chuẩn mực đạo đức trong cách ứng xử với những người xung quanh. Qua đó, bản thân mỗi chủ thể đi đến sự nhận biết, phân biệt được đúng - sai, phải - trái, tốt - xấu để hình thành và phát triển các nguyên tắc và quan điểm sống đúng đắn của mình.

Bên cạnh vai trò giáo dục, nhận thức thì đạo đức còn có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi con người. Có thể nói, đây là chức năng quan trọng nhất nhưng đó cũng không phải là đặc quyền của đạo đức, bởi pháp

luật và phong tục tập quán cũng là những phương thức có khả năng điều chỉnh hành vi của con người. Tuy nhiên, nếu sự điều chỉnh hành vi của pháp luật là sự điều chỉnh mang tính bắt buộc, tính cưỡng chế; sự điều chỉnh hành vi theo phong tục tập quán là tuân theo những thói quen, nề nếp đã ổn định từ lâu thì sự điều chỉnh hành vi của đạo đức lại mang tính tự nguyện với mục đích nhằm đảm bảo sự hài hòa trong quan hệ lợi ích giữa cộng đồng và cá nhân. Sử dụng sức mạnh của dư luận để động viên, khuyến khích những chủ thể có đạo đức và hành vi tốt đẹp; đồng thời, phê phán, lên án nghiêm khắc những hành vi gây ảnh hưởng xấu đến người khác, đến cộng đồng.

Như vậy, có thể thấy những vai trò của đạo đức kể trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, vai trò này là tiền đề, điều kiện của vai trò khác. Chúng là cơ sở để mỗi cá nhân căn cứ vào đó mà lựa chọn, đánh giá đúng đắn các hiện tượng đạo đức xã hội cũng như tự đánh giá những suy nghĩ, những hành vi của bản thân để điều chỉnh hành vi của mình theo đúng chuẩn mực đạo đức của xã hội.

3.2. Phát huy giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ

Ở chương 2 chúng tôi đã nghiên cứu và chỉ ra, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu chính là nơi tổng duyệt những giá trị đạo lý của dân tộc từ truyền thống đến hiện đại. Đó là sự khẳng định, đề cao những giá trị đạo lý của dân tộc; trân trọng, ngợi ca những tình cảm tốt đẹp của con người. Mỗi tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu luôn chứa đựng trong đó những bài học nhân sinh, bài học đạo đức thiết thực cho học sinh. Đặc biệt, thông qua những hình tượng nhân vật, qua cách ứng xử của họ với người thân, với gia đình, bạn bè, với Tổ quốc...còn góp phần hình thành ở học sinh những phẩm chất cần có để đáp ứng được mục tiêu của *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* theo định hướng đổi mới. Đó là thông qua môn học, giúp học sinh phát hiện và phát triển khả năng vốn có của bản thân; hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực đáp ứng nhu cầu hoàn thiện nhân cách của cá nhân, yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa. Có thể nhận thấy, những truyền thống đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu góp phần giáo dục thế hệ trẻ sống yêu thương, nhân nghĩa; sống trung thực, dũng cảm, sống có

trách nhiệm. Đó mãi luôn là những phẩm chất cần có của mỗi cá nhân con người, đặc biệt là thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

3.2.1. Góp phần giáo dục thế hệ trẻ sống yêu thương, nhân nghĩa

Sống yêu thương và nhân nghĩa vốn là một truyền thống đạo lý từ xa xưa của dân tộc Việt Nam. Bởi vậy, mới có câu "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách". Truyền thống đạo lý này một lần nữa được khẳng định trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Trước hết, với những người thân yêu trong gia đình thì cảm yêu thương, nhân nghĩa cũng mang nhiều biểu hiện phong phú như: đạo hiếu của con cái với cha mẹ, tình nghĩa anh em gắn bó keo sơn, hay như tình cảm vợ chồng thủy chung, son sắc...

Khi nói tới mối quan hệ cha mẹ - con cái trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu luôn đề cao chữ hiếu của con cái với cha mẹ. Quả đúng như vậy, đọc tác phẩm *Lục Vân Tiên*, người đọc sao có thể quên được hình ảnh chàng Vân Tiên hào hiệp, hiếu nghĩa. Chữ Hiếu được thể hiện trước nhất ở hành động lựa chọn con đường học hành đúng đắn, thể hiện ở chí hướng lập công danh, khao khát cống hiến tài năng của người quân tử:

Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo hổ, sau là hiển vang.

Bởi vậy, trước khi lên kinh ứng thí chàng đã thưa với cha mẹ rằng:

Dám xin cha mẹ an tâm,
Cho con trả nợ thanh khâm cho rồi.

Lục Vân Tiên không chỉ nuôi chí cha mẹ mà trong cả việc hôn sự chàng cũng nghe theo sự sắp đặt của phụ mẫu, đó là cuộc hôn ước với Võ Thể Loan.

Trên đường đi thi, Vân Tiên nghe tin mẹ mất mà đau đớn, xót xa, chàng nghĩ đến công lao sinh thành, dưỡng dục, nghĩ đến tình mẫu tử thiêng liêng:

Hai hàng lụy ngọc ròng ròng,
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng chín chìu ruột đau.

Bao công sức ôn luyện, dùi mài kinh sử, giữa đường gặp cơn gia biến mà đường công danh dang dở. Chàng đã quyết định đặt chữ Hiếu lên trên hết, bỏ thi để về quê chịu tang mẹ - làm tròn chữ Hiếu của một người con. Trên đường

về quê vì khóc thương mẹ nhiều quá nên chàng đã mù cả hai mắt. Chàng gặp bao nhiêu những kẻ ác hãm hại như bị Trịnh Hâm đẩy xuống sông sâu, bị gia đình họ Võ bội ước. Cho đến lúc về tới quê nhà cũng "kể đà sáu năm". Vân Tiên viếng mộ mẹ mà thấy mình chưa bằng những người con hiếu thảo trong *Nhị thập tứ hiếu:*

Suối vàng hồn mẹ có linh,
Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay.
Tưởng bề nguồn nước cội cây,
Công lao ngàn trượng ngãi dày chín trăng.
Suy trang nằm giá khóc măng,
Hai mươi bốn thảo chẳng bằng người xưa.

Rồi cuối cùng là việc ghi danh khoa cử, phấn đấu sự nghiệp, vinh quy đỗ đạt và luôn lấy chí lớn làm đầu trước hết là trung với vua, đem công sức của mình đền ơn đất nước, sau chính là hiếu thảo với cha mẹ, làm rạng danh gia tộc.

Có thể nói, chữ Hiếu ở nhân vật Lục Vân Tiên một lần nữa góp phần giáo dục chữ Hiếu ở thế hệ trẻ, nhắc nhở đạo hiếu làm con của thế hệ trẻ, góp phần giáo dục đạo đức con người chúng ta hãy luôn đối xử tốt với cha mẹ. Cha mẹ là người đã sinh thành ra ta và cho ta cả một cuộc đời, hãy luôn ghi nhớ lời ông cha đã từng dạy bảo:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Tấm lòng hiếu thảo của Lục Vân Tiên với cha mẹ chính là một tấm gương sáng về đạo làm con, giúp thế hệ trẻ nhận ra rằng chữ Hiếu với cha mẹ không phải là những điều gì quá to tát, khó thực hiện mà nó được biểu hiện ngay trong những suy nghĩ và hành động thường ngày như luôn biết nghe theo những lời dạy bảo của cha mẹ; không được có những hành vi, lời nói cãi lại hay vô lễ với cha mẹ; biết giúp đỡ cha mẹ những công việc vừa sức với mình. Đặc biệt là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường phải biết xác định mục đích, động cơ học tập đúng đắn, chăm chỉ học hành, sống có lí tưởng, có ước mơ hoài bão và phấn đấu

không ngừng để thực hiện lí tưởng hoài bão để sau này báo hiếu với cha mẹ, hãy đừng bao giờ để chính cha mẹ mình phải buồn, phải phiền lòng.

Sống yêu thương và nhân nghĩa còn được biểu hiện ngay trong chính mối quan hệ giữa các anh chị em trong một gia đình. Mối quan hệ này từ xưa đã được nhân dân ta rất coi trọng, được gửi gắm trong rất nhiều câu ca dao tục ngữ như:

Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân
Yêu nhau như thể tay chân
Anh em hòa thuận hai thân vui vầy

Tình cảm anh em trong gia đình là một tình cảm rất thiêng liêng. Đó trước hết là sự gắn bó mật thiết, mối quan hệ huyết thống hoặc không cùng huyết thống dưới tư cách là con trong gia đình. Sau nữa, là sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, là sự sẻ chia và cao cả hơn nữa là sự hi sinh cuộc đời và bản thân mình cho người thân của mình mà chẳng bao giờ tính toán thiệt hơn.

Vậy mà, trên thực tế, khó có thể phủ nhận một điều: xã hội ngày càng phát triển thì các mối quan hệ anh em máu mủ tình thân dường như cũng đang bị xuống cấp. Thật xót xa khi nghe những tin anh trai giết em để tranh mảnh đất mà cha ông để lại hay là những cảnh anh em đưa nhau ra tòa, họ mải mê kiếm tiền mà không mảy may để ý đến anh chị em của mình cũng đang cần giúp đỡ khiến ta không khỏi chạnh lòng.

Điều đó đã gióng lên một tiếng chuông báo động về sự xuống cấp của đạo đức con người. Nhận thức được thực trạng đó, đặc biệt khi tìm hiểu những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, người đọc không thể không xúc động trước cách đối xử đề cao tình nghĩa như anh em trong một gia đình giữa Vân Tiên - Hớn Minh - Tử Trực.

Đọc tác phẩm *Lục Vân Tiên*, hẳn người đọc không thể quên tình nghĩa anh em gắn bó keo sơn giữa Vân Tiên - Hớn Minh - Tử Trực. Những con người tuy không cùng huyết thống nhưng họ đối xử với nhau còn hơn cả anh em ruột thịt trong nhà. Bởi họ đều là những con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, không quên nhau lúc vinh hoa phú quý.

Còn nhớ tình anh em giữa Hớn Minh và Vân Tiên. Khi gặp lại Vân Tiên trong cảnh mù lòa, được ông Tiều cứu giúp, biết được điều đó Hớn Minh đã vô cùng xúc động, không ngần ngại lạy tạ ân nhân của bạn mình:

Hớn Minh quỳ gối lạy liền,
Ơn ông cứu đặng Vân Tiên bạn lành.
Nầy hai lạng bạc trong mình,
Tôi xin báo đáp chút tình cho ông.

Một cái lạy đủ để thấy tình nghĩa giữa họ chân thành và sâu đậm như thế nào. Sau này, gặp nhau ở chùa Hớn Minh cũng đã tìm mọi cách thuốc thang, săn sóc, chữa bệnh cho Vân Tiên. Và sau này, cả hai cùng kề vai đánh giặc, xông pha chiến trận thực hiện lí tưởng sống của đời mình.

Đó còn là tình cảm anh em trước sau như một giữa Vân Tiên và Tử Trực. Vương Tử Trực kết nghĩa huynh đệ với Vân Tiên, nhận Vân Tiên làm anh, trước sau vẫn giữ trọn tình nghĩa anh em, giữ phẩm chất thanh cao:

Tình cờ mà gặp nhau đây,
Trực này xin nhượng Tiên này làm anh.

Nghe tin Vân Tiên mất chàng đã *"Hai hàng nước mắt ròng ròng như mưa"*. Đặc biệt, sau khi thi đỗ trở về, Tử Trực có đến thăm nhà Võ Công. Gia đình Võ Công tính chuyện cầu thân với Tử Trực - người kết nghĩa anh em với Vân Tiên. Nhưng chàng đã thẳng thắn, quyết liệt từ chối bởi trước sau Tử Trực luôn sống có tình nghĩa:

Vợ Tiên là Trực chị dâu,
Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghì.

Và chàng còn thẳng thắn, không ngại mắng xả trước những lời gạ gẫm gả con gái của Võ Công:

Chẳng hay người học sách chi,
Nói sao những chuyện lạ kỳ khó nghe?
.....
Nói sao chẳng biết hổ thầm,
Người ta há phải loài cầm thú sao?

Tử Trực đã không vì danh lợi trước mắt mà làm những việc trái đạo nghĩa. Cho nên, trước những hành vi trái với đạo đức, Tử Trực đều so sánh với loài vật, *loài cầm thú*.

Những tấm gương hiệp nghĩa, chính trực ấy đã góp phần giáo dục tâm hồn, đạo đức con người hiện đại thêm quý trọng hơn tình cảm anh em bè bạn; giúp độc giả rút ra những bài học về cách đối nhân xử thế ở đời cho đúng đạo nghĩa, đạo lý ngàn đời của dân tộc Việt Nam; góp phần hình thành ở người học phẩm chất về lối sống chuyên cần, sống yêu thương: Phải siêng năng, chăm chỉ học tập để theo đuổi ước mơ, hoài bão như cái cách mà Vân Tiên, Hớn Minh, Tử Trực đã theo đuổi; phải có ý chí khắc phục những khó khăn để vươn lên trong cuộc sống, phải biết giữ lời hứa và quý trọng lòng tin.

Đặc biệt, nhận thức được tầm quan trọng của tình anh em, ta cần phải xây dựng một mối quan hệ gần gũi, gắn bó giữa anh chị em trong nhà. Đó là sự nhường nhịn, sẻ chia, để tránh gây chuyện cãi vã, xích mích. Đó là sự yêu thương và đùm bọc lẫn nhau để cùng nhau sống tốt hơn. Bởi, tình cảm anh em mãi luôn là một tình cảm cao quý và cần được tôn trọng.

Người đọc còn có thể tự rút ra được bài học về lối sống yêu thương, nhân nghĩa qua tìm hiểu về phương diện đạo nghĩa vợ chồng được nói đến trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Từ xa xưa, ca dao ta có câu:

Thương nhau bất luận giàu nghèo
Dù cho lên ải xuống đèo cũng cam

Điều đó cho thấy, tình cảm vợ chồng theo quan niệm dân gian được thể hiện rất đằm thắm, nghĩa tình và nhiều khi cũng được thi vị hóa.

Trong thời kì phong kiến thì mối quan hệ vợ chồng chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng Nho giáo. Với tư tưởng "trọng nam khinh nữ", người phụ nữ không được coi trọng, thường bị đối xử bất công. Đàn ông có thể năm thê bảy thiếp, nhưng gái chính chuyên chỉ được phép có một chồng, cuộc đời người phụ nữ luôn phải phụ thuộc: "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử".

Trong xã hội hiện đại ngày nay, mối quan hệ vợ chồng đã được bình đẳng hơn rất nhiều. Bình đẳng trong tình yêu, hôn nhân, trong việc lựa chọn bạn đời, trong việc tham gia các công tác xã hội, hay ngay cả việc nuôi dạy con

cái...Tuy nhiên, thực trạng về mối quan hệ vợ chồng ngày nay cũng có khá nhiều những vụ việc đau lòng xảy ra. Những vụ án chồng giết vợ, vợ giết chồng vì ghen tuông, vì chạy theo người tình. Những vụ án thương tâm dẫn đến những cái chết đau lòng xuất phát từ những mâu thuẫn, từ bạo lực gia đình dường như đang diễn ra ngày càng nhiều trong xã hội.

Nhận thức được thực trạng đó, người đọc mới càng thấy quý hơn những tình yêu, đạo vợ chồng được nói đến trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Đọc *Truyện Lục Vân Tiên,* chúng ta không thể nào không xúc động trước những sự hành xử vô cùng ân nghĩa và tròn vẹn đạo lý giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga. Người đọc sao có thể quên được một Kiều Nguyệt Nga chung thủy, tiết hạnh, tri ân. Cảm tạ trước công ơn cứu mạng của Vân Tiên hay nói đúng hơn là cái ơn cứu cả cuộc đời trong trắng của người con gái, Kiều Nguyệt Nga đã tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với cuộc đời của chàng trai nghĩa khí ấy, tự coi Vân Tiên là người chồng và thề sẽ chung thủy, son sắt, quyết giữ tiết với Vân Tiên:

Thân con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi.

Đặc biệt, khi đất nước gặp cảnh ngoại xâm, được lệnh Vua, Nguyệt Nga phải chấp nhận làm vật hi sinh. Trước khi đi cống giặc, nàng xin vua cho được sang lạy Lục Ông và làm chay bảy bữa để giã biệt Vân Tiên. Bởi nàng vân luôn tâm niệm *"Nguyện cùng bức tượng trót đà chung thân".* Và cuối cùng Nguyệt Nga sẵn sàng liều chết để giữ trọn ân tình thủy chung với người yêu.

Đáp lại tấm chân tình ấy là hành động quỳ lạy để tạ ơn của Vân Tiên với Nguyệt Nga. Cái quỳ lạy đó không làm hạ thấp đi nhân cách con người mà ngược lại còn làm sáng bừng lên nhân cách. Bởi lẽ, sau khi biết hết mọi chuyện, biết việc Nguyệt Nga vì mình mà trọn nghĩa, trọn tình; biết việc Nguyệt Nga đã đối xử rất tốt và giúp đỡ Lục ông trong những ngày tháng khó khăn,... Vân Tiên đã không ngần ngại quỳ xuống lạy Nguyệt Nga như sự cảm tạ với một ân nhân, như một cách hành xử hợp đạo lý con người, hợp đạo nghĩa vợ chồng.

Như vậy, khi tìm hiểu về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ở phương diện mối quan hệ vợ chồng, cách hành xử theo đạo nghĩa vợ chồng của Lục

Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga một lần nữa góp phần giáo dục đạo đức con người, giúp chúng ta thêm trân quý đạo nghĩa vợ chồng. Vợ chồng phải sống với nhau vì tình vì nghĩa, phải đồng cam cộng khổ, phải thương yêu, trân trọng nhau. Mặt khác, qua những cách hành xử của Vân Tiên và Nguyệt Nga một lần nữa góp phần hình thành ở người học những phẩm chất cần có: đó là hãy biết sống yêu thương, nhân nghĩa; biết thông cảm, chia sẻ với những khó khăn, mất mát, những đau thương của người khác; sẵn sàng giúp đỡ người khác bằng những việc làm phù hợp với khả năng. Phải luôn biết kính trọng, biết ơn những người đã từng giúp đỡ mình, biết ứng xử phù hợp để thể hiện sự biết ơn trong các tình huống cụ thể bằng những việc làm phù hợp với các chuẩn mực, các giá trị đạo lý của dân tộc.

Sống yêu thương và nhân nghĩa không chỉ được thể hiện trong mối quan hệ gia đình mà với bạn bè xung quanh, với những người gặp hoạn nạn khó khăn trong cuộc sống cũng rất cần phát huy phẩm chất yêu thương, nhân nghĩa ấy.

Cuộc sống của chúng ta vốn dĩ tồn tại rất nhiều các mối quan hệ, trong đó có mối quan hệ bạn bè. Có thể nói rằng, mỗi chúng ta không ai sống mà không có bạn bè. Các mối quan hệ bạn bè tốt đẹp đóng một vai trò quan trọng và tích cực. Từ xa xưa, cha ông ta đã rất tôn trọng và ngợi ca giá trị của tình bạn:

Đi xa mà gặp bạn hiền
Cũng bằng ăn quả đào tiên trên trời

Các mối quan hệ bạn bè tốt đẹp đóng một vai trò quan trọng và tích cực trong mọi quan hệ xã hội. Những người bạn tốt sẽ là chỗ dựa tinh thần lẫn vật chất cho chúng ta trong cuộc sống cả những lúc sa sút, khó khăn. Cho nên mới có câu:

Thói thường gần mực thì đen
Anh em bạn hữu phải nên chọn người

Trong xã hội phong kiến, khi xây dựng các mối quan hệ trong ngũ luân, các nhà nho cũng chú ý xây dựng mối quan hệ bằng hữu. Mối quan hệ này lấy chữ tín làm trọng *"bằng hữu hữu tín"*. Khổng Tử cũng từng nói *"Phải cư xử với người thiết tha hết tình và giữ niềm hòa duyệt"*. Theo quan niệm của các nhà nho, tình bạn được xây dựng không trên tiền tài danh vọng hay giàu sang

phú quý mà vì nghĩa vì tình. Họ kết bạn với nhau, động viên nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, xem trên các phương tiện thông tin đại chúng, có rất nhiều các vụ án mạng xảy ra xuất phát từ những bất đồng trong quan hệ bạn bè. Những vụ án kinh hoàng đó xảy ra, một lần nữa giúp ta nhìn nhận lại thực trạng của mối quan hệ bạn bè và càng thêm trân quý hơn những tình bạn đẹp. Đọc *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, hẳn người đọc vẫn không thể quên một tình bạn vô cùng cao đẹp giữa Vân Tiên - Hớn Minh - Tử Trực. Một tình bạn của những con người cùng chí hướng, cùng lí tưởng, cùng mục đích phấn đấu vì việc nghĩa cao cả, sẵn sàng hi sinh vì nhau, trước sau như một. Khi biết người bạn Vân Tiên của mình được ân nhân là một ông lão đốn củi cứu giúp, Hớn Minh đã không ngại ngần "quỳ gối lạy liền":

Hớn Minh quỳ gối lạy liền,
Ơn ông cứu đặng Vân Tiên bạn lành.

Phải là một tình bạn chân thành, thắm thiết lắm mới có được những nghĩa cử cao đẹp như vậy! Cái lạy tạ của Hớn Minh ở đây không hề hạ thấp giá trị một con người mà ngược lại còn nâng cao nhân cách của con người. Bởi ở đây Hớn Minh coi tính mạng của bạn còn hơn cả tính mạng của mình, lo lắng cho bạn còn hơn lo lắng cho bản thân. Và cả mãi sau này, gặp Vân Tiên ở chùa trong cảnh mù lòa, Hớn Minh đã tìm mọi cách chạy chữa thuốc thang, chăm sóc bạn trong cơn hoạn nạn. Một tình bạn như vậy thật đẹp, thật chân thành và đáng kính trọng biết bao!

Tình bạn của Vân Tiên với Hớn Minh cũng chân thành như vậy. Khi đỗ trạng nguyên, được giao đánh giặc Ô Qua, Vân Tiên nhớ đến Hớn Minh là một dũng tướng, lại luôn hành động vì nghĩa nên đã tâu trình với nhà vua xin xá tội cho Hớn Minh và xin vua sắc phong cho Hớn Minh làm phó tướng cùng Vân Tiên đi dẹp giặc. Hình ảnh đôi bạn cùng chí hướng, cùng lí tưởng, cùng sát cánh bên nhau ra trận đánh giặc mãi luôn đi vào trong lòng người đọc một cách đầy yêu kính, ngưỡng mộ.

Bên cạnh đó, tình bạn giữa Vân Tiên với Tử Trực cũng là một tình bạn đẹp không kém. Đó cũng là tình bạn của những con người cùng lí tưởng hành

đạo. Tử Trực cũng rất có tài nhưng đứng trước Vân Tiên chàng hết mực khiêm tốn, yêu mến và cảm phục tài năng của Vân Tiên. Không chỉ vậy chàng cũng là một người luôn vẹn đường nhân nghĩa. Giọt nước mắt khóc bạn, hành động từ chối cuộc hôn nhân với Võ Thể Loan, mắng chửi gia đình Võ Công đã luôn khẳng định một tình bạn chân thành, cao quý, trước sau như một, không gì có thể đánh đổi được.

Những tình bạn như vậy đã nhắc nhở chúng ta trong cuộc sống hối hả, bận rộn này hãy nhìn lại tình bạn của chính mình. Hãy biết trân trọng những tình bạn mà ta đang có, hãy luôn biết đối xử tốt với bạn bè, hãy sống yêu thương, nhân nghĩa, bồi dưỡng những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ trong quan hệ với những người xung quanh. Hướng nhận thức con người đến sự cao thượng, không chỉ biết sống vì mình mà còn biết sống vì người khác, sống theo các chuẩn mực đạo đức của dân tộc. Bởi A-rit-xtot từng nói rằng *"Tình bạn là cái cần thiết nhất đối với cuộc sống, vì không ai lại mong muốn cuộc sống không có bạn bè, dù cho người đó có mọi hạnh phúc khác chăng nữa"*.

Đặc biệt, đứng trước những người gặp hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống, mỗi chúng ta cần thể hiện lối sống yêu thương, nhân nghĩa như thế nào? Có thể nói dân tộc Việt Nam là một dân tộc giàu truyền thống đạo lý. Một trong những đạo lý quý báu đó là tinh thần tương trợ, đùm bọc, giúp đỡ nhau trước những người gặp khó khăn hoạn nạn trong cuộc sống. Từ xa xưa, cha ông ta đã khuyên bảo "Lá lành đùm lá rách". Câu tục ngữ ngụ ý khuyên chúng ta nên biết chia sẻ, giúp đỡ, thông cảm, xót thương với những người bị rơi vào cảnh ngộ cùng quẫn, éo le.

Ngày nay, đã có rất nhiều các chương trình từ thiện vì người nghèo như chương trình "Trái tim cho em", "Vì bạn xứng đáng", "Lục lạc vàng", chung tay vì người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt...các chương trình từ thiện đó ngày càng khẳng định truyền thống "lá lành đùm lá rách" tiếp tục được kế thừa và phát huy mạnh mẽ. Mỗi người chúng ta phải có ý thức đoàn kết tương thân tương ái, tương trợ nhau trong sinh hoạt, học tập và sẵn sàng tích cực tham gia các công tác cứu trợ xã hội.

Tuy nhiên, gần đây báo chí nói rất nhiều về những cách hành xử không mấy đẹp mắt của một số người dân Việt Nam trước những vụ việc người gặp hoạn nạn, khó khăn trên đường. Như vụ xe chở bia gặp nạn, hàng trăm người hôi của trước sự gào xin của tài xế; hay như vụ mang xô chậu ra "hôi xăng" sau khi có tai nạn...Trước những thực trạng đau lòng đó, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường ngày nay, đứng trước những người gặp hoạn nạn khó khăn có những người chỉ chăm chú vào cái lợi riêng của mình mà quên đi những hành động vì nghĩa dẫn đến những cách hành xử không mấy nhân văn và đáng bị lên án.

Đọc những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, mỗi chúng ta không thể nào quên trước hành xử vì nghĩa của Lục Vân Tiên với người gặp nạn. Mình chàng *"bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô"* xông vào đánh cướp cứu người gặp nạn khiến bọn chúng tan tành. Và đặc biệt, giúp người xong rồi Vân Tiên không màng được đền ơn, không nhận lấy một chút quà mọn làm kỉ vật. Đó cũng là hành xử hợp đạo lý của người Việt:

Nhớ câu trọng ngãi khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì

Hay như hành động khảng khái, chính trực của Hớn Minh trước người gặp hoạn nạn, khó khăn. Trên đường đi thi gặp con quan huyện Đặng Sinh ỷ thế làm càn, giở trò đồi bại, Hớn Minh cũng không phải đắn đo suy nghĩ nhiều mà ngay lập tức hành động hào hiệp, cứu người:

Tôi bèn nổi giận một khi
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò

Đó chẳng phải là hành động hào hiệp, cứu nạn phò nguy hay sao?

Bên cạnh đó ta còn thấy những ông Ngư, ông Quán, ông Tiều - những con người được gọi tên bằng nghề nghiệp của họ. Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, họ hiện lên là những người tốt, giàu lòng thương người, sẵn sàng làm việc quên mình vì nghĩa. Bởi trọng tình nghĩa nên những con người ấy rất hào hiệp, sống hết mình, sẵn sàng đùm bọc, sẻ chia:

Ông Quán vẫn cố gắng chạy theo Vân Tiên khi chàng bỏ thi trở về quê chịu tang mẹ "*Đưa ba hườn thuốc để phòng hộ thân"*.

Hay như ông Ngư đã cứu vớt và chăm sóc Vân Tiên hết sức tận tình khi chàng bị Trịnh Hâm xô xuống biển:

Hối con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.

Rồi khi Vân Tiên bị cha con Võ Thể Loan hãm hại đẩy vào hang sâu, chàng đã được ông Tiều cõng về nhà, cứu sống mặc dù ông đã tuổi cao, sức yếu. Và điều quan trọng là những con người ấy làm việc nghĩa không bao giờ nghĩ đến chuyện được trả ơn. Họ làm việc nghĩa như chính truyền thống của cha ông để lại:

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Trong bối cảnh đó, việc tìm hiểu tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ở phương diện ứng xử trước những người gặp hoạn nạn khó khăn một lần nữa nhắc nhở chúng ta, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu được trách nhiệm đạo đức của công dân trong mối quan hệ với cộng đồng nơi ở và tập thể lớp học, trường học. Cộng đồng là hình thức thể hiện các mối liên hệ và quan hệ xã hội của con người. Đó là môi trường xã hội để các cá nhân thực hiện sự liên kết, hợp tác với nhau.

Vậy, là thanh niên, học sinh cần phải sống và ứng xử như thế nào trước những người gặp hoạn nạn, khó khăn, trước cộng đồng lớp học, trường học và cộng đồng dân cư nơi cư trú? Thiết nghĩ, đối với tập thể lớp học, nhà trường và cộng đồng dân cư nơi cư trú thì phẩm chất sống yêu thương, nhân nghĩa; sống có trách nhiệm, hòa nhập và hợp tác; sống trung thực, dũng cảm luôn là những phẩm chất, là những chuẩn mực đạo đức mà người học sinh ngày nay cần có. Đặc biệt, cần phát huy hơn nữa truyền thống nhân nghĩa, tương trợ, đùm bọc nhau trong lao động, trong cuộc sống. Cần biết quan tâm, chia sẻ, nhường nhịn với những người xung quanh. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn, hoạn nạn; tích cực tham gia các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo do lớp, trường, cộng đồng dân cư tổ chức như: giúp đỡ các bạn học sinh nghèo vượt khó, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt; ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam...

Mặt khác, trong xã hội hiện đại, lợi ích của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đều phụ thuộc vào nhau, ràng buộc lẫn nhau; mỗi người như một chi tiết của một cỗ máy lớn, phải vận hành đồng bộ, nhịp nhàng. Vì vậy, sự hợp tác trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh, vượt qua khó khăn đem lại chất lượng và hiệu quả công việc cao. Bởi vậy, biết hợp tác trong công việc chung là một phẩm chất quan trọng của người lao động mới, là yêu cầu đối với người công dân trong xã hội hiện đại.

Cho nên, một lần nữa có thể khẳng định, đọc những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, người đọc, nhất là thế hệ trẻ có dịp thấm sâu các giá trị đạo đức và rút ra được những ứng xử văn hóa phù hợp, hình thành được những phẩm chất cần có để hoàn thiện nhân cách cá nhân và đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa.

Có thể thấy, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vừa là nơi tổng duyệt lại những truyền thống đạo lý của dân tộc vừa mang theo những tư tưởng vượt thời đại. Điều quan trọng là tiếp cận tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, người đọc tự rút ra được những bài học đạo đức, được giáo dục về nhân cách, được hình thành những phẩm chất đáng quý như hãy biết sống yêu thương, nhân nghĩa nhiều hơn không chỉ với những người thân yêu trong gia đình mà với cả những người xung quanh, đặc biệt là với những người gặp hoạn nạn khó khăn trong cuộc sống. Có như vậy thì cuộc sống của mỗi cá nhân con người mới càng trở nên có ý nghĩa hơn.

3.2.2. Góp phần giáo dục thế hệ trẻ sống trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm

Ngoài việc giáo dục thế hệ trẻ sống yêu thương, nhân nghĩa thì tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn góp phần giáo dục thế hệ trẻ biết sống có trách nhiệm, sống trung thực, dũng cảm. Đó luôn là những phẩm chất rất quan trọng, cần thiết với người học sinh trong thời đại mới.

Biết thẳng thắn bày tỏ chính kiến trước những hành vi sai trái. Phẩm chất này được hình thành và rút ra khi tìm hiểu về cách ứng xử của nhân vật Vương Tử Trực, của ông Quán trong *Lục Vân Tiên*. Sau khi thi đỗ, Tử Trực có đến thăm nhà Võ Công. Gia đình Võ Công có ý gả con gái Võ Thể Loan cho

Vương Tử Tực - người kết nghĩa anh em với Vân Tiên. Tử Trực không những không đồng ý mà ngược lại còn thẳng thắn bày tỏ quan điểm của mình và không ngần ngại kết án Võ Công:

Vợ Tiên là Trực chị dâu
Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghì
.....
Nói sao chẳng biết hổ thầm
Người ta há phải loài cầm thú sao?

Với Võ Thể Loan, Tử Trực cũng buông những lời thẳng thắn, lên án hành vi trái đạo đức, không tha thứ cho những lời ngụy biện:

Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi,
Lòng sao mà nỡ buông lời nguyệt hoa.
Hổ hang vậy cũng người ta,
So loài cầm thú vậy mà khác chi.

Hay như nhân vật ông Quán, ông không chọn con đường ra làm quan mà lui về ẩn dật, làm nghề bán hàng cơm. Hằng ngày, sống trong cuộc sống thuần quê, gắn bó với nhân dân đã giúp ông phân định rõ lẽ *yêu, ghét* trên đời. Ông đã thẳng thắn chỉ ra: ông *ghét* các vua chúa tàn ác, không trăm lo triều chính, không chăm lo cho dân mà chỉ say mê nữ sắc, ăn chơi hưởng lạc. Ông thương những nhà nho có đạo đức, tài năng nhưng bị vua chúa bạc đãi, không có cơ hội để thực hiện lí tưởng. Tất cả mọi lẽ thương, ghét đều xuất phát từ tấm lòng thương dân, từ sự yêu thương con người.

Như vậy, qua cách hành xử của Vương Tử Trực hay của nhân vật ông Quán, học sinh tự rút ra cho mình bài học về lẽ sống ở đời. Phải sống sao cho phù hợp với những truyền thống đạo lý của dân tộc, không vì cái lợi trước mắt mà quên đi nghĩa tình. Đặc biệt, đứng trước những hành vi sai trái phải biết thẳng thắn bày tỏ chính kiến của mình, không a dua hùa theo mà phải biết phê phán chỉ ra mặt sai của nó để tự điều chỉnh hành vi đạo đức của mình.

Cho nên, đọc tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn giúp học sinh biết phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái. Đó là hành động Trịnh Hâm khi đối xử với Vân Tiên. Đứng trước hoàn cảnh của một người phải chịu những nỗi

đau quá lớn như: mất mẹ, đôi mắt đã mù lòa lại hỏng thi, vậy mà chỉ vì lòng ghen ghét, đố kị trước tài năng của Vân Tiên mà Trịnh Hâm đã không ngần ngại ra tay với chính bạn của mình, đã đẩy Vân Tiên xuống sông sâu. Một hành động hết sức tàn nhẫn, mất hết nhân tính, đáng lên án và phê phán.

Hay như, hành động gia đình Võ Công bội ước với Vân Tiên.Vì chữ hiếu mà Vân Tiên đã bỏ thi để về quê chịu tang mẹ lại thêm đôi mắt bị mù, cho nên gia đình nhà Võ Công đã lật lọng, không chấp nhận một chàng rể đui mù và không có công danh (mặc dù trước đó hai gia đình đã có hôn ước). Không chỉ vậy, họ còn độc ác hơn khi đã nghĩ ra một kế hiểm độc đem Vân Tiên bỏ vào hang sâu cho hổ báo ăn thịt. Đó là những hành động bất nhân, bất nghĩa, trái với đạo đức con người cần bị lên án và phê phán đến cùng.

Cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn góp phần giáo dục thế hệ trẻ biết sống có ý thức tự lực và dám chịu trách nhiệm trước việc làm của mình. Cuộc đời của nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu mãi là một tấm gương sáng về nhân cách và nghị lực. Năm 1846, lúc sắp vào trường thi thì nhận được tin mẹ mất, ông phải bỏ thi về quê chịu tang mẹ. Dọc đường về ông bị đau mắt nặng rồi bị mù. Nhưng không chịu khuất phục trước hoàn cảnh, ông vẫn về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, tiếng thơ của ông cũng vang khắp miền Lục tỉnh. Khi thực dân Pháp đánh vào Gia Định, ông đã cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu tính kế đánh giặc và sáng tác những vần thơ cháy bỏng căm hờn, sôi sục ý chí chiến đấu. Thực dân Pháp tìm cách mua chuộc, dụ dỗ, nhưng ông khảng khái khước từ tất cả, giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với nước, với dân.

Chính cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu với bao bất hạnh, thăng trầm nhưng vẫn sáng ngời một nhân cách, một nghị lực và sau này chúng ta cũng thấy bóng dáng của tác giả ở nhân vật Lục Vân Tiên trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Những con người dù đôi mắt đã mù nhưng vẫn không chịu khuất phục trước hoàn cảnh, điều đó nhắc nhở mỗi chúng ta, trước hết cần biết quý trọng sự sống của chính bản thân mình, cho dù có rơi vào hoàn cảnh bi đát nhất cũng không được nản chí, phải biết tự đứng lên bằng đôi chân của mình để tiếp tục sống và thực hiện ước mơ và hoài bão của cuộc đời trở thành người có ích cho xã hội.

Hay như, cách hành xử của Hớn Minh trong *Lục Vân Tiên* cũng góp phần giáo dục thế hệ trẻ về phẩm chất sống dám chịu trách nhiệm trước những việc làm của mình. Trên đường đi thi, Hớn Minh gặp con quan huyện ỷ thế làm càn, chàng đã không ngần ngại đem sức mình ra cứu người gặp nạn:

Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò

Hành động của Hớn Minh tuy là giúp người nhưng cũng là trái với phép công. Cho nên, sau khi trừng trị xong tên cậy thế, Hớn Minh chẳng để vì mình mà khiến ai bị liên lụy, chàng tự trói mình nộp cho quan huyện xét xử. Hành động đó một lần nữa tô đậm tinh thần trách nhiệm, vẻ đẹp khảng khái, chính trực của người nam nhi.

Mặt khác, qua cách hành xử của các nhân vật như Vân Tiên, Hớn Minh, Trương Định, Phan Tòng, những nghĩa sĩ nông dân... còn góp phần giáo dục thế hệ trẻ về phẩm chất sống dũng cảm, kiên định.Việc mà Vân Tiên và Hớn Minh trên đường đi thi gặp chuyện bất bình đã không ngần ngại, bất chấp cả tính mạng của bản thân để làm việc nghĩa cứu người bị nạn. Đó mãi là tấm gương về lòng dũng cảm, xả thân vì nghĩa. Lòng dũng cảm được biểu hiện ngay trong cuộc sống hằng ngày, trước những việc bất bình, trước việc kẻ mạnh ỷ thế bắt nạt kẻ yếu, chúng ta không được thờ ơ, cũng không được đứng ngoài, hãy ra tay giúp đỡ bằng khả năng của mình và hành động theo đúng những truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc.

Sâu sắc nhất, người đọc như được truyền cảm hứng về lòng dũng cảm qua hình tượng những nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* dù xuất thân từ những người nông dân quanh năm lao động mà vẫn nghèo khổ, vất vả. Họ hoàn toàn xa lạ với binh đao, với vũ khí chiến tranh. Nhưng khi thực dân Pháp đến xâm lược, họ không phải *"đợi ai đòi ai bắt"*, họ đã ý thức được trách nhiệm của mình, tự nguyện họp thành đội nghĩa binh, chung sức, chung lòng quyết tâm tiêu diệt giặc. Họ bước vào một cuộc chiến không cân sức nhưng tư thế vẫn hiên ngang, chủ động, tung hoành ngang dọc *"đạp rào lướt tới", "xô cửa xông vào", "đâm ngang, chém ngược"*... tất cả đã tô đậm khí phách hiên ngang, anh dũng của người nghĩa sĩ xuất thân từ những người nông dân. Bài học lớn nhất mà các nghĩa sĩ nông dân để lại là bài học về lẽ sống và

chết. Sống hiên ngang, chết bất khuất, thà *"chết vinh còn hơn sống nhục"*. Họ đã được tạc một bức tượng đài bất tử, bức tượng đài đó sẽ luôn luôn truyền cảm hứng bất diệt tới triệu triệu những người dân Việt Nam trong mọi thời đại.

Nguyễn Đình Chiểu cảm mến những người nghĩa quân anh dũng. Ông rất đề cao lòng kiên định và tinh thần yêu nước của họ. Phan Tòng trên đầu còn mang khăn tang mẹ, vẫn cầm quân ra trận giết giặc cũng là để làm tròn phận sự với nước, với vua:

Cơm áo đền bồi ơn đất nước
Râu mày giữ vẹn phận tôi con

(Thơ điếu Phan Tòng, X)

Trương Định cũng vậy, ra sức chiến đấu cho trọn đạo vua tôi:

Quân thần còn gánh nặng hai vai

(Thơ điếu Trương Định, IV)

Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là, họ không hiểu nghĩa quân thần, đạo vua tôi một cách mù quáng. Nhân dân cương quyết chống giặc dù triều đình phong kiến đã bạc nhược, đầu hàng. Điều đó cho họ thấy thế nào là trung quân, ái quốc, thế nào là đạo làm tôi.

Trương Định đã không nghe theo lệnh của Tự Đức về đầu hàng giặc, mà ông đã hành động theo ý nguyện của dân ở lại đánh Pháp cứu nước. Hành động của Trương Định như vậy mới thật là yêu nước và trung với vua. Bởi vậy:

Một sớ lãnh binh lờ mắt giặc,
Bằng son ứng nghĩa thắm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.

(Thơ điếu Trương Định, II)

Hay Phan Tòng cũng vậy, luôn nêu cao khí phách của người trung nghĩa, chiến đấu đến cùng, thà chết cũng không hàng giặc:

Anh hùng thà thác chẳng đầu tây,
Một giấc sa trường phận rủi may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.

(Thơ điếu Phan Tòng, II)

Cách hành xử của những người anh hùng yêu nước Trương Định, Phan Tòng một lần nữa giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước, về lí tưởng sống, về tinh thần dũng cảm, kiên định, tất cả vì đất nước, vì nhân dân.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn góp phần giáo dục thế hệ trẻ về phẩm chất sống có trách nhiệm. Trước hết là trách nhiệm với chính bản thân mình: sống có mục tiêu đúng đắn, có lí tưởng cao đẹp, mỗi học sinh cần phải xác định được cho mình mục đích và động cơ học tập đúng đắn, có ước mơ hoài bão và theo đuổi nó đến cùng như cái cách mà Vân Tiên, Hớn Minh, Tử Trực - những con người cùng chí hướng, cùng lí tưởng cao đẹp đã hành xử và cống hiến.

Sau nữa, là phải sống có trách nhiệm với những người xung quanh, với gia đình với cộng đồng lớp học, trường học và cộng đồng dân cư nơi cư trú. Phải luôn hiếu thảo và nghe lời ông bà, cha mẹ; với anh em phải hòa thuận, đùm bọc, đoàn kết, yêu thương; với bạn bè phải luôn biết quan tâm, giúp đỡ; phải tuân thủ đầy đủ nội quy học tập của lớp, của trường; tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo nơi cư trú...

Cao hơn nữa là xác định được trách nhiệm của công dân với Tổ quốc. Cho nên đọc *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, hình ảnh những con người hào hiệp, nghĩa khí, vượt qua bao gian nan thử thách để thực hiện lí tưởng phò vua, giúp nước mãi luôn nhắc nhớ chúng ta về trách nhiệm công dân với Tổ quốc. Đặc biệt, trong tác phẩm hành động vị trạng nguyên theo lệnh vua đi dẹp giặc Ô Qua là một biểu hiện của chữ Trung. Lục Vân Tiên, Hớn Minh đều là những người của triều đình, hoặc mang học vị của triều đình (Lục Vân Tiên là quốc trạng), hoặc nhận chức tước của nhà vua (Hớn Minh được phong làm phó tướng). Khi đất nước gặp nạn, bậc quân vương đã sai những người có tài đi dẹp loạn.Hành động đi dẹp giặc của Vân Tiên và Hớn Minh là phù hợp với đạo đức phong kiến.

Trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* cũng vậy, ông cũng khắc họa cách hành xử của những người nghĩa sĩ - nông dân. Một cách rất tự nhiên, ông để cho những người dân hết sức bình thường xúc cảm trước *"một mối xa thư, hai vầng nhật nguyệt"*, ông cho họ tự ý thức *"thác mà trả nước non rồi nợ, danh*

thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen, thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ". Ông khẳng định với họ *"sống đánh giặc thác cũng đánh giặc", "sống thờ vua, thác cũng thờ vua"* bởi theo ông họ cũng thấm nhuần quan niệm *"chết vinh còn hơn sống nhục"*.

Có thể nói cả Vân Tiên, Hớn Minh, Trương Định, Phan Tòng và cả những nghĩa sĩ xuất thân từ những người nông dân đều là những tấm gương yêu nước mẫu mực. Những tấm gương đó góp phần tích cực trong việc giáo dục thế hệ trẻ sống trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm với đất nước. Bởi yêu nước luôn là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của người công dân đối với Tổ quốc. Trong bài thơ *"Sao chiến thắng"* nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

"Ôi ! Tổ quốc, ta yêu như máu thịt,
Như mẹ cha ta, như vợ, như chồng !
Ôi Tổ quốc ! Nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông..."

(Sao chiến thắng - Chế Lan Viên)

Vậy, với mỗi học sinh, những công dân tương lai của đất nước, cần phải làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước? Thiết nghĩ, trước hết mỗi người cần phải có trách nhiệm xây dựng Tổ quốc: phải chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, lao động; có mục đích, động cơ học tập đúng đắn, hiểu học tập tốt cũng là yêu nước. Phải tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, lối sống xa rời các giá trị văn hóa - đạo đức truyền thống của dân tộc. Cũng phải biết quan tâm đến đời sống chính trị, xã hội của đất nước; thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích dân tộc. Đồng thời phải tích cực tham gia xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp với khả năng như: bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình từ thiện tình nguyện, phòng chống tệ nạn xã hội...

Song song với trách nhiệm xây dựng Tổ quốc là trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, đất nước ta đã hoàn toàn thống nhất, hoàn toàn độc lập tự do

nhưng mỗi cá nhân vẫn phải luôn cảnh giác chống lại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù để bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, với thanh niên học sinh cần phải: trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa; cảnh giác trước mọi âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Tích cực học tập trau dồi tri thức, tu dưỡng đạo đức, rèn đức, rèn tài. Sống có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa các gia đình thương binh, liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng do nhà trường, địa phương tổ chức. Tham gia đăng kí nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi; sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Vận động bạn bè, người thân thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

*** Tiểu kết chương 3:**

Như vậy, qua hệ thống những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mà chúng tôi đã phân tích ở trên, có thể thấy rằng tính thời sự của những tác phẩm văn học đạo lý ấy, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị của nó.

Trước hết, những tác phẩm đó góp phần giáo dục thế hệ trẻ biết sống yêu thương, nhân nghĩa. Đầu tiên, với những người thân trong gia đình, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu một lần nữa nhắc nhở chúng ta về chữ "Hiếu" của con cái đối với cha mẹ; về bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ; biết lắng nghe những lời khuyên bảo đúng đắn của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống của gia đình. Và ngược lại, cha mẹ cũng phải có trách nhiệm dạy dỗ, giáo dục con cái trở thành người con hiếu thảo trong gia đình, là công dân có ích cho xã hội. Người đọc còn thêm trân quý tình cảm vợ chồng và thấy được trách nhiệm chung thủy, yêu thương, tình nghĩa, có trước có sau trong đạo nghĩa vợ chồng. Đặc biệt, trong mối quan hệ anh em, mỗi chúng ta phải thấy được trách nhiệm thương yêu, tôn trọng, đùm bọc, biết bảo ban, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống nhất là trong xã hội hiện đại ngày nay khi mà những mối quan hệ đó dường như đang có nguy cơ mai một, xuống cấp.

Sau nữa, những tác phẩm ấy góp phần giáo dục đạo đức con người và những ứng xử văn hóa trong mối quan hệ xã hội. Đặc biệt là cách ứng xử giữa cá nhân với cộng đồng, giữa công dân với Tổ quốc; ứng xử trong quan hệ bạn bè và đặc biệt là ứng xử văn hóa trước những người gặp hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống. Bởi con người ai cũng sống, học tập và làm việc trong những

cộng đồng nhất định. Không ai sống có thể tách rời cộng đồng. Cá nhân cần phải có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ mà cộng đồng giao phó, tuân thủ những chuẩn mực đạo đức của cộng đồng.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn góp phần giáo dục thế hệ trẻ biết sống trung thực, dũng cảm và sống có trách nhiệm. Biết thẳng thắn bày tỏ chính kiến trước những hành vi sai trái; có ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống, dám chịu trách nhiệm trước việc làm của mình; sống dũng cảm, kiên định giữ vững tư tưởng lập trường; sống có trách nhiệm với bản thân, với những người xung quanh, với Tổ quốc... đó mãi luôn là những phẩm chất vô cùng cần thiết với mỗi chúng ta, đặc biệt là với thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

KẾT LUẬN

1. Tác phẩm văn chương chân chính luôn chứa đựng tiếng nói của đạo đức và thể hiện được những giá trị đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Điều này được minh chứng qua các sáng tác của các tác giả trong thời kì văn học trung đại Việt Nam. Trong đó có thể khẳng định, những giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc được tập trung thể hiện một cách có hệ thống qua sự nghiệp thơ văn của nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu. Qua hệ thống các nhân vật ở những tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu sáng tác cả trước và sau khi thực dân Pháp xâm lược đều toát lên một bề dày đạo lý và đưa những giá trị đạo lý ấy đến với bao thế hệ độc giả.

2. Cảm hứng đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện chủ yếu trên hai phương diện. Thứ nhất đó là Nguyễn Đình Chiểu khẳng định và đề cao những giá trị đạo lý của dân tộc. Dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay luôn là một dân tộc giàu truyền thống đạo lý. Điều đó được thể hiện qua cách đối nhân xử thế, qua việc ngợi ca các giá trị đạo đức. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu chính là nơi tổng duyệt lại hàng loạt những giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc như: đạo đức nhân nghĩa; tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài; lòng vị tha, chung thủy; tinh thần xả thân vì dân, vì nước... Đó là những truyền trống đạo lý tốt đẹp từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam và trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay thì những truyền thống đạo lý ấy vẫn còn nguyên giá trị và càng cần được phát huy hơn nữa. Thứ hai, Nguyễn Đình Chiểu trân trọng và ngợi ca những tình cảm tốt đẹp của con người. Và điều quan trọng là, những tư tưởng và tình cảm đó không phải chỉ được nói đến một cách cứng nhắc, rập khuôn theo quan điểm Nho giáo chính thống mà luôn có sự phù hợp với đạo đức nhân dân. Đó là sự đề cao nghĩa vua tôi, đạo vợ chồng, tình cha con, tình chủ tớ... tất cả đều được khắc họa một cách vô cùng xúc động qua hệ thống sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

3. Đặc biệt, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn có vai trò quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ hình thành được những phẩm chất tốt đẹp trong thời đại mới, đó là biết sống yêu thương và nhân nghĩa. Trước hết là trong mối quan hệ gia đình, vai trò của gia đình trong mọi thời đại luôn hiện hữu các mối quan hệ như quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa chồng với vợ, giữa các anh chị em trong gia đình. Dù đó là loại hình gia đình truyền thống hay gia đình hiện đại thì những giá trị cơ bản của nó luôn luôn được khẳng định như: cha mẹ phải có trách nhiệm yêu thương, dạy dỗ, giáo dục con cái trở thành những người con hiếu thảo, thành những công dân có ích cho xã hội và ngược lại con cái phải có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ. Trong quan hệ vợ chồng cũng vậy, được hình thành trên cơ sở tình yêu, nghĩa vụ và được pháp luật công nhận, cho nên giữa vợ và chồng phải có trách nhiệm chung thủy, yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng và tiến bộ. Giữa anh chị em trong gia đình phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng, đùm bọc biết bảo ban, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Thêm nữa, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu như một mạch nguồn kết nối các ứng xử văn hóa của con người trong các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là cách ứng xử với bạn bè, với những người gặp hoạn nạn khó khăn trong cuộc sống. Qua đó, một lần nữa góp phần giáo dục thế hệ trẻ về phẩm chất sống yêu thương, nghĩa. Bởi mỗi con người chúng ta, không ai sống mà không có bạn bè. Đặc biệt, những người bạn tốt sẽ là chỗ dựa tinh thần lẫn vật chất cho chúng ta trong cuộc sống cả những lúc sa sút, khó khăn. Cho nên, hãy luôn biết đối xử tốt với bạn bè, không ngừng bồi dưỡng, vun đắp những tình bạn trong sáng, đẹp đẽ. Mặt khác, mỗi cá nhân chúng ta là một thành viên, một tế bào của cộng đồng mà mỗi cộng đồng lại có những chuẩn mực đạo đức, những quy tắc ứng xử riêng mà mỗi cá nhân phải có nghĩa vụ tuân thủ như truyền thống yêu thương, nhân nghĩa với những biểu hiện: nhân ái, nhường nhịn, thương yêu,

hòa nhập, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn, khó khăn. Điều đó sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp giúp chúng ta vượt qua những khó khăn trong cuộc sống và tiến tới sự hoàn thiện nhân cách.

4. Bên cạnh đó, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn góp phần quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ biết sống trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm. Biết thẳng thắn bày tỏ chính kiến trước những việc làm sai trái; biết phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái; giúp thế hệ trẻ sống có ý thức tự lực, vươn lên trong cuộc sống và dám chịu trách nhiệm trước những việc làm của mình; biết sống dũng cảm, kiên định, luôn giữ vững tư tưởng lập trường; và đặc biệt là biết sống có trách nhiệm với bản thân, với những người xung quanh, với Tổ quốc. Đặc biệt, mỗi người chúng ta dù sống trong bất cứ một chế độ xã hội nào cũng cần phải có lòng yêu nước, phải xác định được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc - đó là một truyền thống đạo đức cao quý, thiêng liêng nhất của dân tộc Việt Nam, là cội nguồn của hàng loạt các giá trị truyền thống khác của dân tộc.

5. Có thể thấy rằng, qua những tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã làm được một việc vô cùng lớn lao, đó là ông đã mang đến một sợi dây liên kết mọi tâm hồn Việt Nam lại với nhau bởi chất keo đạo lý truyền thống. Điều ấy đã tạo ra một sức mạnh tinh thần to lớn cho cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược ngay từ buổi đầu. Sự góp mặt của dòng văn học đạo lý ấy đã làm phong phú thêm cho bức tranh toàn cảnh của văn học trung đại Việt Nam.

6. Cho dù những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã ra đời cách đây từ rất lâu, nhưng nhìn lại những tác phẩm ấy chúng ta vẫn thấy được ý nghĩa thời sự nhất định. Đặc biệt là trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay, với nhịp sống hối hả, khẩn trương nhiều khi chúng ta đã lãng quên đi những giá trị đạo lý truyền thống của dân tộc thì tác phẩm văn chương đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu một lần nữa nhắc nhở những truyền thống đạo lý ấy. Mặt khác, tác phẩm văn chương

của Nguyễn Đình Chiểu cũng bước đầu đáp ứng được mục tiêu của *Chương trình Giáo dục phổ thông* trong thời đại mới, đó là thông qua tác phẩm văn chương góp phần hình thành ở thế hệ trẻ những tình cảm, những phẩm chất tốt đẹp. Cho nên có thể khẳng định rằng, tìm hiểu và tiếp cận với những sáng tác văn học đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu sẽ giúp tâm hồn người đọc được thanh lọc và thêm trân quý những đạo lý truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc. Thiết nghĩ, những truyền thống đạo lý tốt đẹp ấy cần tiếp tục được giữ vững và không ngừng phát huy hơn nữa trong mọi bối cảnh, mọi thời đại xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2009), *Từ điển Hán Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Mai Văn Bính (CB, 2014), *Giáo dục công dân 10*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. An Cư (1967), *Giá trị đạo đức của truyện Lục Vân Tiên*, Đồng Nai văn tập, Sài Gòn, số 15.
4. Nguyễn Ngọc Chỉ (1923), *Một nhà thi sĩ trứ danh nước ta: cụ Nguyễn Đình Chiểu làm truyện Lục Vân Tiên* - Nam Phong tạp chí, số 76.
5. Nguyễn Đình Chiểu (2001), *Truyện Lục Vân Tiên*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Chú (1998), *Từ lí tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước - Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Đình Chú (1998), *Từ thực tế giảng dạy trong nhà trường nghĩ thêm về nghệ thuật văn chương Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Phan Cự Đệ (2009), *Văn học Việt Nam 1900-1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Phạm Văn Đồng (1969), *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ,* Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Nguyễn Thạch Giang (2000), *Từ ngữ - Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
11. Bảo Định Giang (2001), *Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỉ XIX*, Nxb Trẻ.
12. Hà Huy Giáp (1976), *Truyện Lục Vân Tiên*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
13. Trần Văn Giàu (1976), *Lời giới thiệu hợp tuyển thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ XIX*, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Dương Thu Hằng (2003), *Mối quan hệ giữa đạo đức và văn chương trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ Văn, trường ĐHSP Hà Nội.

15. Nguyễn Phạm Hùng (2001), *Trên hành trình văn học trung đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
16. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Trần Đình Hượu (2002), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
18. Hoàng Thị Lan (2009), *Từ láy trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Luận văn Thạc sĩ khoa học ngôn ngữ, ĐHSP Thái Nguyên.
19. Bàng Bá Lân (1971), *Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ bình dân lớn của miền Nam*, Kỉ yếu lễ kỉ niệm NĐC, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
20. La Kim Liên (2005), *Tìm hiểu quan niệm đạo đức của Nguyễn Trãi qua Quốc âm thi tập*, tạp chí nghiên cứu văn học , số 5, tr 81.
21. Vũ Đình Liên (1972), *Từ nhân sinh quan đến thẩm mĩ quan của Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí văn học, số 4, Hà Nội.
22. Nguyễn Lộc (2009), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII- hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Phan Trọng Luận (Tổng CB, 2007), *Ngữ văn 11 tập 1*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
24. Phương Lựu (2004), *Lí luận văn học (tập 1,2),* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
25. Phương Lựu (1997), *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
26. Nguyễn Đăng Na (2001), *Những vấn đề lịch sử và phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Nguyễn Phong Nam (1998), *Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. Niculin (1972), *Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt Nam* - Tạp chí văn học nước ngoài.

29. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
30. Hoàng Phê (chủ biên) (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
31. Nguyễn Huy Quát (Biên soạn) (2002), *Để hiểu thêm về Đồ Chiểu, Yên Đổ, Tú Xương*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
32. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hà Nội.
33. Trịnh Thị Thu Tiết (1984), *Vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong văn học cận đại Nam Bộ*, Kỉ yếu 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, Nxb KHXH TP Hồ Chí Minh.
34. Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần (2004), *Từ điển truyện Lục Vân Tiên,* Nxb Thanh Niên, TP Hồ Chí Minh.
35. Hoài Thanh (1983), *Tuyển tập*, Nxb Văn học Hà Nội.
36. Tuấn Thành, Anh Vũ (tuyển chọn) (2007*), Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học, Hà Nội.
37. Trần Ngọc Thêm (2008), *Cơ sở văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
38. Lương Thị Thêu (2007), *Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện nôm Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu,* Khóa luận tốt nghiệp đại học, ĐHSP Thái Nguyên.
39. Trần Nho Thìn (2003), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn) (1998), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm,* Nxb Giáo dục.
41. Lê Trí Viễn (1982), *Nguyễn Đình Chiểu - ngôi sao càng nhìn càng sáng* Nxb TP. Hồ Chí Minh.
42. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.